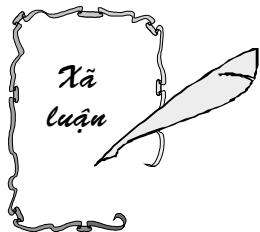


# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 - Số 201 - Năm thứ 19, tháng 03.2006

## Châu Âu lên án chủ nghĩa và các chế độ cộng sản

Ngày 25-1-2006 vừa qua, bằng một đa số áp đảo, Hội Đồng Châu Âu đã biểu quyết nghị quyết 1481 lên án cả chủ nghĩa cộng sản lẫn các chế độ cộng sản đã hoặc đang tồn tại.

Bản nghị quyết dứt khoát nhận định rằng chủ nghĩa cộng sản, với hai thành tố chính của nó là đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản, đã là nguyên nhân của những tội ác kinh khủng đối với loài người (điều 3), và các chế độ cộng sản, không trừ một ngoại lệ nào, đều đã vi phạm một cách nghiêm trọng những quyền cơ bản của con người, kể cả tàn sát trên một qui mô lớn những người vô tội (điều 2). Nghị quyết khẳng định những tội ác này cần được xét xử một cách nghiêm khắc như những tội ác của các chế độ phát-xít và quốc xã (điều 5).

Các nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản dĩ nhiên cần được trả lại công lý (điều 8), nhưng nghị quyết nhận định rằng cho tới nay sự lên án chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản vẫn chưa đủ minh bạch và quả quyết, các can phạm vẫn chưa bị xét xử và trừng trị, nhiều đảng cộng sản vẫn còn được phép hoạt động chính thức, một số vẫn tiếp tục cầm quyền tại một số quốc gia và sử dụng chủ quyền quốc gia như một lý cớ để chè đạp con người (các điều 6, 8, 9). Vì thế, nghị quyết kêu gọi cộng đồng thế giới có một thái độ mạnh mẽ hơn cùng với những cố gắng liên tục để xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản. Lập trường này có tầm quan trọng đặc biệt: nó mở đường cho một đạo luật, ít nhất là cho châu Âu trước khi trở thành luật quốc tế, đặt chủ nghĩa cộng sản và các chế độ cộng sản ra ngoài vòng pháp luật.

Biểu quyết nghị quyết này, Hội Đồng Châu Âu đã

chỉ làm bốn phận của mình. Trước hết là bốn phận đạo đức của châu Âu đối với thế giới: chính châu Âu đã khai sinh ra các chủ nghĩa tệ hại phát-xít, quốc xã và cộng sản, trong đó chủ nghĩa cộng sản đã gây tai họa nhiều nhất, nhưng tới nay châu Âu đã chỉ chính thức lên án và xét xử các chủ nghĩa phát-xít và quốc xã. Châu Âu có trách nhiệm lớn đối với thảm kịch mà chủ nghĩa cộng sản đã gây ra đối với nhân loại, nhất là đối với bốn dân tộc Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và Bắc Cao Ly vẫn còn chịu đựng ách cộng sản. Đến nay châu Âu mới lên tiếng là đã quá trễ. Sau đó là bốn phận đối với tương lai, để một thảm kịch tương tự không tái diễn nữa.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phản đối một cách thô vụng. Chính sự phản đối này tố giác sự tồi dở của ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam. Họ muốn thuyết phục ai và có thể thuyết phục được ai? Chủ nghĩa cộng sản ra đời tại châu Âu dựa trên những phân tích về bối cảnh lịch sử và xã hội châu Âu trong thế kỷ 19. Nó là một sai lầm trong cố gắng mưu tìm một công thức dân chủ hóa, nghĩa là một sai lầm trong việc theo đuổi một mục tiêu đúng, dù là một sai lầm trong mọi địa hạt và trên mọi phương diện, từ nhận thức đến kết luận, từ lý thuyết đến thực hành. Nó đã là một sai lầm đẫm máu và trở thành một tội ác chứ không phải là một chủ trương độc ác ngay từ đầu.

Lịch sử nhân loại đầy rẫy những sai lầm. Có thể nói các chế độ kế tiếp nhau đều là những chuỗi sai lầm trong cố gắng mò mẫm của loài người để khai phóng con người. Sai lầm có thể hiểu được, ngoan cố trong sai lầm là một tội ác, và tội ác càng lớn khi sai lầm đã quá rõ ràng.

Thông Luận

## Khả năng phòng vệ của Đài Loan

Nguyễn Minh

Trái với suy tưởng của nhiều người, từ ngày trở thành Trung Hoa Dân Quốc (1949) tới nay, Đài Loan chưa hề run sợ trước những đe dọa bằng vũ lực của Trung Quốc. Cái ô dù che chở bằng quân sự của Hoa Kỳ chỉ là lý cớ để Trung Quốc không bị mất mặt mà thôi.

Những phô trương sức mạnh bên ngoài gần đây của Trung Quốc chỉ nhằm che giấu sự yếu kém của Trung Quốc trước Đài Loan. Trong thực tế chính Trung Quốc đã phải nhượng bộ Đài Loan để tiếp tục được giúp đỡ về tài chính cũng như về kỹ thuật để duy trì tốc độ phát triển cao. Trong dịp Tết Bính Tuất năm vừa qua, từ ngày 20-1 cho đến 7-2-2006, Trung Quốc đã tăng cường thêm 72 chuyến bay để chở các nhà đầu tư Đài Loan và gia đình cư ngụ tại Trung Quốc về quê thăm gia đình.

Sự thật như thế nào ? Bắc Kinh lo sợ không thống nhất được với Đài Bắc vì thua kém cả về trình độ phát triển kinh tế lẫn kỹ thuật quân sự. Lý do là từ thập niên 1970 đến nay, Đài Loan đã không ngừng canh tân và tăng cường hệ thống phòng thủ của mình cả về hải lục không quân lẫn tình báo quân sự trước những đe dọa của Trung Quốc. Kinh phí quốc phòng của Đài Loan không ngừng tăng lên với thời gian, từ 1993 đến 1997 chi phí quốc phòng chiếm 5,19% tổng số GDP của Đài Loan, từ 1998 đến 2002 tỷ lệ này tăng lên 7,12%. Mỗi năm Đài Loan tăng ngân sách quốc phòng thêm 3 tỷ USD, từ 11,2 tỷ USD năm 2003 lên 14,7 tỷ USD năm 2004, và gần 18 tỷ USD cho năm 2005, ngang bằng ngân sách hải quân Trung Quốc (2000-2005) và Nhật Bản (2001-2010).

### Thực lực của hải quân Đài Loan

Cũng nên biết ngân sách dành cho hải quân Đài Loan chiếm 45,2% ngân sách quốc phòng. Tất cả những tàu chiến của hải quân Đài Loan đều mua từ Mỹ và Pháp, hoặc được sản xuất tại chỗ với những trang bị kỹ thuật quân sự mới nhất của Mỹ, Pháp và châu Âu. Hiện nay hải quân Đài Loan có 26 khu trục hạm, 22 tuần dương hạm, 9 tàu ngầm diesel đời mới và khoảng 100 tàu đổ bộ của thủy quân lục chiến. Sức mạnh của hải quân Đài Loan chỉ đứng sau Nhật Bản và vượt hẳn hải quân Trung Quốc trong eo biển Đài Loan.

Từ sau năm 1972, sau khi Mỹ thiết lập bang giao với Trung Quốc, chiến lược phát triển quân sự của Đài Loan đã rất khôn khéo để có được tất cả mà không ai bị phiền lòng, nhất là Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Nhắc lại, lợi dụng lúc Mỹ đổi đời các tàu chiến năm 1991, Đài Loan đã mua 9 tuần dương hạm kiểu Knox và 3 tàu phá ngư lôi có khả năng bắn hỏa tiễn đối hạm tầm xa, nâng tổng số tàu phá ngư lôi của Đài Loan lên đến 16 chiếc. Ngày 21-9-1992, Đài Loan mua thêm 12 trực thăng săn tàu ngầm của Mỹ, loại Sea Pliight SH-2F (trị giá 1,61 tỷ USD). Trước đó hải quân Đài Loan đã có 32 máy bay

chống hạm trên biển. Với những trang bị này, Đài Loan đã xây dựng một hệ thống phòng thủ dày đặc quanh đảo dư sức đối phó với hải quân Trung Quốc, từ bán đảo Triều Tiên cho đến đảo Thái Bình ở quần đảo Nam Sa.

Tuy vậy Đài Loan không muốn bị lệ thuộc vào nước ngoài về trang bị vũ khí. Kế hoạch phòng vệ của Đài Loan năm 1992, còn gọi là Quang Hóa II, dự trù trang bị cho hải quân Đài Loan những loại vũ khí sản xuất hay lắp ráp tại chỗ. Nhưng vì Pháp chào bán với giá hạ nên Đài Loan đã mua 6 tuần dương hạm tàng hình trị giá 12 tỷ FRF. Tháng 4-1992, Đài Loan chấp nhận để Pháp trang bị thêm các loại hỏa tiễn bắn bằng tia laser cho 6 chiến hạm vừa nói và 4 chiến hạm Thành Công. Ngoài ra các chiến hạm mới này, kể cả 5 chiến hạm Aegis mua của Mỹ, còn được trang bị thêm các loại đại bác 76 ly Otto của Hòa Lan, đại bác liên thanh Volkforce, đại bác cận chiến 20 ly và nhiều loại vũ khí tối tân khác.

Cho đến 1993, Đài Loan đã có 180 tàu chiến và 4 tàu ngầm, trong đó có các chiến hạm Thành Công (do công ty CSBC của Đài Loan ở Cao Hùng sản xuất, trị giá 700.000 USD/chiếc). Ngoài ra Đài Loan còn có 7 khu trục hạm chống tàu ngầm, được trang bị hỏa tiễn SeaHawk SH-60B, mỗi chiếc có 2 trực thăng chống tàu ngầm S-70CM-1ASW. Tối tân nhất là 5 tàu tác chiến kiểu Aegis (mua của Mỹ) được trang bị hỏa tiễn phòng không có thể bắn được cùng một lúc 16 máy bay địch nhờ 2 dàn radar ADAR và SPY-1, và được trang bị thêm loại hỏa tiễn tầm xa (do hai công ty General Electric và RCA của Mỹ thiết kế) có thể bắn các chiến hạm địch cách xa 176 km (95 hải lý). Với những trang bị này, hải quân Đài Loan vượt hơn hẳn hải quân Trung Quốc thời đó.

Từ 1997 trở đi, mỗi tàu chiến của Đài Loan còn được trang bị thêm 2 máy phát xạ có thể bắn liên tiếp 4 hỏa tiễn Hùng Phùng hạm đối hạm (do Đài Loan sản xuất). Kể từ năm 2000, các tàu chiến mua của Mỹ được trang bị thêm 2 loại hỏa tiễn Thiên Cung 1 và Thiên Cung 2 hạm đối không (do Đài Loan sản xuất, ngang hàng với hỏa tiễn SM-2 của Mỹ). Năm 2005, Đài Loan mua thêm hai khu trục hạm mới kiểu Kids mới từ Hoa Kỳ, năm 2006 sẽ mua thêm 5 tàu ngầm chạy bằng diesel của Mỹ để bảo vệ lãnh hải.

Nhưng Đài Loan vẫn còn thua Trung Quốc về số lượng tàu ngầm (trên 100 chiếc). Bù lại hải quân Đài Loan có trên 40 tàu phá ngư lôi và săn tàu ngầm loại S-2A/EIG do Mỹ chế tạo và 12 tiêm kích hạm 500 tấn đủ khả năng ngăn ngừa sự xâm nhập của tàu ngầm Trung Quốc.

### Không quân Đài Loan tinh nhuệ nhất châu Á

Cho đến cuối thập niên 1980, không quân Đài Loan vẫn tiếp tục sử dụng các loại khu trục cơ F104 của Mỹ (130 chiếc), nhưng cũng đủ để đối phó với không quân Trung Quốc, chỉ được trang bị bằng các loại chiến đấu cơ Mig

kiểu cũ của Nga. Trong các cuộc không chiến từ 1950 đến 1970, phi công Đài Loan đã bắn hạ trên 10 chiến đấu cơ Mig của Trung Quốc mà không bị thiệt hại nào.

Sau 1992, lực lượng không quân Đài Loan đã thay đổi hẳn, cả về số lượng lẫn trang thiết bị chiến đấu. Tháng 6-1992, Đài Loan đã mua của Pháp 100 chiến đấu cơ Mirage 2000-5 tối tân nhất và 1.500 phi đạo không đối không Magic và Matra Mica. Tháng 9-1992, Đài Loan mua thêm của Mỹ 150 chiến đấu cơ F16 loại mới nhất với tổng trị giá 12,75 tỷ USD.

Ngoài ra trường huấn luyện không quân Đài Loan còn được trang bị 40 oanh tạc cơ nhẹ loại AT-3 của Mỹ, đủ khả năng tấn công bất cứ mục tiêu nào ở chung quanh đảo. Nhưng tiềm năng tấn công chiến lược của không quân Đài Loan là 300 oanh tạc cơ F5-EIF, mua của Mỹ từ 1974 đến 1983, được trang bị bằng những radar APG-66T mới nhất.

Thực ra Đài Loan có đủ khả năng và kỹ thuật để sản xuất các loại máy bay chiến đấu nội địa. Ngày 29-10-1989 kỹ sư Đài Loan đã sản xuất thành công chiến đấu cơ mẫu Kinh Quốc và dự định sẽ sản xuất 250 chiếc Kinh Quốc vào năm 1993. Nhưng ngân sách quốc phòng lúc đó được dùng để mua các loại chiến đấu cơ F16 của Mỹ và Mirage 2000 của Pháp nên chỉ sản xuất được 60 chiếc vào năm 1997.

Cái hay của không quân Đài Loan là biết canh tân với chi phí tối thiểu. Theo kế hoạch Quang Hóa II, Đài Loan sẽ bán lại cho Philippines tất cả các loại máy bay F104 (khu trực cơ) và F5 (oanh tạc cơ) vào đầu thế kỷ 21. Nhưng khả năng tài chính của Philippines chỉ đủ mua 130 khu trực cơ F104, nên Đài Loan đã hiện đại hóa 300 chiếc oanh tạc cơ F5 bằng những động cơ và hỏa tiễn mới, đủ khả năng tấn công những địa điểm xa nhất trên lãnh thổ Trung Quốc, nhờ nắm vững kỹ thuật tiếp tế nhiên liệu trên không của 13 vận tải cơ khổng lồ C130H. Ngoài ra Đài Loan còn biến cải 40 máy bay tiếp vận C119 thành oanh tạc cơ BC119 có khả năng thả ngư lôi chính xác hơn.

Cho đến cuối năm 2005, Đài Loan có 650 chiến đấu cơ hiện đại và 10 chiếc F26 tối tân nhất do Mỹ và 15 quốc gia đồng minh chế tạo. Với sức mạnh này, không quân Đài Loan dư sức đánh bại không quân Trung Quốc (với 27 chiến đấu cơ SU-27, SU-33 của Nga từ 1990 và 100 SU-35 mua của Nga năm 2005) trên bầu trời và có thể đánh chìm tất cả tàu chiến và tàu ngầm của Trung Quốc, kể cả hàng không mẫu hạm sắp đưa vào hoạt động trong 15 năm tới.

### Lực lượng không quân Đài Loan

Ngày 1-7-1989, chế độ quân đoàn đã bị bãi bỏ và lực lượng không quân Đài Loan được tổ chức lại thành những đơn vị cấp sư đoàn và liên đoàn dã chiến, nhằm gia tăng sức cơ động và hiệu lực của lực lượng.

Trước đó chủ lực tấn công trên bộ của Đài Loan gồm có 310 chiến xa M48-A5, vừa đủ để trang bị một sư đoàn thiết giáp, và 140 chiến xa M60-A dành riêng cho lực lượng thủy quân lục chiến. Hơn phân nửa lực lượng chiến xa này được trang bị hỏa tiễn chống chiến xa TOW của Mỹ. Ngoài ra Đài Loan còn có 260 xe bọc thép M24 và 650 xe

bọc thép loại nhẹ M21. Tổng số xe bọc thép của lực lượng bộ binh Đài Loan kể cả thủy quân lục chiến là 1.100 chiếc. Với số lượng xe tăng và xe bọc thép này, đây cũng là lực lượng bảo vệ Đài Loan trên đất liền hữu hiệu nhất.

Lực lượng cao xạ di động của Đài Loan gồm có 10 chiến xa M42 được trang bị bằng những đại bác liên thanh. Hệ thống phòng không có thêm 766 hỏa tiễn Chaparad gắn trên xe tăng M48 để bảo vệ các căn cứ không quân. Có thể nói lực lượng phòng không của Đài Loan hiện nay thuộc hàng xuất sắc nhất thế giới.

Kể từ 2006 trở đi, lực lượng phòng không của Đài Loan sẽ được trang bị thêm các dàn Patriot, hỏa tiễn chống hỏa tiễn của Mỹ, trị giá 10,6 tỷ USD. Lý do là hiện nay Trung Quốc đang chĩa 800 hỏa tiễn (mỗi đầu đạn chứa 500 kg TNT) vào Đài Loan, với tốc độ gia tăng thêm 100 hỏa tiễn mỗi năm.

Về khả năng bảo vệ bờ biển, lực lượng phòng thủ được trang bị 500 đại bác không giật 105 mm, 155 mm và đại bác tầm xa 203 mm. Ngoài ra còn có 120 đại bác di động trên các chiến xa M52, M105 và M108. Pháo binh Đài Loan có trên 200 khẩu pháo 155 ly M109-A2 và 75 xe pháo 175 mm M107 đặt khắp đảo. Các sư đoàn bộ binh sử dụng hai loại pháo 105 ly và 155 ly để hỗ trợ chiến đấu.

Lực lượng Đài Loan có hai lữ đoàn nhảy dù, 4 liên đoàn lực lượng đặc biệt để triển khai trong các trường hợp khẩn cấp. Số nam nữ quân nhân Đài Loan có bằng nhảy dù lên đến 250.000 người. Đài Loan cũng đang trang bị chống đe dọa NBC (nuclear, biologic, chemical), thay thế các loại mặt nạ chống hơi độc kiểu cũ bằng loại mặt nạ phòng vệ mới (theo thiết kế của Đức). Ngoài ra Đài Loan cũng đang kiện toàn những căn cứ nằm sâu dưới lòng đất, với đầy đủ tiện nghi, để bảo vệ bộ chỉ huy và phòng ngừa một cuộc tấn công bất ngờ và qui mô bằng hỏa tiễn của Trung Quốc.

Về truyền tin hệ thống thông tin của quân đội Đài Loan đã đổi từ viễn thông sang dây ngầm và điện tử. Từ tháng 10-1993, hệ thống canh chừng bờ biển và hỏa tiễn phòng vệ ven biển của Đài Loan đã dùng hệ thống radar di động tư chế UPS-60C. Tháng 2-1992, Đài Loan đã mua của Mỹ 26 máy bay trực thăng trinh sát OH58, 18 máy bay trực thăng công kích Super Cobra AH-1W, với tổng trị giá 1,2 tỷ USD.

Về tình báo, với những kỹ thuật tinh vi và khả năng tài chính, giới tình báo Đài Loan đã nắm vững gần như toàn bộ mọi sinh hoạt và dự tính quân sự của Trung Quốc đối với Đài Loan. Có thể Đài Loan sẽ đồng tình với những tham vọng của Trung Quốc trong vùng Đông Nam Á, vì cùng theo chủ nghĩa Đại Hán, nhưng nhất quyết sẽ không để Trung Quốc lấn át về mặt quân sự.

Sở dĩ Đài Loan không sợ Trung Quốc là vì đang nắm yết hầu của "con cọp giấy Trung Quốc": nguồn vốn đầu tư. Hơn 2/3 công ty có vốn nước ngoài tại Trung Quốc đều do người Đài Loan làm chủ. Nếu Trung Quốc trở mặt, Đài Loan sẽ mất tiền nhưng Trung Quốc sẽ mất luôn chỗ đứng quan trọng trên trường quốc tế. Cuộc tranh đua ngoại giao, quân sự và kinh tế giữa hai nước Trung Hoa ngày càng gia tăng. Đây là điểm nóng của thế giới trong đầu thế kỷ 21.

**Nguyễn Minh** (Tokyo)

# Đảng cộng sản không thể đổi mới

Nguyễn Gia Kiểng

Theo các khảo cứu và thực nghiệm của khoa tâm lý xã hội thì những quyết định quan trọng thường hay hơn khi do một ủy ban hay một tập thể. Hai lý do quan trọng là, một mặt, trước những chọn lựa quyết định tương lai và sự sống còn của tập thể, mọi người đều bị ràng buộc trong cùng một số phận, điều tốt cho tập thể cũng là điều tốt cho mỗi người và, mặt khác, kinh nghiệm cho thấy con người trở thành bạo dạn hơn trong một quyết định động đội.

Điều ngược lại đang xảy ra với Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nếu ta gặp riêng từng người cộng sản và nói chuyện một cách cởi mở với họ thì tất cả, không trừ một ngoại lệ nào, đều đồng ý rằng phải dân chủ hóa nhanh chóng, phải từ giã chủ nghĩa Mác-Lênin đã quá lỗi thời, phải hội nhập với thế giới. Họ nghĩ đúng, như đại đa số người Việt Nam. Cá nhân mỗi người cộng sản cũng không xấu hổ mức trung bình quốc gia của chúng ta. Thế nhưng khi ngồi lại với nhau thì họ chỉ lấy những quyết định chống dân chủ, lại kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin.

Cần nhận xét là từ nhiều năm qua đảng cộng sản không những không cởi mở thêm mà trái lại còn thủ cựu và phản động hơn trước. Một thí dụ là hai mươi năm trước đây người ta còn nói đến phân biệt đảng và nhà nước, bây giờ vấn đề này không còn được đề cập đến nữa. Cựu tổng bí thư Lê Khả Phiêu có lần còn nói đến việc bổ nhiệm những bộ trưởng không phải là đảng viên cộng sản và còn tiếp xúc với những người dân chủ. Bây giờ chỉ còn có công an đến gắp những người dân chủ để đe doa. Nếu xã hội Việt Nam tiếp tục cởi trói như thực tế cho thấy, thì cũng chỉ vì áp lực của xã hội dân sự Việt Nam và dư luận thế giới đã buộc đảng cộng sản phải nhượng bộ một cách lúng túng và miễn cưỡng. Đảng bảo thủ và nhút nhát hơn mỗi đảng viên một cách quá đáng.

Điều này trước hết phải được hiểu là đảng cộng sản không còn là một tổ chức đúng nghĩa nữa, sự sống còn của đảng không còn đồng nghĩa với tương lai của mọi người, điều tốt nhất cho mỗi người là thận trọng thủ thỉ dù đảng có tiếp tục sa lầy trong bế tắc. Tuy vậy, ù lì đến như vậy thì cũng phải có một lý do khác: đảng cộng sản không còn đổi mới được nữa.

Thảm kịch của đảng cộng sản thực ra đã bắt đầu ngay từ ngày 30-4-1975. Sự bẽ bàng còn lớn hơn vinh quang chiến thắng. Hòa bình và thống nhất đã chỉ phơi bày một miền Bắc xã hội chủ nghĩa thua kém miền Nam, xô bồ và thối nát, về mọi mặt. "Tính hơn hẳn" của chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành một trò cười. Sự tồi tệ của nó được phơi bày rõ rệt cùng với sự nghèo khổ cùng cực của đồng bào miền Bắc. Sự thực đã quá hiển nhiên nhưng đảng cộng sản không thể công khai nhìn nhận. Họ không thể nhìn nhận là đã hy sinh bốn triệu sinh mệnh trong một cuộc chiến 15 năm cho một sai lầm. Nếu thế thì họ không còn tư cách gì

để nắm chính quyền, ngay cả để hiện diện trong sinh hoạt quốc gia một cách bình thường. Nhìn nhận một sai lầm kinh khủng như vậy đòi hỏi một lòng yêu nước, một tinh thần trách nhiệm và một sự lương thiện ở mức độ quá cao đối với những người lãnh đạo cộng sản. Hơn nữa họ đã được đào tạo để chỉ biết có bài bản cộng sản, bỏ chủ nghĩa này họ chỉ là những con số không về kiến thức. Cũng phải nói là trong bản chất con người ít ai chịu từ bỏ quyền lực khi đã nắm được. Những người cộng sản rất thực tiễn, họ không có cái lăng mạn tiểu tư sản. Kịch bản của một chủ nghĩa độc hại bao giờ cũng giống nhau: kẻ đi trước có thể đã cuồng tín vì mù quáng, nhưng người đi sau chỉ ngoan cố vì quyền lợi.

Kết quả là cả chế độ đã đặt nền tảng trên một sự hung bạo gian trá, càng phải hung bạo khi sự gian trá càng rõ rệt. Chế độ cộng sản đã mất đi sự chính đáng mà mọi chế độ đều phải có. Sự chính đáng của đảng cộng sản dựa trên ba huyền thoại: sự ưu việt của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhân vật xuất chúng Hồ Chí Minh và những hy sinh dũng cảm trong cuộc chiến đấu giành độc lập và thống nhất đất nước. Nhưng chủ nghĩa Mác-Lênin đã phơi bày sự tồi tệ của nó, huyền thoại Hồ Chí Minh ngày càng trở thành lố bịch. Chỉ còn lại thành tích chiến đấu và chiến thắng, nhưng thành tích này cũng đã mất hết ý nghĩa. Vả lại, ngay cả nếu nó có là một thành tích đem lại cho đảng cộng sản một sự chính đáng nào đó thì nó cũng đã thuộc vào quá khứ và không còn sử dụng được nữa. Thành quả nào cũng chỉ có thể đem lại cho người cầm quyền một sự chính đáng nhất thời để xây dựng những thành quả khác và đổi mới sự chính đáng. Các thành quả không thể chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những người sẽ vào trung ương đảng năm 2006 ở lứa tuổi trung bình 50, năm 1975 họ chưa đủ 20 tuổi và không có đóng góp nào trong chiến tranh; thành quả thực sự của họ chỉ là dày dặn dân tộc trong hơn 30 năm, khiến đất nước ngày càng tụt hậu về mọi mặt, để mất đất và biển và tạo ra tham nhũng ở mức độ chưa từng thấy. Đối với dân chúng, họ là đối tượng của sự thù ghét, bất tín và bất phục. Chính sách thực sự của đảng là kéo dài sự tồn tại bằng cách ngăn chặn mọi thay đổi.

Không phải là đảng cộng sản không thấy sự cần thiết của dân chủ, cũng không phải là họ không tin rằng xu hướng dân chủ hóa không thể đảo ngược được. Họ thấy từ lâu rồi nhưng họ không dám thay đổi, bởi vì họ thừa biết sẽ bị thảm bại trong các cuộc bầu cử dân chủ. Với thời gian, mâu thuẫn và khó khăn tích lũy, từ chối không dám và không muốn thay đổi họ đã đi đến tình trạng không thể thay đổi.

Nhưng khi một đảng cầm quyền tồn tại bằng cách chống lại những thay đổi bắt buộc thì vô số bệnh tật sẽ phát sinh ngay trong cơ thể của nó. Một trong những bệnh tật này là sự xuống cấp nhanh chóng của nhân sự lãnh đạo.

Khi lập trường nền tảng là chống thay đổi, thì những kẻ ít ý kiến nhất trở thành những người đáng tin cậy nhất, và bộ máy sàng lọc chỉ để lại những cấp lãnh đạo không cá tính và bản lãnh. Ba vị lãnh đạo cao nhất của chế độ, các ông Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải và Trần Đức Lương là những thí dụ điển hình. Họ đã nâng phương châm "ngậm miêng ăn trùm" lên hàng một nghệ thuật. Cả ba đều là những người rất tầm thường, ngay cả so với những người cùng thế hệ và cùng đội ngũ với họ. Họ không có tài năng hay đạo đức đặc biệt nào, họ đã chỉ lên được những địa vị quyền lực cao nhất nhờ khôn vặt, nhờ được cảm tình của những người có quyền cất nhắc, Lê Đức Thọ rồi Lê Đức Anh, không gây ra một vấn đề nhức nhối nào và không là một đe dọa cho ai. Họ là điển hình cho những cấp lãnh đạo cộng sản hiện nay và sắp tới. Có thể nói mà không sợ sai lầm rằng phương pháp đánh giá đúng nhất đối với những cấp lãnh đạo cộng sản là nhìn vào chức vụ của họ, chức vụ càng cao càng chứng tỏ họ thiếu nhân cách và bản lãnh. Những cấp lãnh đạo này có uy tín nào để lấy những quyết định thay đổi quan trọng, ngay cả nếu họ thấy là cần ?

Một chế độ không chính đáng, không lý tưởng và thiếu lãnh đạo tất nhiên sẽ suy yếu và phân hóa ngay cả khi không bị chống đối. Điều mà nhiều người không ý thức được là trên thực tế đảng cộng sản chỉ còn là một hư cấu. Trong một xã hội mà cái gì cũng mua được, kẻ có tiền là kẻ có quyền . Thực quyền hiện nay không còn nằm trong tay những người lãnh đạo đảng cộng sản nữa. Nó ở trong tay một giai cấp quý tộc mới, những người mà ngôn ngữ dân gian gọi là tư sản đồ, nhưng thực ra phải gọi là tư sản đen, tư sản lưu manh. Đảng và nhà nước cộng sản chỉ là những cơ quan chấp hành của giai cấp thống trị này.

Nhà nước Việt Nam cũng chỉ còn là một hư cấu. Đảng cộng sản, quân đội, công an đều có công ty riêng và tài chính độc lập. Quân đội có công an của quân đội và công an có lực lượng chiến đấu của công an, đảng có cơ cấu riêng trong quân đội và công an. Trên thực tế, đây là những nhà nước trong nhà nước, với những quyền lợi và mục tiêu mâu thuẫn. Chưa kể là với sự mờ nhạt của lãnh đạo trung ương, mỗi địa phương gần như là một sứ quân. Cũng chưa kể là hiện nay người dân nộp tiền cho tham nhũng nhiều hơn là đóng thuế cho nhà nước và sợ các băng đảng xã hội đen hơn là công an chính thức. Vấn đề cấp bách hiện nay là phải có trước hết một nhà nước thực sự, để ít nhất còn biết đối thoại với ai.

Đừng thấy đảng cộng sản bắt bớ và bỏ tù những người dân chủ mà nghĩ rằng nó còn mạnh. Dàn áp những người lương thiện tay không là điều mà chế độ nào, dù bất lực đến đâu cũng làm được. Ngày xưa Hồ Quý Ly lập chế độ hộ khẩu, không chế chặt chẽ dân chúng trong nước và đán cựu thần của nhà Trần nhưng đã thất bại nhanh chóng trước đao quân xâm lược của Trương Phụ. Cả vua quan bị bắt trói bởi một toán quân Minh chỉ có bảy người. Các chế độ họ Trịnh ở ngoài Bắc và họ Nguyễn ở trong Nam rất hung bạo với dân chúng những đã bị đánh gục nhanh chóng bởi đảng Tây Sơn. Các chế độ bất lực và ruỗng nát dàn áp được những người dân bình thường nhưng không đương đầu

được với các biến cố. Chúng có thể sụp đổ một cách đột ngột và bất ngờ. Chúng tồn tại một cách giả tạo, như là một thăng bằng tạm bợ của nhiều lực mâu thuẫn và chỉ có thể tiếp tục tồn tại nếu không có gì thay đổi. Đó là tình trạng của cả đảng lẫn nhà nước cộng sản Việt Nam.

Đảng cầm quyền này và nhà nước này không còn là được gì cả. Nó không thể đổi mới. Đã có rất nhiều đóng góp cho đại hội 10 sắp tới của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Trừ một vài ngoại lệ hiếm hoi, những đóng góp này có giá trị ở chỗ chúng nói lên khát vọng một nhà nước dân chủ và lương thiện. Nhưng không nên hy vọng gì ở các cấp lãnh đạo cộng sản hiện nay. Họ bất lực. Đảng cộng sản đã quá phân hóa và suy yếu để có thể thay đổi. Nó không còn thực quyền !

Nếu đảng cộng sản không thể thay đổi thì cái gì sẽ xảy ra và tương lai đất nước sẽ như thế nào ?

Lập luận thông thường là đảng cộng sản vẫn trụ được do câu kết quyền lợi. Lập luận này sai. Quyền lợi không bao giờ đoàn kết được những con người trong một ý chí chung, ngay cả nếu ý chí chung đó chỉ giản dị là tiếp tục tồn tại. Nếu như thế thì bọn cướp bóc đã nắm được chính quyền ở mọi quốc gia. Một chế độ chỉ tồn tại được nếu có lý do tồn tại, nghĩa là đáp ứng một nhu cầu cơ bản nào đó của xã hội. Hai nhu cầu cơ bản nhất của Việt Nam hiện nay là : 1/dân chủ và tự do để được sống như những con người, và 2/thành công trong cuộc cách mạng tri thức đang diễn ra sôi nổi trên thế giới và sẽ quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của mọi dân tộc. Trên cả hai vấn đề trọng đại này đảng cộng sản không những không có giải đáp mà còn là trở ngại.

Trong vở kịch bất hủ "*Con Tin*" (Otage) của ông, Paul Claudel đã cho nhân vật Turelure giải thích cuộc Cách Mạng Pháp 1789 như sau : "Cũng lỗi tại những thứ này không vững chắc làm người ta quá bị cảm dỗ để lay chuyển chúng xem sao". Những gì không vững chắc và không có thực chất sẽ bị nhận ra và xô đẩy.

Hiện đã có khá nhiều người đổi lập dân chủ. Họ càng ngày càng đông và càng có phối hợp, dù chưa phải là một lực lượng mạnh. Họ sắp được sự tiếp viện của một loại người mới, những cán bộ và đảng viên cộng sản trẻ nhìn thấy thay đổi là bắt buộc và muốn chủ động trong cuộc thay đổi đó để làm tác nhân thay vì nạn nhân của lịch sử. Họ cũng sẽ được hậu thuẫn từ hai thành phần quan trọng của xã hội Việt Nam : những công nhân mà cuộc sống ngày càng khó khăn và bế tắc, và những sinh viên, học sinh không nhìn thấy một tương lai nào cho mình trong chế độ này. Thay đổi sẽ bằng cách này hay cách khác. Vấn đề chỉ là đừng để chế độ này sụp đổ nhường chỗ cho một khoảng trống chính trị và một tình trạng vô chính phủ.

Chính qua đấu tranh giành thắng lợi cho dân chủ mà một đồng thuận về một dự án chính trị cho đất nước sẽ được đạt tới và những con người cần thiết để thực hiện nó sẽ được phát hiện.

**Nguyễn Gia Kiêng**

## Hoàn thiện, hay vẫn chứng nào tật này ?

Bùi Tin

Cứ như lời ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư kiêm trưởng ban dự thảo các văn kiện, và ông Nguyễn Phú Trọng, thường trực của ban dự thảo, thì bản Báo cáo chính trị (27 trang, 22.000 từ) được đưa ra để toàn dân góp ý, mới chỉ là *dự thảo*. Sau ngày 3-3-2006, các ý kiến đóng góp sẽ được tổng hợp, nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá, sàng lọc để bổ sung nhằm *hoàn thiện* bản báo cáo trước khi đưa ra trình bày và thảo luận lần cuối tại Đại hội toàn quốc gồm chừng một nghìn đại biểu. Nói vậy, nhưng rồi có làm không?

Thật ra, bản báo cáo này đã được 64 đại hội đảng cấp tỉnh/thành trong toàn quốc thảo luận và góp ý rồi, và trước đó bản dự thảo cũng đã được sự đóng góp của hàng nghìn vị cách mạng lão thành, các viện nghiên cứu (chính trị, triết học, kinh tế, văn hóa, đối ngoại), các đại biểu quốc hội, chức sắc trong Mặt Trận Tổ Quốc.

Từ đại hội 4 đến đại hội 9, các báo cáo chính trị đều được đăng trên báo *Nhân Dân* để nhân dân góp ý, nhưng sau đó những ý kiến trái tai các nhà lãnh đạo đều coi như không có, còn bị chụp mũ là luận điệu phá hoại của địch.

Đó là kiểu mẫu của nền "*tập trung dân chủ*" có lợi cho kẻ lãnh đạo độc đoán định nịnh ý kiến mình là chân lý, là duy nhất đúng, có hại vô kể cho đảng cộng sản vì không nhận ra sai lầm chồng chất, càng tai hại cho đất nước bị dắt dẫn vào mê lộ không sao thoát ra được.

Tôi dự đoán rằng lần này thì cũng vậy. May mắn sẽ có một bản tổng hợp sơ sài, nói rằng nhân dân nhìn chung đã tán thành về cơ bản nội dung bản dự thảo, chỉ góp ý để làm rõ hơn những thành tích đã đạt được... và tỏ lòng cảm ơn sự quan tâm và đóng góp "quý báu" (!) của nhân dân trong và ngoài nước.

Có một điều khác với sáu lần trước, lần này người dân trong và ngoài nước đều góp ý nhiều hơn hẳn. Lý do là do thời mở cửa, quan hệ trong và ngoài nước mở rộng, thông tin qua phát thanh, internet nhanh nhẹn, phong phú hơn trước; hai nữa là tình hình Việt Nam bước vào năm 2006 có nhiều điểm nóng trong quan hệ Mỹ-Việt (vấn đề CPC, vào WTO), quan hệ Việt Nam-Tây Âu, quan hệ Hà Nội với cộng đồng (Nghị quyết 36); ba nữa là đảng cộng sản lún sâu trong khủng hoảng niềm tin của người dân trong nước với *ba ung nhọt lớn* là nạn tham nhũng bất tri, sự tụt hậu không sao thu hẹp, chênh lệch giàu nghèo mở rộng, kèm theo bệnh ung thư *xung đột nội bộ* do quyền uy bất chính của hai viên thái thượng hoàng gây nên.

Tình hình khẩn trương là thế, nghiêm trọng là thế mà báo cáo chính trị lại quá ư là bảo thủ, cổ hủ, thách thức lẽ phải, không giải đáp được cho tình hình, chỉ đưa đảng vào bế tắc, đưa đất nước vào thảm họa; ai quan tâm đến vận mệnh dân tộc không thể ngồi yên.

Dưới đây xin nêu lên một số ý kiến, góp ý tiêu biểu nhất của người Việt trong và ngoài nước.

1. Yêu cầu dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin và

định hướng xã hội chủ nghĩa, với lý do các học thuyết ấy vốn sinh ra ở châu Âu, cung cấp lý luận cho giai cấp công nhân các trung tâm công nghiệp, đã hoàn toàn phá sản trên toàn châu Âu. Hơn nữa các nước thực hiện nó (trong đó có Việt Nam) đã gây nên thảm họa cho hơn 100 triệu người chết bi thảm trong các cuộc thanh trừng, trại cải tạo; mới đây, đa số nghị viên châu Âu ra nghị quyết lên án tội ác tày trời của các nước cộng sản đã sụp đổ cũng như của bốn nước còn sót lại (Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba). Đảng viên lão thành 60 tuổi đảng Đặng Văn Việt cho rằng chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ còn le lói như *một đốm lửa sắp tàn* sao lại có thể soi đường cho dân ta!

Ý kiến trong và ngoài nước gần như nhất trí là phải từ bỏ chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội phát triển cao nhất ở Liên Xô (cũ), Tiệp Khắc và Cộng Hòa Dân Chủ Đức đều kém rất xa các nước tư bản trung bình, còn ở Việt Nam đến nay nó vẫn chỉ là một ảo vọng xa xôi, chưa ai hình dung được cụ thể. Về *phúc lợi xã hội*, đến bao giờ Việt nam mới đạt mức thấp trong các nước tư bản (hiện ở Việt nam chưa có bảo hiểm xã hội phổ cập, phụ cấp thất nghiệp, tàn tật, hưu trí, cô đơn, tai nạn gần như không có, trong khi ở Thụy Điển, Na Uy, Canada... đã từ lâu phụ cấp về hưu, người già, di chuyển công cộng thông thường mỗi người, mỗi tháng là 600 EUR hay 750 USD, bằng 1,5 lượng vàng, hay là 12 triệu VND/tháng (chưa kể chữa bệnh và đi học hoàn toàn không mất tiền). Ông Lê Hồng Hà rất có lý khi yêu cầu bỏ "*định hướng xã hội chủ nghĩa*" vì không có nội dung, chỉ cần ghi: xây dựng xã hội dân chủ, phát triển, công bằng và văn minh là đủ lắm rồi. Nhà báo Bùi Văn Phú ở Cali (Hoa Kỳ) nói thêm rằng nếu cứ giữ quan điểm yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội thì tự đảng cộng sản *gạt bỏ biết bao người Việt yêu nước* nhưng không tán thành chủ nghĩa xã hội, và cũng *gạt bỏ biết bao bạn bè quốc tế* quý mến Việt Nam nhưng không tán thành chủ nghĩa xã hội theo kiểu cộng sản.

2. Thực hiện ngay da nguyên da đảng: đây là yêu cầu mạnh mẽ, rõ ràng, dứt khoát với những lập luận chặt chẽ. Không thể có dân chủ trong một chế độ độc đảng. Cuộc sống về bản chất là da nguyên, nhiều hình nhiều vẻ, nhiều màu sắc, nhiều chính kiến. Thế giới có đến gần một trăm nước dân chủ và chừng 50 nước dân chủ một phần (partly free), chỉ còn chừng 30 nước độc đảng độc đoán. Việt Nam đang đứng trong số rất ít nước độc đoán đè nén áp bức nhân dân mình. Tất cả các nước phát triển, giàu mạnh đều là các nước dân chủ, không có ngoại lệ nào. Vậy các nước dân chủ khôn hơn ta hay đại dột lú lẩn hơn ta?

Anh du sinh Vũ Vinh Quang từ Mỹ góp ý rằng *đột phá kinh tế* 20 năm mang lại kết quả khá, tự do kinh doanh là động lực to lớn, nay là lúc phải đột phá về chính trị, là thực hiện da nguyên da đảng, tự do về chính trị sẽ là động lực mạnh mẽ hơn nhiều; anh kêu gọi đảng cộng sản hãy đứng

dậy, dũng cảm tập đi bằng cả hai chân, thà hy sinh chứ không thể hèn yếu được.

Từ Sài Gòn, luật sư trẻ Lê Công Định cho rằng đa nguyên kinh tế đã thu kết quả lớn, đưa nền kinh tế đi lên, đưa đất nước ra khỏi đói nghèo, thì nay là lúc phải thực hiện đa nguyên đa đảng về chính trị ; đừng có sợ đa nguyên, thời Việt Minh đã bắt đầu có đa nguyên, trong đó có đảng xã hội, đảng dân chủ, nay đảng cộng sản phải mạnh dạn lên, đừng có sợ đa đảng ! Có biết bao nhiêu nước thực hiện đa đảng, tình hình chính trị vẫn ổn định, lại tốt đẹp hơn.

Từ Hà Nội luật sư Lê Quốc Quân cho rằng phải đổi mới cả hệ thống kinh tế và chính trị, không thể để cho cố tật đưa và nhận phong bì làm ô nhiễm môi trường xã hội. Chỉ đổi mới về kinh tế, xã hội không thể tiến lên được.

3. Khá nhiều ý kiến góp ý nên bỏ Điều 4 của Hiến pháp, quy định vị trí lãnh đạo duy nhất của đảng cộng sản, vì đó là cản trở cho đa nguyên đa đảng, vì nó vô duyên ở chỗ tự đảng cộng sản khẳng định là mình được nhân dân tín nhiệm tuyệt đối, không qua một cuộc thăm dò dư luận hay bỏ phiếu tín nhiệm nào cả ; nhân dân không bầu ra ban chấp hành trung ương, bộ chính trị hay tổng bí thư, do đó các vị đó không có danh chính ngôn thuận. Ông Phan Thế Hải khẳng định việc hủy bỏ Điều 4 là yêu cầu cấp bách vì nó biểu hiện sự chuyên quyền phi pháp, nó lại lạc lõng không giống như mọi nước khác. Niềm tin của dân phải tự cuộc sống mà có chứ không thể cưỡng ép mà có được ; nhà dân chủ trẻ Phương Nam sống ở Sài Gòn cũng nhắc lại yêu cầu tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân công khai về chế độ chính trị ở Việt Nam. Tại sao đảng cộng sản lại sợ trưng cầu ý dân ?

Nhiều ý kiến công khai phê phán đảng cộng sản đã lạm dụng quyền hành một cách phi pháp, xây dựng nên một bộ máy đảng công kền kền, nặng nề, dãm đạp lấn át bộ máy nhà nước, chà đạp dân quyền, nhân quyền và pháp quyền mà chỉ biết có đảng quyền. Trên Tuổi trẻ online, bạn Quang Sơn yêu cầu xây dựng bộ máy đảng thật nhỏ, và xây dựng một xã hội dân sự thật lớn, một bộ máy tự quản rộng khắp ; anh bạn trẻ này còn yêu cầu chuyển hẳn bộ máy cai trị dân, đàn áp, những nhiêu dân thành bộ máy phục vụ dân.

Tiến sĩ Lê Đình Thông cho rằng sau cởi trói về kinh tế 20 năm rồi nay là lúc cởi trói về chính trị, trả lại cho dân quyền tự do vốn có, không thể chậm trễ.

Nhiều bạn trẻ trong nước nhấn mạnh vấn đề không nambi ở chỗ có kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, có kiên trì chủ nghĩa xã hội, có kiên trì chế độ độc đảng hay không, vì dù cho có cố kiên trì ba điều đó bằng cưỡng ép thì vận mạng của đảng cũng vẫn bị nguy khốn, càng bị nguy khốn nhanh hơn ; vấn đề là đảng cộng sản có dám sớm từ bỏ những cái lối thời và củng cố đảng cho trong sạch vững mạnh để ganh đua ngay thật với các tổ chức chính trị khác trong một chế độ đa nguyên đa đảng hợp với thời đại hay không. Tóm lại duy trì độc đảng bằng quyền lực, cưỡng bức sẽ mau bị đào thải hơn là chấp nhận đa đảng để có đối thủ cạnh tranh, để bước qua cái bóng của chính mình, cùng với dân tộc hướng tới tương lai. Đại hội 10 chọn hướng nào đây ?

4. Về đảng cộng sản, nhiều phát biểu nêu lên sự sa sút tê hại về phẩm chất của đảng viên, bệnh quan liêu, vô trách nhiệm, lãng phí, tham nhũng đến kinh hoàng, chia rẽ, bè phái, xung đột kéo dài của đảng viên từ trên cao nhất, đặc biệt là các vụ án siêu nghiêm trọng như Tổng cục 2, T4, A10... vẫn bị ém nhém, đi ngược với xu thế công khai, minh bạch trong nội bộ đảng và ngoài xã hội.

Riêng về Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị khóa 9 vừa qua, nhiều phát biểu nêu rõ sự hụt hắng nặng nề về mọi mặt, dưới xa tầm của yêu cầu và thử thách, bỏ qua nhiều thời cơ chiến lược. Nếu lãnh đạo là nhìn xa thấy rộng, là tạo nên và tận dụng thời cơ, là có đầu óc đột phá, mở đường, khai phá hướng đi mới mẻ, và nếu khóa 9 là khóa quyết đẩy lùi hai quốc nạn tham nhũng và tụt hậu như đã cam kết, thì khóa này đã thất bại hiển nhiên.

Về vị trí của đảng cộng sản một số ý kiến khuyên nhủ đảng phải khiêm tốn, không được đặt mình cao hơn dân tộc và nhân dân. Ông Dương Trung Quốc góp ý không nên treo cờ búa liềm (của đảng cộng sản) trên hoặc ngang quốc kỳ ; không nên đặt khẩu hiệu về đảng cộng sản cao hơn, ở trên bàn thờ Tổ quốc.

Trên báo Sài Gòn Giải Phóng, ông Trần Bạch Đằng phê phán rất nghiêm ông Đào Đình Bình, bộ trưởng giao thông sau cuộc chất vấn ở Quốc hội, khi ông này cao ngạo trả lời về những sai phạm lớn trong ngành giao thông rằng : "Tôi là ủy viên trung ương đảng, tôi đã trình bày với ủy ban kiểm tra của đảng rồi", ngụ ý là tôi không cần phải trả lời ở đây. (Gần đây dư luận Hà Nội được biết ông Bình cùng ông Bùi Tiến Dũng - cá độ bóng đá hơn 2 triệu đôla Mỹ, đều được ô dù thượng hạng của tổng bí thư Nông Đức Mạnh che chở, do có đi có lại).

5. Ngoài ra còn một số ý kiến khá đặc sắc sau đây :

\* Cần kiểm điểm 30 năm từ khi chiến tranh kết thúc chứ không hạn chế trong 20 năm, để thấy rõ cả ưu và khuyết điểm, rút ra những bài học toàn diện, nhất là những sai lầm nặng nề sau chiến tranh để kết luận cho rõ nguyên nhân.

\* Báo cáo đề ra nhiều nhiệm vụ, mục tiêu to lớn theo kiểu công thức, khẩu hiệu, nhưng không đề ra được những biện pháp có hiệu quả và đáng tin.

\* Nhà dân chủ trẻ Lê Chí Quang nêu lại vấn đề nhượng đất, biển cho Trung Quốc mà đảng cộng sản vẫn im thin thít một cách lỳ lợm, không minh bạch.

\* Về phát hiện nhân tài, bồi dưỡng nhân tài, sử dụng nhân tài trong bộ máy đảng và bộ máy nhà nước có nhiều sai lầm nặng nề kéo dài. Việc mua bán, lo lót quyền chức rất nghiêm trọng. Người tốt, giỏi, tài năng đức độ không được tuyển chọn. Kẻ lo chạy chọt, kiếm ô dù, lừa dối, đạo đức giả, bằng giả, tài năng giả được trọng dụng và leo cao. Ông Lê Quỳnh góp ý rằng nhân tài chân chính là nguyên khí của quốc gia, đầm người tốt có thực tài, nâng đỡ kẻ xú nịnh bất tài là tai hại vô kể cho đất nước.

\* Cần thăm dò dư luận quần chúng để lựa chọn những người lãnh đạo then chốt của đảng và nhà nước : tổng bí thư, chủ tịch nước, thủ tướng... có thực tài và đức độ, từ đó mà tìm hiền tài để sắp xếp từ trên xuống.

\* Về đoàn kết với cộng đồng người Việt ở nước ngoài,

có ý kiến cho rằng nếu đảng cộng sản biết nhận sai lầm đã gây ra vô vàn tổn thất đau khổ cho hàng triệu đồng bào, thuyền nhân sau ngày 30-4 và thực tâm nhận lỗi thì sẽ thực hiện trọng vẹn *thống nhất nhân tâm dân tộc* và lợi ích cho đất nước sẽ là vô kể. Vì là đảng cầm quyền và đề ra chính sách, đảng cộng sản phải chủ động đi bước trước. Kiểu khuyến dụ, chiêu hồi như Nghị quyết 36 là hạ sách, chỉ tranh thủ 5% bà con ta, gây thêm chia rẽ và xa lánh của 95% đồng bào hải ngoại, dù cho bà con ta vẫn về thăm đất nước và gửi tiền cho người thân. Cho Việt kiều vài ghế trong Quốc hội là kiểu xoa đầu trẻ con, là tối hạ sách từ tư duy thấp của ông Vũ Mão, kẻ từng có "sáng kiến" cắt bỏ các chữ "vô cùng" (thương tiếc) trên vòng hoa viếng ông Trần Đệ. Phải nhìn bà con ta theo quan điểm bình đẳng, đối với toàn khối. Cần coi đại khối ba triệu đồng bào là nội lực dân tộc hết sức hùng hậu trong tầm tay, công nhận đồng bào cũng là người yêu nước - theo cách thức, điều kiện và hoàn cảnh của mình - sẽ tranh thủ được 95% bà con ta. Với những kẻ thù cũ Nhật, Pháp, Mỹ, Trung Quốc còn kết bạn, sao cứ thù địch mãi với bà con ruột thịt.

\* Về nhân sự, yêu cầu *công bố danh sách* giới thiệu vào cơ quan lãnh đạo sẽ bầu trong Đại hội cho toàn dân được biết để đồng bào góp ý kiến nhận xét và phát hiện các vấn đề liên quan đến tài và đức của đương sự. Tiếp đó các người được giới thiệu phải *công khai hóa* tài sản của bản thân và gia đình.

#### 6. Về thời cơ của Đại hội 10 :

Ông Nguyễn Trung là người đầu tiên nêu lên *thời cơ vàng*, với ý nghĩa là đây là dịp tốt để đảng cộng sản nhìn lại mình một cách trung thực và sâu sắc, nhìn cho rõ cả thành tích và sai lầm, quyết định những quốc kế thật phù hợp với đất nước, khu vực và thời đại, bùa ra *cơ quan lãnh đạo* thật trí tuệ và tâm huyết. Bỏ qua thời cơ vàng này, lãnh đạo vẫn cứ giáo điều, bảo thủ, hụt hắng so với yêu cầu của tình thế thì...sẽ là *thảm họa* đen ngay ở nhân tiền cho đảng, cho đất nước. Từ trong nước nhà văn Trần Mạnh Hảo cho rằng kẻ thù của đảng nằm ngay trong đảng, ngay ở trong những căn bệnh hiểm nghèo mà đảng mắc phải mà không chịu chữa, chính những người cộng sản đang tự diệt mình, nếu như họ không giật mình và bừng tỉnh. Ông Hảo còn nói : không ai chống Mác hăng hái bằng người cộng sản Việt Nam, để trở thành tư bản đỏ ngày nay. Ông Đặng Văn Việt cũng cảnh báo : không ai lật đổ đảng cộng sản, không có âm mưu diễn biến hòa bình từ bên ngoài, chính sai lầm mê muội mù quáng của đảng cộng sản đang tự dẫn đảng cộng sản và dẫn theo đất nước vào thảm họa, nếu vẫn bỏ qua những lời góp ý, khuyên răn rất chân thành sâu sắc và đôi khi khó nghe.

#### Lời kết luận

- Trong khi trong và ngoài nước góp ý khá sôi nổi vào báo cáo chính trị, nhiều sự kiện xảy ra kích thích thêm những suy nghĩ liên quan đến đại hội 10. Ngân hàng thế giới (WB) trong bản tổng kết tình hình thế giới năm 2005, vừa nhận xét rằng Việt Nam ở vào hạng thứ 97 trên 104 về *căn bệnh tham nhũng* (tụt 5 bậc nữa so với năm trước).

Tiến sĩ Trần Ngọc Thơ (trường Đại học kinh tế Sài Gòn) báo động rằng WB còn nhận định *nguy cơ khủng hoảng tài chính nghiêm trọng* ở Việt Nam có thể bùng nổ do sự yếu kém và sơ hở lớn trong *quản lý tài chính quốc gia* (mà việc quản lý quá lỏng lẻo ở bộ giao thông với những con bạc đốt hàng vài triệu đôla lấy từ công quỹ là bằng chứng rõ ràng), cũng như do ngành ngân hàng quá yếu do bệnh độc quyền cộng với núi nợ không trả nổi của các cơ sở quốc doanh. Ông Thơ cho rằng nhận xét về tham nhũng trong bản báo cáo quá sơ sài, trong khi hiện nay nó đã thành *dại dịch* cực kỳ nguy cấp không kém đại dịch cúm gà.

- Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng giải thích rằng không thể thờ ơ bàng chán như vại khi đất nước cứ tụt hạng hoài về tham nhũng, về rủi ro trong đầu tư, vì mỗi một nắc bị tụt là mất đi một mảng niềm tin, mất đi *một khoản đầu tư lớn hàng vài tỷ đôla* của giới kinh doanh quốc tế, giữa cuộc cạnh tranh khốc liệt thời mở cửa.

- Vụ cá độ do sĩ quan Bùi Quang Hưng cầm đầu liên quan đến 8 người, rồi 22 người, rồi 57, cho đến nay là 200 người tham gia, cuộc điều tra vẫn tiến hành, nhưng luôn tiến lui thất thường, phản ánh một chế độ do nhiều thế lực đối đầu và thỏa hiệp nhau... Vụ cá độ có thể là *bài học phản diện* rất bổ ích cho Đại hội 10 về độ tham nhũng, về lối sống sa đọa, về chọn nhân tài, về bộ máy an ninh, về cơ quan điều tra, về quyền lực nhu nhược.

- Cuối cùng, rất nhiều đảng viên trong nước mong Đại hội 10 thời đổi mới hãy *hop cho ra hop*, nghĩa là gần 1 nghìn đại biểu mang cả gần một nghìn bộ óc đến bắt nón làm việc thật lực, suy nghĩ ra suy nghĩ, thảo luận ra thảo luận, tranh luận đến nơi đến chốn, *mỗi người dám là mình*, không ý lại, không dựa dẫm, không nói theo bất cứ ai, và tự mình động não, tán thành ý kiến đúng, ích nước lợi dân, dám lắc đầu với những ý kiến sai, có hại cho dân cho nước.

Trước mắt, hãy bổ sung những góp ý tốt, hay, để *hoàn thiện* bản Báo cáo.

Nên : trước đại hội, mọi sự chỉ là bước chuẩn bị. Đại hội chỉ thật sự bắt đầu khi khai mạc. Không nên : mọi sự xếp đặt xong cả rồi mới khai mạc, như diễn kịch.

Xin đừng chứng nào tật nấy ! Hãy có dũng khí đoạn tuyệt với kiểu *đại hội tiền chế*, mọi chuyện đều gật lia gật lịa ; để nhất trí trăm phần trăm, để thu vào ống kính, để sau khi bế mạc báo *Nhân Dân* lại chạy hàng chữ đỏ loé : "Đại hội 10 đã thành công rực rỡ !".

Tình trạng đại dịch tham nhũng, giấy kiện cáo về nhà đất chồng chất lên đến 60 mét, bà con cả nước kéo đến vườn hoa Lý Tự Trọng bên Hồ Tây không phải để vịnh hồ ngắm hoa mà để hỏi tội lũ tham quan ô lại [ trong đó có bà Phạm Thị Dấn hỏi thăm ngài Sở Khanh Trần Bất Lương (chữ của bà)], và cả cái đuôi dài tội phạm cá độ, cho đến cả việc quốc tế xếp hạng Việt Nam ở cuối bảng về tự do, dân chủ, nhân quyền, về tính minh bạch, về độ đáng tin cậy v.v. và v.v., đều là hậu quả nhân tiền của những *đại hội thành công rực rỡ* như vậy. Thật đáng rùng mình !

Trong một nghìn vị đại biểu Đại hội 10, có vị nào còn biết giật mình ?

Bùi Tín (Paris)

## Ai còn quan tâm đến số phận của những phụ nữ này ?

Đọc lại những tài liệu cũ nói về phụ nữ Việt Nam, không ai không khỏi hãnh diện. Năm 1960, trong bài "Phải đứng trên quan điểm giai cấp mà nhận xét vấn đề phụ nữ", Lê Duẩn viết : "Phụ nữ là người có tinh thần dân tộc hơn ai hết, và cái đẹp đẽ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, trước hết là phụ nữ Việt Nam". Khi cuộc xâm chiếm miền Nam đang đến hồi quyết liệt, đảng cộng sản đã không ngừng đề cao vai trò của người phụ nữ đến nỗi năm 1968, trong chuyến ghé thăm Hà Nội, tổng thống Cộng Hòa Congo (Brazaville) đã không tiếc lời ca ngợi : "Phụ nữ Việt Nam là tấm gương sáng cho phụ nữ toàn thế giới ngày nay" (báo *Nhân Dân*). Năm 1969, nhân chuyến viếng thăm miền Bắc, chủ tịch Liên đoàn phụ nữ quốc tế phát biểu : "Chị em phụ nữ Việt Nam đang viết, bằng mồ hôi và máu của họ, một trang sử chưa từng có trong đời sống nhân loại và đang thúc đẩy sự nghiệp giải phóng phụ nữ trên toàn thế giới". Ôi biết bao tự hào. Mặc dù chịu nhiều hy sinh, người phụ nữ Việt Nam lúc đó rất được kính trọng.

Bốn mươi năm sau nhìn lại, thân phận của người phụ nữ Việt Nam thật là bẽ bàng, và rất tủi nhục. Chỉ những phụ nữ còn sinh hoạt trong các tổ chức do đảng, đoàn và nhà nước cộng sản chỉ đạo, hay là thân nhân của những người có chức có quyền mới được nâng đỡ, số 98% còn lại phó mặc cho số phận đưa đẩy, kể cả những bà mẹ chiến sĩ và nữ thanh niên xung phong. Trong số những phụ nữ bị phó mặc này, may mắn là những người nhờ biết xoay sở đã có một chỗ đứng ổn vững trong xã hội như buôn bán, dạy học..., kém may mắn hơn là những phụ nữ ở thôn quê, kể cả con cái những cựu du kích quân cộng sản, không có trình độ học vấn cao nên sẵn sàng làm bất cứ nghề gì để sinh sống, kể cả bán thân và đi ở đợt.

Hơn 10 năm qua, báo chí trong nước thường xuyên đăng tải những tin tức liên quan đến số phận của những phụ nữ kém may mắn này. Không biết bao nhiêu hoàn cảnh khó khăn và nhục nhã của những phụ nữ này đã được phơi bày trên báo chí, cho tới nay những trường hợp tương tự không hề suy giảm. Phải nói là người Việt Nam nói chung và đảng cộng sản nói riêng không còn quan tâm đến số phận của những thiếu nữ này. Mạnh ai nấy sống, sống chết mặc bay. Phần lớn những thiếu nữ ngây ngô này đã phải bán thân để sống, nhưng hành động tuyệt vọng này đã biến họ thành nạn nhân của những tổ chức buôn người. Cái khốn nạn là chính người Việt và những tổ chức người Việt, của đảng cộng sản cũng như tư nhân, đứng ra làm việc đó.

Từ giữa thập niên 1990 đến nay, phụ nữ thôn quê Việt Nam đã trở thành hàng hóa trao đổi giữa những tay buôn người trong nước và quốc tế. Lúc đầu là những đường dây đưa thiếu nữ thôn quê và thương du miền Bắc sang bán làm vợ hay làm phục dịch cho người Trung Quốc. Giá bán một phụ nữ từ 100 đến 200 USD. Dịch vụ này chỉ kéo dài một thời gian rồi chấm dứt, vì thiếu nữ thôn quê miền Bắc không muốn rời bỏ quê hương đi nơi khác. Những tay buôn

người này liền vào miền Trung đưa thiếu phụ và thôn nữ nghèo khổ sang Trung Quốc lấy chồng. Sau khi bị đàn ông Trung Quốc hành hạ, nhiều người đã trốn về lại quê nhà kể lại cho báo chí những hoạn nạn mà họ đã trải qua. Dịch vụ lấy chồng Trung Quốc do đó giảm dần với thời gian và không còn được nhắc tới nữa, mặc dù vẫn còn.

Ngược lại dịch vụ lấy chồng Đài Loan trở nên phát đạt, vì người Đài Loan nhiều tiền hơn người Trung Quốc. Lần này những tay buôn người đi vào miền Nam, xuống tận những làng xóm xa xôi trên đồng bằng sông Cửu Long truy lùng thiếu nữ trong các gia đình nghèo đưa lên Sài Gòn gả, thật ra là "bán", cho đàn ông Đài Loan. Sau khi hoàn tất, gia đình của thiếu nữ Việt Nam nhận được 1.000 USD, nhưng từ đầu năm 2000 trở lại đây mỗi gia đình có con gái gả cho đàn ông Đài Loan chỉ còn nhận được từ 200 đến 300 USD. Lý do là cung nhu cầu và người dân mua, chủ chứa và cơ quan làm thủ tục hôn phối và xuất cảnh ăn hết. Mặc dù vậy cũng có hơn 60.000 cô gái Việt Nam đã theo "chồng" về Đài Loan, và sẽ còn gia tăng.

Tuy nhiên sau nhiều tai tiếng, dịch vụ gả cưới thôn nữ Việt Nam chuyển sang đàn ông Nam Hàn, lần này thì nhục nhã hơn. Phụ nữ Việt Nam không còn được nhìn nhận là người mà là hàng hóa, đàn ông Đại Hàn chỉ muốn hưởng thú xác thịt hơn là cưới hỏi thật sự. Theo báo *Công An Thành Phố*, "vào những ngày giáp Tết Bính Tuất, tại khách sạn Thái Bình 2 nằm sâu trong hẻm 204 Nguyễn Trãi, phường 3, quận 5, Sài Gòn, có một cuộc môi giới hôn nhân trái phép giữa 10 người đàn ông Hàn Quốc và 193 cô gái Việt... Những người này khai nhận họ chỉ đi theo Park Min Tae và Park Won Ho (hai tay dẫn mối) để xem "dung nhan" (thật ra là xem thân thể lõa lồ) các cô gái Việt cho vui chứ không có ý định lấy vợ Việt Nam". Tại Singapore và Đài Loan, phụ nữ Việt Nam còn được rao bán trên các mạng internet như một món hàng.

Đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam cũng không vắng mặt trong dịch vụ mua bán này, nhưng dưới một tên gọi lịch sự hơn : xuất khẩu lao động. Xuất khẩu lao động trên nguyên tắc là một dịch vụ thương mại chính đáng, khi trong nước có dư thừa nhân công thì nhân công có thể xin đi làm việc ở nước ngoài. Trong tiến trình này trình độ chuyên môn là yếu tố chính để xác định giá trị của người lao động. Nhưng với chính quyền cộng sản Việt Nam yếu tố này không quan trọng, ai chịu đút lót tiền để làm thủ tục xuất cảnh thì được ưu tiên cho ra nước ngoài làm việc, còn làm việc gì thì người lao động tự lo liệu lấy với giới chủ nhân tại chỗ chứ không như đã ghi trên giấy tờ. Nhiều đường dây buôn người đã lợi dụng dịch vụ xuất khẩu lao động này để đưa phụ nữ Việt Nam sang các nước khác hành nghề mại dâm, dư luận trong nước chỉ biết khi những phụ nữ bị ép hành nghề mại dâm này thoát về kể lại.

Phụ nữ Việt Nam còn gì để tự hào với chế độ này ?  
Nguyễn Văn Huy

# Mọi tấm lòng với Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn

Đến ngày 28-3 này, Phạm Hồng Sơn đã bị chính quyền công sản giam cầm đúng 4 năm.

Phạm Hồng Sơn bị bắt ngày 28-3-2002. Ngày 18-6-2003 tại Hà Nội, phiên tòa ghép tội danh gián điệp chỉ kéo dài ngoài 4 tiếng đồng hồ đã tuyên án Phạm Hồng Sơn với 13 năm tù với 3 năm quản chế. Cái gọi là tội trạng để bị quy gián điệp chỉ là bản dịch "Thế Nào Là Dân Chủ?", và những ưu tư trao đổi với bạn bè trong ngoài về những vấn đề của đất nước. Phạm Hồng Sơn đã kịch liệt gởi đơn kháng cáo. Cùng với phản ứng mạnh mẽ của dư luận trong nước và quốc tế đối với bản án, chính quyền cộng sản đã phải mở phiên tòa phúc thẩm vào ngày 26-8-2003, rút bản án từ phiên tòa sơ thẩm xuống 5 năm tù và 3 năm quản chế, nhưng vẫn giữ nguyên tội danh gián điệp. Phạm Hồng Sơn đã ngạo nghễ chứng tỏ sự khinh bỉ với trò hề công lý của chế độ cộng sản Việt Nam bằng cách bỏ phòng xử không tham dự phiên tòa.

Cũng trong giai đoạn chính quyền cộng sản tung ra đợt đàn áp phong trào dân chủ trong nước này, Nguyễn Vũ Bình bị bắt đi vào ngày 29-9-2002.

Nguyễn Vũ Bình đã bị biệt giam không tung tích cho đến ngày cuối năm 31-12-2003 mới đem ra xét xử. Tòa án Hà Nội lại ghép tội danh gián điệp cho Nguyễn Vũ Bình, với tội trạng thực sự chỉ là sự thực hành quyền công dân được ghi rõ trong điều 69 của Hiến Pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam : "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo qui định của pháp luật". Nguyễn Vũ Bình hô to trong phiên tòa : "Tự do hay là chết !" và sau đó tuyệt thực để cực lực phản đối bản án thô bỉ này. Dư luận trong và ngoài nước lên án mạnh mẽ. Ngày 5-5-2004, tòa án của chính quyền cộng sản mở phiên tòa phúc thẩm, và sự ngoan cố của một vài người cầm lái thuộc loại "điếc không sợ súng" một lần nữa được bộc lộ khi bản án 7 năm tù và 3 năm quản chế đối với Nguyễn Vũ Bình vẫn được giữ nguyên, viễn dẫu lý cớ là Bình không ăn năn hối cải. Nhưng Bình có gì để phải ăn năn ? Hành động và thái độ của anh là một hanh diện cho tuổi trẻ và cho dân tộc Việt Nam nói chung.

Cùng với Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn chính là những tụ điểm lộng lẫy của phong trào dân chủ cho Việt Nam. Đây là sự tập trung của những ngọn cờ để giải quyết quốc nạn hiện tại và cũng để vẫy gọi một tương lai xứng đáng cho dân tộc. Những ngọn cờ này lộng lẫy này đã được khắc sâu vào lòng tuổi trẻ Việt Nam. Cuộc đấu tranh cho dân chủ của người Việt trong và ngoài nước chưa bao giờ có được những ngọn cờ đẹp và đầy ý nghĩa như thế. Những ngọn cờ này là những minh chứng sống hùng hồn cho hiệu ứng của tinh thần "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc", tạo khối đại đoàn kết dân tộc để nhanh chóng chấm dứt chế độ độc tài toàn trị, đưa đất nước vào

quỹ đạo dân chủ và tiến bộ. Cả ba không thể bị đánh giá là "tàn dư phản động". Họ đều thuộc những gia đình cán bộ, đảng viên cộng sản, sinh ra và lớn lên dưới chế độ cộng sản. Chế độ cộng sản phải xấu hổ vì những đứa con ưu tú nhất của nó đã phủ nhận nó.

Trong suốt thời gian hơn bốn năm qua, các tổ chức nhân quyền quốc tế và các chính phủ dân chủ đã liên tục cảnh báo và lên án hành động giam giữ một cách ngang ngược của chính quyền cộng sản Việt Nam. Cho đến nay mới chỉ có một mình Lê Chí Quang được phóng thích vì lý do sức khỏe. Điều kiện giam giữ là một mối quan ngại khác. Các nhà tù vốn đã rất khắc nghiệt, mức độ khắc nghiệt càng gia tăng trước thái độ bất khuất của Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn khi cương quyết phủ nhận tội danh gián điệp. Đặc biệt, tình trạng sức khỏe của Phạm Hồng Sơn đang bị suy yếu trầm trọng trong thời gian qua là một mối quan ngại sâu sắc của các tổ chức nhân quyền, của các chính quyền dân chủ, và của các đoàn thể đấu tranh cho dân chủ. Một động thái đáng khâm phục là dân biểu Chris Smith đã đệ trình lên Quốc hội Mỹ dự quyết mang tên "Trả Tự Do cho Bác sĩ Phạm Hồng Sơn", trong đó ngoài Phạm Hồng Sơn quốc hội Mỹ còn đòi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam trả tự do tức khắc cho Nguyễn Vũ Bình và nhiều tù nhân lương tâm khác. Các anh em cùng chí hướng trong và ngoài nước cũng luôn bày tỏ sự quan tâm cụ thể đối với vấn đề sức khỏe của Phạm Hồng Sơn, và rất phẫn nộ trước hành vi khủng bố tinh thần và thể xác rất thâm độc của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội.

Hiện nay trong Đảng Cộng Sản Việt Nam đang có tình trạng "trên bảo dưới không nghe", "phép vua thua lệ làng". Những tay cai tù dứng là những ông trời con. Nhưng ban lãnh đạo đảng cộng sản, mà người đứng đầu là tổng bí thư Nông Đức Mạnh, vẫn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tình trạng sức khỏe của Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn.

Tại sao Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn lại bị bỏ tù lâu và khắc nghiệt như thế trong khi những người khác cũng làm những điều tương tự như những gì họ đã làm lại chỉ bị sách nhiễu ? Điều này chứng tỏ công lý của chế độ cộng sản là công lý tùy tiện, nhưng nó cũng tôn vinh Quang, Sơn, Bình. Nó chứng tỏ đảng cộng sản đánh giá cao họ và sợ họ.

Trả tự do không điều kiện cho Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn ngay thời điểm này phải không còn là một chọn lựa chính trị, mà là một hành động bắt buộc.

Bảo vệ Bình và Sơn là bốn phận của lương tâm và khí phách Việt Nam.

**Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte)**

LTS : Nguyễn Văn Hiệp, 33 tuổi, kỹ sư, là phát ngôn viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

## Ba trường hợp điển hình

Tôn Thất Thiện

Từ ngày thủ tướng Phạm Văn Đồng la hoảng về "nạn tham nhũng lan tràn" (năm 1978), đến nay đã 28 năm rồi. Trong thời gian đó đã có đến 6 đại hội đảng cộng sản và trong mỗi báo cáo chính trị khai mạc đại hội, tổng bí thư đương nhiệm đều tuyên bố rằng tham nhũng là một "quốc nạn" cần phải diệt trừ, nhưng đến đại hội sau thì lại thú nhận rằng trong năm qua nạn tham nhũng đã không những không giảm mà còn gia tăng. Đồng thời, dư luận trong và ngoài nước đều bàn tán sôi nổi, và ngay cả trong hàng ngũ đảng gần đây cũng càng nhiều người lên tiếng về vấn đề này. Nhưng rõ ràng không những tình trạng không cải thiện, mà, như một người bạn tôi vừa đi Việt Nam về viết thư cho tôi nói : tham nhũng đã đạt đến mức "vô liêm sỉ".

Tham nhũng không phải chỉ có ở Việt Nam. Ở quốc gia nào nó cũng có, ngay cả ở các nước Pháp, Hoa Kỳ hay Canada. Nhưng ở một số quốc gia, đặc biệt là Phi châu, Nam Mỹ và Việt Nam, nó không bị diệt trừ được vì các quốc gia đó là những quốc gia mang văn hóa tham nhũng. Văn hóa tham nhũng là đặc điểm của chế độ độc tài. Mà trong chế độ độc tài tất nhiên vắng bóng tự do và dân chủ, không có tự do ngôn luận, dân không có quyền tố cáo những lạm dụng của viên chức quốc gia, không được thay đổi chính phủ bằng những cuộc tuyển cử tự do, không được sống trong điều kiện pháp trị trong đó các quan tòa tự do phán xét theo luật pháp và công tâm. Nhưng nếu có tự do dân chủ và pháp trị thì vấn đề tham nhũng có thể thanh toán được. Điều này đã được minh chứng một cách ngoạn mục trong thời gian gần đây ở một số quốc gia có tiếng là dân chủ : Pháp, Hoa Kỳ, và trong những tuần vừa qua ở Canada.

Ở Pháp, có vụ Alain Juppé. Ông này được nhắc nhở đến gần đây sau khi mãn án. Ông đã bị lén án 18 tháng tù treo và 5 năm mất quyền công dân - không được ứng cử - vì tội "lạm dụng chức quyền". Điều đặc biệt trong vụ này là ông Juppé đã từng giữ chức thủ tướng Pháp trong những năm 1995-1997 trong nhiệm kỳ đầu của tổng thống Jacques Chirac. Trước đó ông cũng đã từng giữ những chức vụ quan trọng khác : tổng thư ký đảng RPR (đảng của ông Chirac), phó đô trưởng Paris thời ông Chirac làm đô trưởng và thị trưởng Bordeaux năm 1997. Ông Juppé đã bị kết tội vì đã đem người vào Tòa Đô Chính Paris, cho ăn lương nhà nước, nhưng lại không làm việc ở đó mà làm việc cho đảng RPR ở nơi khác. Ta gọi mấy người này là "công chức ma".

Điều cần ghi nhận ở đây là ông Juppé, tuy quyền cao chức trọng, nhưng vẫn bị đưa ra tòa, bị xử công khai và bị kết án như bất cứ công dân nào khác. Điều này chỉ xảy ra được nếu có tự do ngôn luận, báo chí tự do đăng tải những tin tức về việc ông vi phạm luật lệ, cản cứ trên những tố giác của nhân viên Tòa Đô Chính Paris, và được những quan tòa độc lập xét xử theo công tâm và luật pháp, không bị chính phủ áp chế, đe dọa, nghĩa là trong một thể chế dân

chủ pháp trị,

Một ví dụ thứ hai xảy ra ở Hoa Kỳ. Đó là vụ Tom Delay. Ông này là một nhân vật tên tuổi thuộc đảng Cộng Hòa đang nắm đa số ở Hạ Viện lẫn Thượng Viện. Ông được coi là một người rất thân cận với đương kim tổng thống G. Bush và là chủ tịch Hạ Viện, uy thế rất lớn. Nhưng ông vẫn bị tố vi phạm luật lệ hiện hành về tài chính trong các cuộc tuyển cử. Ông đã nhận tiền của một số công ty và lấy tiền đó bỏ vào quỹ bầu cử của Đảng Cộng Hòa. Ông cũng làm việc chặt chẽ với một người chạy việc (lobbyist), cựu dân biểu, tên là J. Abramoff. Ông này đã vận động ém nhẹm dự luật cải tổ điều kiện lao động và đã tổ chức cho ông Delay đi chơi miễn phí đánh golf và săn cá ở quần đảo Mariannas (Thái Bình Dương), hay đi Moscou vì việc riêng. Tòa án ở Texas đã ra lệnh bắt Tom Delay, chụp ảnh, lăn ngón tay và buộc phải đóng 100.000 USD để được tại ngoại hầu tra, nhưng sau đó đã xử ông về tội vi phạm luật tài chính về tuyển cử. Do đó, tháng 9 năm 2005 Đảng Cộng Hòa, áp dụng nội quy của đảng, buộc ông phải từ chức chủ tịch Đảng tại Hạ Viện.

Trong những bàn tán trong quốc hội Mỹ, người ta nói rằng loại bỏ những Tom Delay thôi cũng chưa đủ, phải loại bỏ luôn hiện trạng "TomDelayism" (chủ nghĩa Tom Delay) và "văn hóa tham nhũng" ra khỏi đời sống chính trị của Hoa Kỳ.

Trường hợp thứ ba càng đáng được người Việt chú ý hơn nữa, còn gọi là vụ gọi là "xì căng đan ban cấp" (sponsorship scandal". Đây là vụ tham nhũng làm sôi nổi dư luận Canada trong năm qua và đã đưa đến sự suy sụp của đảng Tự Do (Libéral), đảng cầm quyền. Đảng này đã bị đối lập bỏ phiếu bất tín nhiệm. Sự kiện này đưa đến sự giải tán quốc hội.

Trong cuộc tổng tuyển cử quốc hội được tổ chức ngày 23-1-2006 vừa qua, Đảng Tự do mất đa số và mất luôn chính quyền. Từ 172 ghế trong quốc hội năm 2000 và 135 ghế hồi tháng 6-2004, hiện nay đảng này chỉ còn lại 102 trên tổng số 308 ghế. Tuy Đảng Bảo Thủ (Conservateur) không chiếm được 50% số ghế nhưng số dân biểu đã tăng lên từ 99 lên 124 người, và có thể liên kết với hai đảng khác để thành lập chính phủ. Đảng Tự Do trở thành đảng đối lập trong quốc hội.

Nguyên do là Đảng Tự Do đã nắm chính quyền quá vững và quá lâu (1994-2003), nên ông J. Chrétien, thủ tướng Canada, và nhất là đàn em, sinh ra kiêu căng và lạm dụng quyền hành trong việc sử dụng ngân sách quốc gia, ban cấp hợp đồng cho một số công ty thân cận với Đảng Tự Do bất chấp luật lệ và thủ tục hành chánh : không tổ chức đấu thầu và cũng không có kiểm soát, tất cả đã được quyết định trên căn bản bối bối.

Trong dịp kiểm tra tài chính hàng năm ủy viên phụ trách việc này báo cáo là có những bất hợp lệ và lạm dụng

lớn trong một số cơ quan chính phủ. Báo chí đã điều tra và tiết lộ thêm nhiều tình tiết khác để rồi đến tai các đảng đối lập ở quốc hội. Các đảng này cho đây là cơ hội tốt để gây khó khăn cho chính phủ và đòi mở cuộc điều tra. Cùng lúc, trong nội bộ Đảng Tự Do có cuộc tranh giành lẫn nhau giữa hai phe, một phe của đương kim thủ tướng Chrétien, và một phe của tổng trưởng tài chánh P. Martin. Chính phe Martin cũng muốn nhân dịp này lật đổ phe Chrétien, và họ đã thành công. Ngay sau đó, ông Martin thiết lập một ủy ban điều tra, mang tên Ban điều tra Gomery, theo tên của trưởng ban là quan tòa J. Gomery.

Ông Martin hứa rằng một tháng sau khi ủy ban công bố phúc trình chung kết về cuộc điều tra, tháng 2 năm 2006, ông sẽ tổ chức tổng tuyển cử, nghĩa là vào tháng 3 năm 2006. Nhưng tháng 11 năm 2005 ông tòa Gomery công bố phần I của cuộc điều tra, tiết lộ những lạm dụng làm cho dư luận kinh ngạc. Ví dụ một công ty vận động cho Liên bang Canada đã tính giá cắt cổ, thí dụ như một cái T-shirt hạng thường giá khoảng 5-10 USD, hạng tốt khoảng 15-20 USD, nhưng công ty cung cấp cho chính phủ đã tính 150 CAD một cái ! Về chương trình vận động, có công ty không làm gì cả mà đã làm hóa đơn tính tiền chính phủ lên đến 335.000 USD !

Cuộc điều tra còn phát giác một sự kiện trầm trọng hơn, đó là có một số công ty đã đóng góp tiền cho quỹ của Đảng Tự Do. Quỹ dành riêng để vận động cho Liên bang Canada là 250 triệu USD. Trong số này, 100 triệu đã được cấp cho các công ty thân Đảng Tự Do, nhưng có 50 triệu mất tung tích ! Tham nhũng lạm quyền quá mức tưởng tượng khiến dư luận ác cảm đối với Đảng Tự Do và đẩy Đảng Bảo Thủ cùng hai đảng đối lập khác bỏ phiếu bất tín nhiệm chính phủ Martin để giải tán quốc hội và bầu cử lại quốc hội mà họ tin là sẽ thắng. Và đúng như vậy.

Về phía Đảng Bảo Thủ, đảng trưởng S. Harper, nay là thủ tướng Canada, đã tranh cử trên lập trường chống Đảng Tự Do (vì đảng này tham nhũng và lạm quyền) và hứa sẽ chấm dứt tình trạng này, nên đã tuyên bố chấp nhận những đề nghị của ủy ban điều tra Gomery đưa ra trong bản Phúc trình II vào đầu tháng 2. Ủy ban đề nghị một số biện pháp phòng ngừa lạm dụng chức vụ, vi phạm luật lệ, thủ tục hành chánh và những biện pháp cần thiết để bảo vệ những công chức ("thổi tu huýt") tiết lộ lạm dụng, buộc các công chức cao cấp hàng tổng giám đốc phải từ chối thi hành quyết định của cấp trên mà họ cho là trái luật lệ, và buộc nhân viên văn phòng các tổng trưởng, đặc biệt là nhân viên văn phòng thủ tướng, thường được gọi là "nhân viên chính trị", phải chịu trách nhiệm trước quốc hội.

Ngoài những đề nghị có tính cách thủ tục, hành chánh và luật pháp, ông tòa Gomery nhấn mạnh rằng điều cần bản là làm sao loại bỏ "văn hóa ban cấp" và thay thế nó bằng "văn hóa liêm khiết", nghĩa là tạo ra một tinh thần không lạm dụng uy thế của mình để ban phát ân huệ tùy hứng, tùy thích, bất chấp luật lệ, phải trái ; và có tinh thần công dân và tinh liêm khiết.

Như đã được nhấn mạnh trên mặt báo này, thanh toán tham nhũng, lạm quyền, chung quy là một vấn đề văn hóa.

Ngoài sự cần thiết của tự do và dân chủ phải có một văn hóa thích hợp, vừa đặt trên cơ sở đạo lý vừa thích nghi với hiện đại mới, tạo ra cho quốc gia và xã hội những điều kiện để tồn tại và có thể phát triển được.

Những điều trên đây cần được các đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam thực sự cùn ưu tư cho tương lai đất nước nghiên ngâm kỹ. Cho đến nay, những kêu gào tố cáo lạm dụng quyền hành, tham nhũng của một số lãnh tụ cán bộ cao cấp trong đảng chỉ nhằm thay thế những kẻ bị tố cáo mà thôi. Vì họ vẫn bám víu vào chủ trương "tiến lên chủ nghĩa xã hội" và bảo vệ uy quyền địa vị của đảng nên những kêu gào tố cáo của họ chẳng có kết quả gì.

Trường hợp của Pháp, Hoa Kỳ và nhất là Canada đều trên đã chứng minh hết sức rõ ràng rằng muốn thanh toán tệ nạn tham nhũng, và một số tệ nạn khác đang làm cho Việt Nam càng ngày càng băng hoại, phải quyết tâm áp dụng triệt để một số biện pháp căn bản : phải chấp nhận tự do dân chủ (nghĩa là phải có tự do ngôn luận, đa đảng và tuyển cử đứng đắn, tự do ứng cử, tự do chọn lựa và bầu đại biểu Quốc hội) và pháp quyền thực sự độc lập (nghĩa là một chính thể pháp trị, với tòa án độc lập).

Chỉ thay thế thành phần nhân sự mà không triệt để cải tổ luôn thể chế thì cũng không đủ, vì thành phần nhân sự mới vẫn sẽ căn cứ trên thể chế cũ để lạm dụng quyền hành như những nhân sự mà họ thay thế. Phải cải tổ luôn thể chế mới hòng giải quyết được vấn đề một cách tận gốc và dứt khoát. Nếu không, cho dù có kêu gào, tố cáo, dù ôn ào đến đâu cũng vô ích.

Tôn Thất Thiện (Ottawa)

## *Nguyệt san* **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :  
**Tại Pháp** : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : Vietnam Fraternité.

**Tại Đức** : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : Thanh Luong Nguyen, Konto nr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

**Tại Hà Lan** : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của Stichting mensenrechten voor VietNam (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Anh** : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : Vietnamese Centre (báo Thông Luận).

**Tại Hoa Kỳ** : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : Nguyen Ngoc Oanh (báo Thông Luận).

**Tại Úc** : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : Thu S. Duong (báo Thông Luận).

Tản mạn

## Ai diên, ai cuồng tín ?

Ngày 30-9-2005, nhật báo *Jyllands-Posten* của Đan Mạch đăng tải 12 bức tranh biếm họa Mahomet. Hơn ba tháng sau, một số hữu trách của đạo Hồi phản đối và yêu cầu Đan Mạch phải xin lỗi chính thức. Ngày 10-1-2006, một tạp chí của Na Uy đăng lại 12 bức tranh đó vì tự do ngôn luận. Ngày 21-1-2006, Ủy ban giáo lý Hồi giáo kêu gọi tẩy chay các sản phẩm của Đan Mạch và Na Uy. Ngày 31-1-2006, bộ trưởng nội vụ các nước Hồi giáo yêu cầu Đan Mạch phải trừng trị các họa sĩ vẽ tranh biếm họa. Tiếp theo đó một số báo chí của Pháp như *France Soir, Charlie Hebdo* cũng đăng tải lại các bức tranh nói trên. Làn sóng phẫn nộ của giới đạo Hồi dâng cao. Tại những quốc gia Hồi giáo, những nhóm người Hồi quá khích tấn công, đốt phá các cơ sở ngoại giao của ba nước nói trên...

"Đúng là bọn điên, đúng là bọn cuồng, bọn cuồng tín. Thật là không thể nào chấp nhận được. Chúng nó điên hết cả rồi!".

Hắn cứ nhắc đi nhắc lại câu nói đó với tôi một cách rất quả quyết. Càng nói chuyện với tôi, hắn càng muốn chứng tỏ hắn là người vô đạo và không cuồng tín. Tôi cũng có phần nào thích thú được làm quen với hắn, một cán bộ của chế độ sang công cán dài hạn ở sứ quán. Là một nhà báo của chế độ, nên hắn cũng đọc được rất nhiều báo khác để làm báo cáo tổng kết cho lãnh đạo sứ quán. Càng đọc nhiều thông tin trong thời gian này, hắn càng thấy là đám người theo đạo Hồi đang điên, còn hắn thì tỉnh táo.

Phải nói thật là hắn cũng có nhiều điểm "tiến bộ" so với những cán bộ mà tôi đã từng gặp. Hắn rất quý tôi và rất muốn giao du với tôi vì, dù sao, so với những người chạy trốn chế độ khác thì tôi cũng là người có "lập trường" modéré (ôn hòa). Tất nhiên, những kẻ như hắn thì phải là đảng viên rồi. Nhưng hắn vẫn tự nhận là đảng viên cấp tiến, nhìn thấy nhiều vấn đề của đảng và đất nước, và có phần nào nhận thấy cần phải dân chủ hóa đất nước. Tuy vậy, không phải hắn không có những khúc mắc về tư tưởng.

Câu chuyện của chúng tôi đang xoay quanh vấn đề thời sự nóng bỏng ở thế giới đạo Hồi, vì hắn rất thích nói chuyện về chủ đề này để chửi bậy đạo Hồi cuồng tín. Tôi cũng tin vào suy nghĩ của hắn, một kẻ vô thần. Mà đã vô thần thì không thể cuồng tín được.

Đang vui câu chuyện và chủ đề câu chuyện đang lái sang vấn đề Việt Nam, chuyện Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu... Tôi buột miệng đánh một câu tiếng Pháp :

- Ho Chi Minh était aussi un enculé (Hồ Chí Minh cũng là thằng đéo).

Gương mặt hắn liền đổi hẳn thần sắc, cứ như thể bị dao đâm, kiếm chém. Đôi môi đắn đờ, có phần lúng túng. Cặp mắt hắn có lúc long lên sòng sọc. Hắn và tôi cùng lặng đi một lúc. Tôi biết là tôi đã làm hắn tổn thương.

Tất nhiên không phải ngẫu nhiên tôi nói ra câu đó. Cuộc đời của Hồ Chí Minh có điều cát hay không, không

phải là điều tôi muốn nói ở đây. Và chuyện đều cảng đối với tôi cũng không quan trọng. Vấn đề nằm ở chỗ khác. Tôi chỉ muốn thử xem hắn có giống như nhiều người khác mà tôi đã từng gặp không ? Hắn đang ở nhà tôi, khách mời của tôi. Tôi và hắn là bạn với nhau mấy chục năm rồi tuy trước đây, khi còn ở trong nước, chúng tôi đâu có dám nói chuyện này.

Suy nghĩ một lúc, hắn nói với tôi : "Mày nói như vậy không được. Các danh nhân của thế giới, chỉ có bác Hồ là nhất. Ai ai cũng có vấn đề cả, chỉ có Bác ta là không có chuyện gì. Các dân chứng về Stalin, Mao... cứ tuôn ra ào ào. Bác Hồ đúng là một vĩ nhân, người là niềm tin thiết tha nhất trong lòng của mọi người dân và luôn cả trong trái tim nhân loại, tiếng người còn vọng mãi mai sau...".

Tôi thông cảm cho hắn, từ nhỏ đến lớn chỉ bị nhồi sọ về Đảng và Bác nên khó có thể chấp nhận một lời nói nào khác với sự tuyên truyền, tức những gì đã được nghe dạy. Kể cũng không có gì là lạ cả, khi cả đời ta chỉ nghe theo một chiều, cái đó trở thành chân lý ; đầu óc của những người đó rất khó thay đổi. Tôi đã cố gắng thuyết phục hắn nhiều lần để xem suy nghĩ và tư duy của hắn có thể thay đổi được phần nào không, nhưng hắn nhất quyết không chịu "thua". Đối với hắn, Bác là nhân vật số 1 trên hành tinh này. Tôi đã cố gắng giải thích để hắn biết là tất cả chúng ta đều là nạn nhân của sự tuyên truyền của chế độ, vậy bây giờ chúng ta phải giúp nhau để thoát ra khỏi cái vòng "kim cô" đó. Câu chuyện cứ thế mà tiếp tục, không ai thuyết phục được ai.

Cuối cùng thì hắn xin phép ra về với bộ mặt ủ rũ, với ánh mắt giận dữ. Từ đó trở đi hắn không bao giờ gọi điện cho tôi nữa. Thỉnh thoảng tôi có gọi mời hắn đến nhậu cho vui, vì cả hai thằng đều "phòng không" (chưa có vợ), thì hắn tìm mọi cách để thoái thác. Hắn chịu bỏ bạn chứ nhất quyết không chịu bỏ Bác.

Câu chuyện về thằng bạn này của tôi không phải chỉ là một trường hợp cá biệt. Tôi có thể nói là rất nhiều người hiện nay cũng giống hệt như ông bạn của tôi đây.

Có điều nghịch lý là trong khi họ chửi bậy, khinh thường những người đạo Hồi quá khích, cho rằng đó là những kẻ mù quáng, ngu muội, điên cuồng thì chính bản thân họ cũng như vậy mà họ không nhận ra. Khi "chúa" của chúng nó bị nhạo báng thì ta hả hê. Khi "chúa" của ta bị nhạo báng thì ta nhất quyết không chịu. Nghe ra hắn còn quá khích và mù quáng hơn cả mấy tay đạo Hồi quá khích kia.

Hãy cảnh giác với chính mình. Chứng nào trong đầu óc chúng ta còn một thần tượng không thể dung túng (bất kể thần tượng đó là ai), thì chúng ta vẫn còn ngu muội, vẫn còn điên khùng giống hệt những kẻ đạo Hồi quá khích đang biểu tình, đập phá các sứ quán Đan Mạch, Pháp, đang đòi "kiểm duyệt" báo chí phương Tây...

Tự do ngôn luận là một quyền mà xã hội văn minh đã tranh đấu trong gian khổ từ nhiều thế kỷ qua để có. Không bao giờ có chuyện đặt lại vấn đề tự do ngôn luận. Chính những kẻ mù quáng, những kẻ chưa biết mình là mù quáng mới cần đặt lại vấn đề tư duy của họ.

**Hồ Chí Mô** (Paris)

# YÊU DÂN CHỦ LÀ YÊU NƯỚC

Bùi Đình Sênh

LTS : Bài viết sau đây là của ông Bùi Đình Sênh, một trí thức dân chủ Hà Nội ở lứa tuổi 50, cựu thiếu tá quân đội, đã giải ngũ cách đây hơn 10 năm. Đây là một nhận định đúng đắn và cân đối.

Tác giả phát biểu về một sự kiện đáng buồn trong phong trào dân chủ trong nước, sự xung đột giữa hai nhóm Nguyễn Thanh Giang và Hoàng Minh Chính.

Mâu thuẫn thực ra đã bắt đầu từ vài năm nay khi phong trào dân chủ trong nước bắt đầu bước vào giai đoạn đấu tranh có phôi hợp và vấn đề lãnh đạo được đặt ra. Một số những người dân chủ coi vai trò lãnh đạo của ông Hoàng Minh Chính là tự nhiên vì tuổi tác, thành tích và sự dũng cảm của ông. Một số khác, tiêu biểu là ông Nguyễn Thanh Giang, cho rằng tuổi tác và thành tích không đủ để bảo đảm những chọn lựa đúng.

Cuộc xung đột đã nổ ra công khai khi nhà văn Hoàng Tiến công bố một bài viết đả kích năng nề ông Nguyễn Thanh Giang, trong đó có việc ông Giang đã viết một bản tự kiểm trong thời gian bị bắt giam. Kế tiếp nhà văn Dương Thu Hương đã tiếp tay Hoàng Tiến cho rằng ông Giang làm việc cho công an. Dương Thu Hương không đưa ra một bằng cớ hay một lý luận nào chứng minh cáo buộc này. Nguyễn Thanh Giang và các thân hữu của ông đã phản ứng bằng một loạt bài đả kích các ông Hoàng Minh Chính, Hoàng

Tiến và Trần Khuê.

Bất đồng ý kiến và tranh đua vai trò lãnh đạo là một điều bình thường, và thực ra là tốt, trong sinh hoạt dân chủ. Tuy nhiên không thể không buồn khi có những đả kích quá đáng với mục đích hạ thấp cá nhân.

Trên ít nhất một điểm chúng tôi đồng ý với ông Bùi Đình Sênh : việc ông Nguyễn Thanh Giang viết bản kiểm điểm trong lúc bị giam giữ không thể được sử dụng để đả kích ông. Những ai đã trải qua lao tù cộng sản đều biết điều này chẳng có giá trị gì. Những ai đã có thái độ thách thức không viết tự kiểm có quyền hanh diện, nhưng những ai chấp nhận viết bản tự kiểm cũng không phải là một tội lỗi hay một sự hèn nhát.

Ông Giang cho hay quan điểm của ông là khi một người dân chủ bị giam giữ thì ưu tư đầu tiên là làm thế nào để được trả tự do và tiếp tục tranh đấu. Trong bản tự kiểm mà công an cộng sản đã công bố, ông Giang nhìn nhận là đã có những nhận định quá đáng, nhưng không phê phán một người dân chủ nào và cũng không phủ nhận Việt Nam phải có dân chủ. Ông vẫn tiếp tục tranh đấu cho dân chủ ngay sau khi được trả tự do.

Về phần ông Hoàng Minh Chính, không ai có thể phủ nhận thiện chí và sự dũng cảm mà ông đã chứng tỏ từ nhiều thập niên qua.

công nhận cho nhau ; là điều lệ phức tạp... Còn đối với tôi - đơn giản, cộng sản là người sống theo những tiêu chí như vậy ; yêu thương và quý trọng con người, yêu dân yêu nước, trí tuệ, ngay thẳng, trung thực ; được công nhận hay tự công nhận đâu phải là quan trọng.

Cái chính nghĩa ngày nay đã dường như rời khỏi đảng cộng sản và đa số đảng viên của đảng ; có rất nhiều dấu hiệu chứng tỏ điều đó. Nắm chắc được chính nghĩa chính những người dân chủ là những cột trụ hữu hình và vô hình của đất nước, không để chính nghĩa chìm đắm là trách nhiệm của tất cả những người có lương tri.

Một trong những sai lầm lớn của những người cộng sản Việt Nam là định thực hiện một lý tưởng cao đẹp tột cùng của loài người bằng những thủ đoạn đấu tranh giai cấp tàn bạo hàm chứa nhiều hung hiếp như đấu tranh vũ trang, nói dối tràn lan, đặt quyền lợi của đảng mình, đồng chí mình lên trên quyền lợi của đất nước, lên trên luật pháp... Đây chính là hiểm họa cho đất nước cuồng như cho chính các đảng viên của đảng.

Những người dân chủ đích thực không bao giờ nên đi đến dân chủ bằng bạo lực; bạo lực súng đạn hay bạo lực dưới các hình thức che đậy khác.

Tôi thấy nhà văn Hoàng Tiến phê phán tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang nặng nề không cần thiết và thiên về cảm tính ; tôi nghĩ nhiều vấn đề nhà văn Hoàng Tiến nêu ra không hẳn có bản chất đã như ông hiểu.

Có hai vấn đề nhà văn Hoàng Tiến nêu ra làm tôi cảm thấy ông chưa thấu hiểu thủ pháp sâu hiểm của công an cũng như các lực lượng trấn áp khác của đảng cộng sản trong việc không chế vô hiệu hóa người mà họ cho là đối tượng đấu tranh của họ.

Bản tự kiểm điểm hay thú tội gì đó của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang đã viết trong trại giam của công an, nếu thực là có, đâu có gì quan trọng tới mức nhà văn Hoàng Tiến đề cập. Bản thân tôi từng chứng kiến biên bản giả mạo được tập thể cán bộ đảng làm công khai ngay trước mặt đối tượng nhằm trấn áp đối tượng đó ; thiếu tướng có 30 năm thâm niên nghiệp vụ bảo vệ đảng mặc cả kỳ cục với sĩ quan ít tuổi, cấp dưới một cách tùy tiện để giấu khuyết điểm cho tổ chức đảng mình, cho cá nhân mình... Con người mới là quan trọng, tấm lòng hăng hái của ông Giang sau khi ra khỏi trại giam mới là quan trọng ; tôi thiết nghĩ nhà văn Hoàng Tiến chưa thấu hiểu điều này.

Hạ uy tín, phẩm giá của đối tượng một cách nhởn nhơ trong khi theo đuổi lý tưởng cao đẹp là một thủ pháp, rất tiếc là các cán bộ đảng cộng sản hay dùng đối với người họ coi là đối tượng đấu tranh của mình. Tôi nghĩ chắc nhà văn Hoàng Tiến cũng đồng ý với nhận xét của tôi. Trong điều kiện như vậy, việc tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang vun quén, gìn giữ uy tín, thanh danh của mình tôi nghĩ đó là một phản xạ tự nhiên và cần thiết ; tôi nghĩ rằng trong một mức độ rất lớn, uy tín thanh danh của các nhà dân chủ Việt Nam không còn là của riêng mình mà muốn hay không nó còn thuộc về những người yêu dân chủ, yêu đất nước đích thực. Những người yêu dân chủ Việt Nam đang sống và hoạt động trong một hoàn cảnh đặc biệt.

Đảng cộng sản đã cướp và giữ chính quyền được 60 năm, trước khi cướp được chính quyền hầu hết các cán bộ chủ chốt của đảng đều bị thực dân da trắng sừng sỏ cầm tù ; các thủ đoạn cầm tù, khống chế, mê hoặc... của thực dân họ đều phải nếm trải. Dù muốn hay không, thực tế này đều khắc dấu ấn tiêu cực trong tâm thức họ và có ý thức hoặc không, các thủ đoạn đó được truyền lại cho các cán bộ đảng viên lớp sau ; đây là một thực tế khoa học. Người ta đã làm một thực nghiệm khoa học cho thấy rằng, khi một đàn khỉ ở hòn đảo này được huấn luyện một thói quen, tập tính mới thì đàn khỉ ở một đảo khác cũng có thói quen, tập tính tương tự. Có lẽ nhiều người cộng sản Việt Nam vô tình trở thành thực dân da vàng lúc nào họ cũng không biết.

Kỹ thuật huấn luyện cao, tuyên truyền giỏi, khống chế tài trong một thời gian dài làm người dân mất phương hướng và vanan thụ động trông chờ vào đảng cùng may rủi. Nguy hiểm hơn, cho tới lúc này, đa số đảng viên cộng sản hoặc do nhận thức kém hoặc lợi dụng "đục nước béo cò", vô tình hoặc cố ý, kéo dài tình trạng trên càng lâu càng tốt. Sự khôn lỏi đao thái quá.

"Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn", sống trong một trường nồng lưỡng tâm thức tập thể thấp và khác thường như thế các nhà dân chủ nên cảnh giác với chính bản thân mình th nền dân chủ mới có thể sớm tới được.

Nhà văn Hoàng Tiến đã sốt ruột, vội vàng trên con đường dân chủ, tôi cảm nhận rõ điều này trong hơi thở của

bài viết "Đã đến lúc không thể làm ngơ được nữa" ; vội thì vội nhưng phấn đấu cho dân chủ là để mang hạnh phúc cho nhân dân, cho mình và trước hết cho chính đồng hành của mình. Vội như trong bài viết thì vội quá. Dân chủ tất sẽ đến, không thể lực nào có thể ngăn cản được vì đó là quy luật, hình như Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đã hiểu.

"Gừng già gừng rụi gừng cay

Anh hùng càng cực càng dày nghĩa nhân"

Không có chuyên xu thế dân chủ yếu đi khi hai ông Hoàng Tiến và Nguyễn Thanh Giang chưa thấu hiểu nhau, tôi thấy dấu hiệu nó mạnh lên. Xu thế dân chủ mạnh vì nó có chính nghĩa, nó là lương tâm của thời đại chứ nó đâu cần có nhiều súng, nhiều bút, nhiều công an tình báo chìm nổi, nhiều thủ đoạn giang hồ độc hiểm.

Tôi thiết nghĩ rằng mỗi nhà dân chủ là một anh hùng, thực sự như vậy, khi họ vượt qua chính mình và vượt qua tâm thức bầy đàn hoang dã.

Tôi yêu những người phán đấu cho dân chủ vì yêu dân chủ là yêu nước.

Bùi Đình Sênh (Hà Nội)

## Thành công Thế kỷ 21

### Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001

của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi. Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thềm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

**"Việt Nam sẽ là một nước lớn.**

**Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hành diện.**

**Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lè phai thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát".**

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu. Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại : **Châu Âu : 10 EUR ; Mỹ : 12 USD ; Úc : 15 AUD.** Chi phiếu xin đề : Vietnam Fraternité và gửi về tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges - France.

**"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cống hiến làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".**

**<http://www.thongluan.org>**

## Bàn về cuộc khủng hoảng của Phong trào Dân chủ trong nước

Nguyễn Văn Thể

Trong năm Ất Dậu (2005) vừa qua có một sự cố quan trọng ảnh hưởng đến phong trào tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam : đó là sự đụng chạm đưa đến sứt mẻ giữa một số nhà tranh đấu cho dân chủ trong nước. Sự cố này lại diễn ra đúng vào lúc Đảng Cộng Sản Việt Nam tổ chức các buổi sinh hoạt chuẩn bị Đại hội đảng lần thứ 10. Đó là một điều đáng buồn và là một bước lùi của phong trào dân chủ. Sự cố này đã đưa đến một số hậu quả đáng tiếc :

Một là người dân bình thường đánh giá các nhà tranh đấu cho dân chủ cũng tham lam, lem nhem, háo danh, tranh giành địa vị và quyền lợi như những đảng viên cộng sản hiện nay, có khi còn tệ hơn đảng cộng sản khi nắm được chính quyền. Sự đánh giá này có thể sẽ bị đảng cộng sản khai thác để người dân bình thường sợ hãi dân chủ.

Hai là những đảng viên có ý muốn thay đổi chế độ độc tài này sang chế độ dân chủ trong Đại hội 10 của đảng cộng sản sẽ bị chao đảo niềm tin vì mất tin tưởng vào đối lập dân chủ.

Ba là các nhà tranh đấu này, thay vì dồn sức để đấu tranh với đảng cộng sản, quay ra tranh đấu với nhau khiến đảng cộng sản yên ổn để chuẩn bị đại hội và tiếp tục theo con đường độc đảng.

Bốn là những sứt mẻ này sẽ đưa đến việc phân cực giữa các nhà tranh đấu cho dân chủ, do đó sẽ làm cho phong trào tranh đấu cho dân chủ trong nước bị suy yếu.

Đã có nhiều cố gắng để tìm hiểu lí cớ dẫn đến việc đụng chạm và sứt mẻ này với hi vọng phục hồi lại tiềm năng tranh đấu cho phong trào dân chủ. Bởi vì trong sự đổ vỡ này Đảng Cộng Sản Việt Nam là người hưởng lợi nhiều nhất.

Thái độ dễ dàng nhất là đổ lỗi cho Đảng Cộng Sản Việt Nam. Chẳng hạn như đảng cộng sản đã xúi giục, thọc gậy bánh xe để một mâu thuẫn nhỏ trở thành những mâu thuẫn lớn dẫn đến sự mạt sát lẫn nhau giữa những nhà tranh đấu cho dân chủ trên mạng và báo chí Việt ngữ hải ngoại. Hoặc đảng cộng sản đã tạo ra một số nhà dân chủ giả hiệu để len lỏi và phá hoại phong trào dân chủ.

Trong quá khứ đảng cộng sản đã từng làm như vậy với phong trào chống cộng của cộng đồng người Việt tị nạn tại hải ngoại. Đảng cộng sản đã cử một số cán bộ vượt biên rồi hội nhập vào hàng ngũ những người chống cộng cực đoan để phá hoại. Kết quả là ngày nay phong trào chống cộng cực đoan của cộng đồng người Việt tị nạn tại hải ngoại không còn ăn khách nữa.

Hiện nay phong trào dân chủ đang được chuyên chở bởi trào lưu của thời đại. Đảng cộng sản cũng phải thay đổi chiến thuật để thích ứng với tình hình mới, họ đã tạo dựng ra một số cán bộ để trở thành những người phát biểu chống chế độ và tranh đấu cho dân chủ hăng say nhất. Đồng thời đảng cộng sản cũng giả bộ hăm dọa, bắt bù tú những cán

bộ này để họ được nổi bật và thu hút sự chú ý của cộng đồng người Việt hải ngoại. Những cán bộ này sẵn sàng nhận làm "nhà dân chủ giả hiệu" vì vừa làm tròn sứ mạng mà đảng giao phó vừa được nổi tiếng và thu được lợi lộc từ những phong trào dân chủ ở hải ngoại để sống thoải mái hơn. Đảng cộng sản cũng sợ những người này sẽ vượt ra khỏi tầm tay khi được nổi tiếng nên lúc nào cũng thủ sẵn những chứng cứ để bôi nhọ họ khi nghi ngờ sắp bị phản bội.

Tuy đảng cộng sản có đề phòng như vậy, nhưng vẫn có người tương kế tựu kế, giả làm Hàn Tín chịu luồn trôn, để tranh đấu cho dân chủ. Bởi vậy trong số những cán bộ được tạo dựng thành những nhà dân chủ giả hiệu sẽ có những người trở thành những nhà dân chủ thật. Sự kiện này làm cho sự phân biệt giả thật trở thành khó khăn và tạo ra sự nghi kị lẫn nhau giữa những người dân chủ và làm suy yếu phong trào dân chủ trong nước. Nói chung, đàng nào đảng cộng sản cũng được lợi.

Ngoài lí cớ bị đảng cộng sản phá hoại đã nêu trên, còn hai lí cớ khác cũng đã được bàn đến trong cố gắng tìm hiểu lý do tại sao đưa đến sự đụng chạm và sứt mẻ của phong trào dân chủ trong nước.

- Một là, việc chỉ định người đại diện phong trào dân chủ trong nước của cụ Hoàng Minh Chính không theo đúng những thủ tục dân chủ. Hành động tùy tiện và có tính gia trưởng này của cụ Hoàng Minh Chính đã làm một số người tranh đấu cho dân chủ bất mãn và đã bày tỏ sự không đồng ý với cụ Hoàng Minh Chính, khiến những người ủng hộ cụ Hoàng Minh Chính bức tức. Việc phản đối sự chỉ định của cụ Hoàng Minh Chính cộng với thái độ có vẻ khinh thường của một số người bất mãn đã khiến những người ủng hộ cụ Hoàng Minh Chính nổi giận và viết những bài mạt sát và bôi nhọ họ rồi đưa lên mạng internet, và các phương tiện truyền thông của cộng đồng người Việt hải ngoại.

- Hai là sự mệt mỏi, do tuổi đời càng ngày càng chồng chất mà viễn tượng dân chủ lại còn quá xa, đã khiến một số người tranh đấu cho dân chủ dễ mất kiên nhẫn và muốn tìm lí cớ để rút lui khỏi cuộc tranh đấu trong danh dự. Một trong những lí cớ này là trong phong trào dân chủ có những cán bộ cộng sản nắm vùng khoác áo dân chủ.

Tuy nhiên, theo tôi, những lí cớ trên không phải là những lí do chính có tính quyết định. Đó chỉ là những lí cớ ngon, thuộc về triệu chứng. Lí cớ chính có tính quyết định là phong trào tranh đấu cho dân chủ vẫn hành xử theo lề lối suy nghĩ và hành động của văn hóa truyền thống nhân sĩ. Nói cách khác, cuộc tranh đấu cho dân chủ đã không hành xử theo đúng văn hóa dân chủ mới là lí do của cuộc khủng hoảng phong trào dân chủ hiện nay trong nước.

Văn hóa dân chủ đòi hỏi cách suy nghĩ dân chủ và lề lối hành xử dân chủ.

Cách suy nghĩ dân chủ chỉ thực sự trở thành hiện thực

khi những người muốn tranh đấu cho dân chủ nắm vững những khái niệm cơ bản về dân chủ :

- Dân chủ là các phương thức sinh hoạt rút từ kinh nghiệm lịch sử của loài người.

- Dân chủ chấp nhận các khác biệt và coi các khác biệt là cơ hội để tiến bộ và là một sự bình thường của cuộc sống.

- Dân chủ không cho phép loại trừ những khác biệt.

- Dân chủ tôn trọng và bảo vệ quyền tự do phát biểu ý kiến của mọi người vì không có tự do phát biểu ý kiến thì không thể có dân chủ. Mọi cách thức hạn chế hoặc ngăn cấm tự do phát biểu ý kiến đều không phù hợp với văn hóa dân chủ.

- Dân chủ khuyến khích mọi người nói lên những nguyện vọng của mình. Những kiểu muốn hộ và nói thay người khác khi họ có thể nói được có thể là bình thường trong văn hóa độc tài gia trưởng nhưng rất bất bình thường và không chấp nhận được trong văn hóa dân chủ. Những kiểu muốn hộ và nói hộ này nhiều khi chỉ là những suy diễn theo tham vọng của mình, chưa chắc đã đúng với mong muốn của những người khác và đôi khi còn nằm trong âm mưu lợi dụng người khác để làm bình phong che giấu những tham vọng của mình.

- Dân chủ không cho phép chỉ thấy cái lợi của mình. Không chịu chia sẻ quyền lợi cho ai mà chỉ muốn ăn hết, không thấy đóng góp của người khác mà chỉ thấy đóng góp của mình. Dân chủ chấp nhận con người thực tế đầy tham vọng.

- Dân chủ không đi tìm những ông thánh. Bởi vậy dân chủ tách rời tôn giáo và nhà nước.

- Dân chủ mở ra một trò chơi công bằng cho những tham vọng của con người. Vì vậy dân chủ cần có những quy ước cho phép con người được cạnh tranh để đạt được những tham vọng của mình mà bớt làm ngán cản những tham vọng của người khác.

- Dân chủ yêu cầu mọi người phải tôn trọng quy luật và hành xử theo quy luật.

- Dân chủ không cho phép hành xử tùy tiện không đúng với quy luật. Mọi phê phán đều phải dựa vào quy luật.

Nói cách khác, dân chủ là một môn thể thao của "những tham vọng", với những quy định rõ ràng, nhằm giúp con người có cơ hội tranh đua để đạt được những tham vọng của mình một cách chính đáng.

Lối hành xử dân chủ cũng có những quy luật riêng của nó. Phải thỏa thuận về một quy ước tổ chức và sắp xếp chức vụ theo tinh thần dân chủ. Mọi chức vụ đều phải có quy định thời hạn rõ ràng. Chức vụ vô thời hạn sẽ dễ dàng đưa đến tha hóa và lũng đoạn. Lối hành xử dân chủ cũng không cho phép bạo động. Bạo động không phải chỉ có nghĩa hạn hẹp là dùng bạo lực chân tay. Bạo động còn có nghĩa là dùng bạo lực trong lời nói. Những kiểu ăn nói hăm doạ, sử dụng các từ ngữ đao to búa lớn hoặc hạ cấp đều là những hành động sử dụng bạo lực không thích hợp trong văn hóa dân chủ.

- Đối thoại và thảo luận là lối hành xử dân chủ trong việc tranh đấu với nhau. Đối thoại và thảo luận cũng phải

tuân theo một số quy luật nhất định.

- Đối thoại và thảo luận đòi những người đối thoại và thảo luận phải biết tôn trọng nhau, coi nhau bình đẳng và không được cố định kiến về nhau. Nếu coi nhau không bình đẳng và cố định kiến thì không thể có đối thoại và thảo luận thực sự.

- Đối thoại và thảo luận chỉ đạt được kết quả mong muốn khi được thực hiện bằng ngôn ngữ tương kính và tinh thần lắng nghe đối tượng và đứng vào phương vị của đối tượng để có thể hiểu đối tượng một cách trung thực.

Phê phán cũng là một hình thức của đối thoại và thảo luận. Phê phán muốn có kết quả cũng phải đi theo một số nguyên tắc. Phê phán phải dựa vào những quy ước đã được thỏa thuận và những dữ kiện trung thực. Người phê phán và bị phê phán phải có cùng khái niệm về những ngôn từ trao đổi. Khác khái niệm về ngôn từ là một trở ngại lớn trong việc phê phán và thường đưa đến những mâu thuẫn lớn hơn. Người phê phán còn phải biết trung thực với chính mình, với cách suy nghĩ của mình và tránh mọi hình thức bóp méo sự thật.

Hòa giải và hòa hợp cũng là một lối hành xử không thể thiếu trong văn hóa dân chủ. Sinh hoạt dân chủ là một cuộc tranh đua để đạt được những tham vọng của mình theo những quy ước đã được thỏa thuận và sẽ có người được người thua. Bởi vậy trong sinh hoạt dân chủ luôn có những va chạm và mâu thuẫn cần hòa giải để đi đến hòa hợp. Hòa giải chỉ có thể thành hiện thực khi những người có mâu thuẫn muốn có hòa giải, biết sử dụng ngôn từ hòa giải, biết đứng vào vị trí của người mình mong muốn hòa giải để hiểu họ, biết nhận lỗi và tha thứ. Hòa giải giúp cho thù hận và bất công không có cơ để hiện hữu. Không có hòa giải sẽ đưa đến việc tách ra để làm riêng và vì vậy không thể có được những kết hợp lớn để tranh đấu cho dân chủ sớm đạt được thắng lợi.

Lối hành xử dân chủ còn đòi hỏi mọi người cố gắng tìm những giải pháp chung cho những vấn đề cá nhân. Tìm giải pháp cá nhân và áp đặt cho cái chung là lối hành xử của văn hóa độc tài gia trưởng không phù hợp với văn hóa dân chủ.

Nếu bình tâm suy nghĩ để tự kiểm tra mình một cách không khoan nhượng thay vì tìm cách đổ lỗi cho nhau, chúng ta sẽ thấy lề lối suy nghĩ và hành xử theo văn hóa truyền thống độc tài gia trưởng là lí cơ chính của cuộc khủng hoảng phong trào dân chủ trong nước. Mọi lí cơ khác chỉ là giọt nước làm tràn li. Và mỗi người chúng ta đều có đóng góp ít nhiều vào cuộc khủng hoảng này bởi vì chúng ta là sản phẩm của văn hóa truyền thống độc tài gia trưởng.

Những xung đột giữa những người dân chủ trong nước là điều gần như tự nhiên trong khía quanh bắt buộc từ những phản kháng cá nhân sang giai đoạn đấu tranh có tổ chức ; nhưng tìm hiểu lí do của cuộc khủng hoảng này là bước đầu cần thiết của một giai đoạn khởi sắc mới của phong trào dân chủ.

**Nguyễn Văn Thể** (Drachten, Hà Lan)

# Thái giám Trịnh Hòa : lá bùa hộ thân của Bắc Kinh ?

Nguyễn Huy Đức

Tấm bản đồ vừa được trưng bày tại Bắc Kinh và Luân Đôn chắc chắn sẽ gây nhiều tranh luận trong giới sử gia vì nó đặt lại vấn đề của những chuyến hải du thám hiểm thế giới trong các thế kỷ qua. Từ xưa đến nay, ai cũng đồng ý rằng Bartolomeu Dias là người tìm ra Mũi Hảo Vọng (1488) ; Christophe Colomb là người khám phá ra Châu Mỹ (1492) ; và Ferdinand Magellan là nhân vật hàng hải đầu tiên đã du hành vòng quanh thế giới (1519). Nói tóm lại, lịch sử kinh điển đều giảng dạy rằng người Châu Âu, nhờ vào cá tính mạo hiểm của họ, đã khám phá ra những vùng đất mới.

Nhưng sự thật có thể khác hẳn. Nếu tấm bản đồ thế giới vừa đề cập trên được giới khảo cổ học kiểm chứng thì người Trung Hoa mới là dân tộc đầu tiên khám phá ra những vùng tân thế giới. Theo tờ *The Economist* thì tấm bản đồ này đã được một luật gia mua lại từ một cửa hàng bán đồ cổ tại Thượng Hải. Căn cứ vào những ghi chú của tác giả bản đồ thì nó đã được phác họa dựa vào một nguyên bản được hoàn tất vào năm 1418 (triều đại nhà Minh). Tác giả cũng đã chú thích rất kỹ càng về những phần sao chép lại từ bản đồ năm 1418 và những phần mà tác giả đã bổ túc thêm vào năm 1763.

Song song với sự xuất hiện của tấm bản đồ trên, một số tài liệu đã được công bố để chứng minh rằng dưới triều đại vua Vĩnh Lạc (tức Chu Đệ), Trung Hoa đã tung ra nhiều cuộc thám hiểm hàng hải khá quy mô : trong khoảng thời gian từ năm 1405 đến năm 1433, Mã Tam Bảo Thái giám Trịnh Hòa (Zheng He), một hoạn quan theo đạo Hồi, đã thực hiện bảy chuyến du hành bằng đường biển và cập bến thám dò hơn 30 quốc gia thuộc Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. Gần đây hơn nữa, trong một tác phẩm mang tựa đề "1421 The Year China Discover The World", cựu sĩ quan hải quân Vương quốc Anh, ông Menzies, cũng đưa ra giả thuyết cho rằng hạm đội của Đô đốc Trịnh Hòa cũng đã đi đến tận Châu Mỹ và đã khám phá ra lục địa này trước Christophe Colomb.

Trong năm 2005 vừa qua, chính quyền Bắc Kinh cũng đã đưa ra một chương trình lễ hội để mừng bừng đánh dấu 600 năm cuộc hải trình thám hiểm của hạm đội Minh Triều. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đã gửi nhiều đoàn khảo cổ học đến các quốc gia mà hạm đội của Đô đốc Trịnh Hòa đã ghé qua với mục đích tìm tòi những dấu vết của cuộc thám hiểm nói trên. Những đoàn văn công cũng được gửi đi khắp nơi để trình diễn những màn múa hát đánh dấu sự kiện này. Ngay tại Tân Gia Ba, nơi mà hạm đội của Trịnh Hòa chưa bao giờ đặt chân đến (nhưng cũng là nơi có đông



Bản đồ thế giới do Trịnh Hòa vẽ năm 1418

Hoa kiều nhất) đã có nhiều cuộc triển lãm về Trịnh Hòa và sức mạnh của hải quân Trung Hoa vào thế kỷ thứ 15.

Đối với Bắc Kinh, đây là một cơ hội ngàn năm một thuở để phô trương rằng Trung Quốc, với sự phát triển làm choáng ngợp thế giới, sẽ không là một mối nguy cơ cho nhân loại. Theo những lời tuyên bố từ chính quyền Bắc Kinh thì vào thế kỷ thứ 15, triều đại nhà Minh đã đạt đến đỉnh cao của kỹ thuật và văn minh. Tuy đã trở thành một cường quốc

và đã khám phá rất nhiều vùng đất mới, nhưng Trung Hoa chưa bao giờ có tham vọng xâm lấn, chiếm đóng hay đô hộ một quốc gia nào. Ôn cố tri tân, Bắc Kinh kết luận rằng sự phát triển vượt bậc của quốc gia họ ngày hôm nay cũng sẽ diễn ra trong tinh thần hòa bình và hữu nghị. Nói một cách khác, cường quốc Trung Hoa dứt khoát không phải là một đe dọa cho thế giới.

Cần minh định ngay rằng không có gì bảo đảm là hạm đội của Minh triều đã đi đến châu Âu hay châu Mỹ và cũng không có gì bảo đảm là những cuộc thám hiểm của Đô đốc Trịnh Hòa đã diễn ra trong êm thắm. Nhiệm vụ của hạm đội này là thám hiểm các đại dương và làm cho thiên hạ nể sợ "oai trỗi" và chấp nhận triều cống nhà Minh. Trong ngày khánh thành Cấm Cung (năm 1421), Trịnh Hòa đã đưa về Bắc Kinh vua chúa và sứ thần từ các nước Á châu, Ả rập, Phi Châu để vào chầu Hoàng đế Vĩnh Lạc. Sự việc này chứng tỏ rằng nhà Minh đã chủ trương áp đặt hệ thống triều cống lên những quốc gia mà họ đã đặt chân đến.

Theo học giả Claude Larre thì hạm đội của Trịnh Hòa cũng đã có nhiều cuộc chạm trán với một vài quốc gia đã dám chống lại sự bành trướng của nhà Minh. Tích Lan và Sumatra đã bị hạm đội của Trịnh Hòa trừng phạt vì hai vương quốc này từ khước không chịu nộp vàng bạc cho đại diện của Thiên tử.

Song song với sứ mạng xây dựng hệ thống triều cống, Hoàng đế Vĩnh Lạc cũng đã gửi Đô đốc Trịnh Hòa đi chu du thám hiểm với mục đích truyền bá văn hóa lễ nghi của Thiên triều và nhất là áp đặt hệ thống giá trị văn hóa Trung Hoa. Đối với người Việt Nam, những cuộc hải du của Trịnh Hòa đã xảy ra cùng lúc với sự chiếm đóng, đồng hóa và vơ vét tài nguyên cùng tài lực.

Cựu sĩ quan Menzies cũng đã nhìn nhận rằng chính sách khai thác gỗ lim, mỏ vàng cùng mỏ bạc tại Việt Nam đã làm kiệt quệ đất nước này và dẫn đến những cuộc nổi dậy, điển hình là cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi vào năm 1418. Ngoài ra, khi Trịnh Hòa giảng buồm thám hiểm bốn bề thì Minh triều cũng đã chủ trương một cuộc chiến tranh với Mông Cổ để bành trướng thế lực của Trung Hoa.

Nói tóm lại, có nhiều dữ kiện cho thấy rằng sự thật không hẳn đã diễn ra như chính quyền Bắc Kinh đang cố gắng tuyên truyền. Trung Hoa đã trở thành một đế quốc xâm lược dưới triều đại vua Vĩnh Lạc. Và cho dù cuộc hải du thám hiểm trên có diễn ra trong tinh thần hòa bình đi nữa, không lấy gì bảo đảm rằng sự phát triển của Trung Quốc ngày nay sẽ diễn ra tương tự như vậy.

Có rất nhiều lý do khiến mọi người phải bận tâm vì sự phát triển của Trung Hoa Lục Địa. Tây Âu đã tỏ ra lo âu vì hàng hóa "made in China" đang tràn ngập thị trường, gây sức ép vào nền kinh tế thế giới. Hoa Thịnh Đốn cũng nhiều lần to tiếng phàn nàn Bắc Kinh vì cho rằng tỷ lệ hối đoái thấp của nhân dân tệ đã tạo điều kiện thuận lợi cho xuất cảng Trung Quốc.

Cũng cần nhấn mạnh rằng số lợi tức thu được nhờ vào xuất cảng đang được Bắc Kinh tái đầu tư vào trái phiếu mà chính phủ Liên Bang thường bán ra để tài trợ nạn thiếu hụt ngân sách. Nếu tình trạng này tiếp tục thì mối lo ngại lớn là Trung Hoa sẽ có khả năng thao túng guồng máy thị trường tiền tệ Hoa Kỳ, và qua đó, hệ thống thị trường tiền tệ quốc tế. Ngoài ra, giới chức trách Trung Quốc cũng đang tả xung hữu đột tối tân hóa quân đội. Hành động này cũng gây thêm căng thẳng cho tình hình an ninh khu vực.

Tuy nhiên những lo âu vừa đề cập trên chưa hẳn là chính đáng. Những thành tựu kinh tế của Trung Quốc là điều đáng mừng vì một phần không nhỏ của nhân loại được sung túc hơn. Hàng hóa Trung hoa tràn ngập thị trường chứng minh rằng một quốc gia thuộc đệ tam thế giới có thể nhanh chóng thích nghi với những tiêu chuẩn mà quốc tế đòi hỏi. Giá rẻ của hàng Trung Quốc đã góp phần kìm hãm tệ nạn lạm phát trên thế giới và việc Bắc Kinh tích cực mua trái phiếu Hoa Kỳ đã phần nào tài trợ nhu cầu tiêu thụ của Hiệp Chủng Quốc, một trong những động cơ của tăng trưởng quốc tế. Với những quân trang và quân bị hiện nay, quân lực Trung Quốc không đủ hay, nói đúng hơn, chưa đủ khả năng gây chiến và chiếm đóng lâu dài một quốc gia nào trong vùng.

Thực ra cốt lõi của những lo ngại hiện nay là chính sách phát triển vô thể thống của Trung Hoa Lục Địa. Có thể nói mà không sợ sai lầm là chính sách này đã được đem ra áp dụng bất chấp môi sinh, nhân sinh và nền tảng của bang giao quốc tế.

Môi trường đã bị tàn phá một cách khủng khiếp trong những thập niên vừa qua. Trung Quốc đang và sẽ thiếu nước một cách trầm trọng, sa mạc đang tiến dần xuống phía Nam (tại Bắc Kinh đã có những trận bão cát lớn). Ngoài ra, hiện tượng hầu hết những loại bệnh dịch đã phát sinh từ Trung Quốc là một bằng chứng cho thấy hậu quả

của chính sách phát triển vô trách nhiệm của nhà cầm quyền Bắc Kinh. Những nạn dịch này có cơ lan rộng ra các nước lân cận và sẽ là một tai họa lớn cho nhân loại.

Trên phương diện nhân sinh, chính sách phát triển của Trung Quốc đã đào sâu thêm khoảng cách giàu nghèo. Bất công dân đến uất ức và phân nộ đang lan rộng khắp nơi. Đã có nhiều cuộc xuống đường bạo động. Chính vì vậy, để có thể tiếp tục làm chủ tình hình, chính giới Trung Hoa có thể sẽ cố tình gây hấn với một vài quốc gia lân bang để gián tiếp hàn gắn mối liên đới trong nước. Những cuộc tập trận biểu dương lực lượng tại eo biển Đài Loan, việc kích động người dân xuống đường chống phá các cơ sở công hoặc tư của Nhật tại Trung Quốc cho thấy rõ ràng Bắc Kinh sẽ không ngần ngại sử dụng kế sách này để có được những giải pháp chấp vá cho các vấn đề nội bộ.

Cuối cùng, với tỷ lệ tăng trưởng trung bình là 9,5%/năm, Trung Hoa đang trở thành trung tâm tiêu thụ năng lượng khổng lồ. Để đáp ứng cho nhu cầu này, chính quyền Bắc Kinh đã không ngần ngại tăng cường quan hệ ngoại giao với những "quốc gia côn đồ" đang bị cộng đồng thế giới lên án hoặc tẩy chay. Đối với các quốc gia này, Bắc Kinh đang áp dụng chính sách trao đổi vũ khí hay lương thực để thâu mua dầu thô. Điều làm cho nhiều quốc gia lo sợ là việc Trung

Hoa Lục Địa bị tình nghi cung cấp kỹ thuật chế tạo vũ khí nguyên tử cho Ba Tư để được mua dầu hỏa. Đó là chưa nói đến cử chỉ ve vãn đối với Bình Nhưỡng để có thể kiểm soát nguồn năng lượng Bắc Triều Tiên.

Tóm lại, chính sách phát triển rùng rợn của những kẻ đương quyền tại Trung Quốc mới là mối đe dọa lớn nhất và chính đáng nhất cho các quốc gia Châu Á nói riêng và của thế giới nói chung.

Gây dựng lại hình ảnh ôn hòa của một thái giám và của những cuộc hải du thám hiểm vào thế kỷ thứ 15 sẽ không giúp cho Trung Quốc tranh thủ được niềm tin của thế giới : lá bùa hộ mạng Trịnh Hòa đã mất đi hiệu nghiệm ngay từ khi được đem ra đeo vào thân thể bệnh hoạn của Trung Quốc.

Nhưng những cuộc hải du thám hiểm của Thái giám Trịnh Hòa đã để lại gì cho hậu thế ? Có ít nhất ba bài học cần được rút tóm :

Một là, với địa vị của một cường quốc, nhà Minh có đầy đủ phương tiện kỹ thuật để phát triển, nhất là về thương mại, và trở thành phú cường, nhưng cơ hội này đã bị bỏ lỡ. Thật vậy, khi chuyến hành trình thứ sáu của Trịnh Hòa vừa kết thúc, nội bộ của triều đình nhà Minh đã hoàn toàn thay đổi. Tinh thần mạo hiểm và thái độ cởi mở không còn được đề cao nữa. Ngược lại, nhà Minh đã đưa Trung Hoa về lại



Thái giám Trịnh Hòa (1371-1435)



Bản đồ Đông Á thế kỷ 15

chính sách bế quan tỏa cảng. Mọi giao thương hay liên lạc với nước ngoài đều bị đình chỉ và cấm ngặt. Thời điểm này đánh dấu sự thăng thế của Khổng giáo trong giới chức phẩm của triều đình nhà Minh : *Văn hóa nho giáo đã quyết định vận mệnh và sự phát triển của Trung Hoa.*

Hai là, để giải thích cho chính sách đóng cửa, giới nho đã lên án những cuộc thám hiểm là vô dụng và làm hao mòn ngân khố. Trong thời gian từ 1421 đến 1425 xã hội Trung Hoa lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Gần như mọi khố khăn đều được trút lên đầu của Thái giám Trịnh Hòa và những cuộc thám hiểm mà ông chủ trương.

Ba là, xã hội Trung Hoa đang đứng trước một hoàn cảnh rất mới, đòi hỏi một phương cách tổ chức kinh tế, xã hội hoàn toàn mới. Thực vậy, khi đã mở cửa, triều đình không thể tiếp tục độc quyền giao thương với nước ngoài và nghiêm cấm tư nhân buôn bán. Nhà nước không thể tiếp tục đòi hỏi nâng cao phẩm chất của hàng hóa được đưa ra thế giới khi sáng kiến cá nhân bị gò bó trong những công xưởng của triều đình : chính sách kinh tế ngoại thương theo định hướng phong kiến không thể tồn tại mà không gây tác hại cho nền kinh tế. Khủng hoảng là hậu quả của những mâu thuẫn của chính sách "đầu Ngô mình Sở" của vua quan nhà Minh. Cuối cùng, cuộc hải du thám hiểm của Đô đốc Trịnh Hòa cũng chứng minh rằng *đa nguyên và tản quyền, mặc dù không được chủ trương và mặc dù chỉ ở một trạng thái thô thiển, cũng đã góp phần tích cực cho phát triển.*

Nếu so sánh Trịnh Hòa với các nhà hàng hải Châu Âu thời đó thì cần nhìn nhận rằng Thái giám nhà Minh hoàn toàn lệ thuộc vào một người : Hoàng đế Vĩnh Lạc. Vua cho phép thì tha hồ thi thoái, vua đổi ý thì đành cam phận. Trái lại, khi đề nghị hải du Ấn Độ của Christophe Colomb không được vua Bồ Đào Nha (Jean II) tán thành, ông đã mang dự án trình lên vua Ferdinand d'Aragon và đã được Tây Ban Nha tài trợ. Rất nhiều nhân vật hàng hải Châu Âu cũng đã hành xử như Christophe Colomb : Nếu dự án của họ không được một quốc gia ngó ngàng đến, họ sẵn sàng mang đi trình bày nơi khác để được áp dụng.

Hiện tượng đa nguyên và phân tán quyền lực tại Âu Châu vào thế kỷ 15 và 16 đã giúp rất nhiều nhà thám hiểm có cơ hội hoàn tất được những dự án của họ. Nhờ vào đó, khối Châu Âu đã phát triển vượt bậc và trở thành bá chủ hoàn cầu. Ngược lại cơ chế tập quyền và độc đoán đã kèm hâm Trung Hoa trong vòng lẩn quẩn của thấp kém, dù họ đã có khả năng tổ chức những cuộc thám hiểm rất ngoạn mục trước người Châu Âu.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

## Đùa với đại hội 10 về Bắc Hồ

LTS : Ông Hồ Chí Minh được Đảng Cộng Sản Việt Nam tôn thờ như một cha già dân tộc khổ hạnh, không vợ con, chỉ biết sống vì đất nước và dân tộc. Bài sau đây có mọi triển vọng là một bài đùa với đại hội 10 của đảng cộng sản, dù nó dựa trên những dữ kiện rất đúng với sự thật. Chúng tôi đăng như một bài châm biếm. Không có Hội Khoa Học Lịch Sử miền Bắc.

Đóng góp với tác giả Lê Văn Lan : theo chính lời thuật của cô Nông Thị Xuân thì trong cùng thời gian cô phục vụ nhu cầu tình dục cho ông Hồ Chí Minh và có thai anh Trung, cô vẫn thường xuyên bị Trần Quốc Hoàn hâm hiếp. Như vậy có xác suất 50% anh Trung là con của Trần Quốc Hoàn. Chỉ có thử nghiệm ADN mới có thể xác định người cha sinh lý của anh Trung là ai.

Kính gửi : Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quốc hội Việt Nam và toàn thể nhân dân

Ngày 10-9-2005 tôi đã nhận được giấy mời (kèm theo những dự thảo văn kiện) tham dự Hội nghị đóng góp ý kiến cho những vấn kiện lịch sử tại Đại hội X của Đảng cộng sản Việt Nam. Là người trực tiếp nghiên cứu đề tài Lịch sử cận đại Việt Nam. Tôi xin phép được trình bày những ý kiến ngắn gọn và chủ chốt như sau :

1. Công bố toàn bộ bản di chúc gốc của chủ tịch Hồ Chí Minh trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2. Công nhận chính thức anh Nguyễn Tất Trung hiện đang sống và làm việc tại Hà Nội là con trai duy nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh khi người là chủ tịch nước (nhân chứng là gia đình ông Vũ Kỳ, thư ký riêng của Hồ Chủ Tịch trong những năm cuối đời).
3. Đề nghị đồng chí Nông Đức Mạnh trả lời rõ ràng trước báo chí thế giới và trong nước về vấn đề nghi vấn đồng chí Nông Đức Mạnh là con của chủ tịch Hồ Chí Minh là hoàn toàn không có cơ sở lịch sử cũng như sinh học (có thể kiểm chứng ADN).
4. Đề nghị làm rõ sự liên quan của bộ trưởng bộ nội vụ Trần Quốc Hoàn trong vụ án hiếp dâm và tai nạn xe (còn rất nhiều bí ẩn) tại Hà Nội mà người bị nạn là bà Nông (Nguyễn) Thị Xuân, người Nùng, thân mẫu của anh Nguyễn Tất Trung. Nhân chứng là :

- Ông Nguyễn Minh Cẩn - cựu Phó chủ tịch ủy ban hành chính thành phố Hà Nội.

- Ông Lê Giản - bộ trưởng nội vụ đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

- Ông Lê Quốc Thân, hồi đó là giám đốc sở công an Hà Nội, về sau là thứ trưởng bộ công an.

- Ông Trần Danh Tuyên - cựu bí thư thành ủy kiêm phó chủ tịch ủy ban hành chính thành phố.

Tôi biết rằng những ý kiến đóng góp của tôi có thể gây sốc cho nhân dân. Nhưng khi đăng đã tin mà hỏi thì chẳng có lẽ gì mà không đặt vấn đề một cách thật tâm. Với một người mang nợ viết, nghiên cứu lịch sử thì khổ tâm nhất là không được nói thật và lừa dối nhân dân lao động, tôi mong rằng bức thư này sẽ đến tay nhân dân bằng mọi hình thức trước khi mọi việc được công bố để giám sát. Nếu có thể đề nghị anh Nguyễn Như Phong đăng lên báo An Ninh Thế Giới, tuy không phải là một tờ báo về chuyên ngành lịch sử nhưng có số độc giả là người Việt cao nhất trong nước cũng như người Việt sinh sống và làm ăn ở nước ngoài.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2005

Lê Văn Lan

Chủ tịch Hội Khoa Học Lịch Sử miền Bắc

1306 - 2006 :

## 700 năm cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân công chúa

*Nguyễn Dominique*

Vì tuổi già sức yếu trong cuộc chiến chống Mông Cổ, vua Indravarman V thoái vị vào cuối thế kỷ 13, nhường ngôi lại cho con là Jaya Sinhavarman III, mà người Việt gọi là Chế Mân.

Chữ "Chế" phiên âm từ chữ phạt Cri (vua), còn chữ "Mân" là phiên âm sau cùng của chữ Sinhavarman.

Khi còn là hoàng tử, Chế Mân tên Harijit, con của hoàng hậu Gaurendrakmi. Chế Mân là một bậc anh tài lối lạc, từng theo cha đánh giặc chống quân xăm lăng Mông Cổ. Trong suốt thời gian trị vì, Chế Mân đã xây dựng nhiều đền đài tráng lệ, như tháp Po Klaun Garay trên đồi Chek Hala (tức Đồi Cây Trầu ở Phan Rang), và đem lại sự thịnh vượng cho nhân dân Champa.

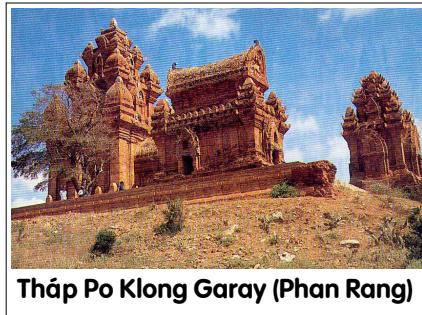
Nhà vua chú trọng rất nhiều đến lãnh vực ngoại giao. Vương quốc Champa giao thiệp thân mật với các vương quốc Lào và Chân Lạp. Ngoài ra hai vương quốc Champa và Java (Nam Dương) còn nối kết tinh thân khá chặt chẽ qua sự kết duyên giữa công chúa Tapasi của Java và Chế Mân. Nhưng đối với kẻ xâm lăng, như quân Mông Cổ, Chế Mân chiến đấu tới cùng cho tới khi đuổi được quân ngoại xâm ra khỏi lãnh thổ mới thôi ; đối với những kẻ mạnh hơn nhà vua không bao giờ chịu phục tùng.

Còn Đại Việt, sau khi giành lại quyền độc lập vào thế kỷ thứ 10, liền thực hiện chính sách đưa người Việt tiến dần về phía Nam tìm thêm đất mới. Cuộc Nam Tiến này đã biến các quốc gia láng giềng thành những chư hầu mà vương quốc Champa là nạn nhân đầu tiên. Xung đột biên giới ở phía Bắc là một trong những vấn đề rất khó giải quyết trong suốt quá trình hình thành của vương quốc Champa. Chính vì thế ngay khi vừa lên ngôi, Chế Mân liền chấm dứt bang giao với Đại Việt, một vương quốc thường gay chiến với Champa thời đó.

Phải chờ đến năm 1293, nhân dịp lễ đăng quang của vua Trần Anh Tôn (sau khi vua cha là Trần Nhân Tôn thoái vị), Chế Mân đã gửi một phái đoàn sang Đại Việt tham dự, quan hệ giữa hai nước mới thân thiện trở lại.

### Chế Mân dâng châu Ô và Lý làm lễ cầu hôn

Tháng 3 năm Tân Sửu (1301), vua Trần Anh Tôn du lâm về phương Nam và có ghé thăm Champa. Sau chuyến viếng thăm này, vua Champa đã gửi một phái đoàn đến thủ đô Thăng Long (lần thứ hai) để thắt chặt bang giao giữa hai nước. Nhân dịp này, cựu hoàng Trần Nhân Tôn xin theo phái đoàn sứ giả để viếng thăm Champa. Cho tới nay không có tài liệu lịch sử nào cho biết mục đích của cuộc viếng thăm này là gì. Sau khi ở lại Champa khoảng 9 tháng, trước khi về lại Thăng Long, cựu hoàng Trần Nhân



Tháp Po Klong Garay (Phan Rang)

Tôn có hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Champa là Chế Mân (có lẽ là để tạ ơn và thắt chặt quan hệ hữu nghị giữa hai vương quốc).

Tuy nhiên khi hay tin vua Champa muốn kết duyên với một công chúa Đại Việt, một phong trào phản đối mãnh liệt đã xảy ra trong triều đình Champa, nhưng nhà vua vẫn cương quyết tiếp tục thương lượng với triều đình Đại Việt thủ tục cưới hỏi. Các cuộc thương lượng kéo dài đến đầu năm 1305 và chỉ chấm dứt vào tháng 6 năm Bính Ngọ (1306) khi Chế Mân quyết định dâng châu Ô và châu Lý (từ Quảng Trị đến đèo Lao Bảo phía Nam Huế) cho Đại Việt để làm quà cưới công chúa Huyền Trân, mặc dù chưa bao giờ thấy mặt.

### Văn nhân Việt châm biếm cuộc hôn nhân

Sự chống đối tại Đại Việt cũng không thua gì. Dư luận trong nước trách cứ vua Trần Anh Tôn không nghĩ gì đến danh dự của vương quyền khi gả em gái mình cho vua Champa để đổi châu Ô và châu Lý. Đối với người Việt thời đó, Champa vẫn là vương quốc của những nhóm người «Man» (Mọi, Hồi), nghĩa là chưa biết tới đạo lý Thánh Hiền (Khổng Giáo).

Không biết sắc đẹp của công chúa Huyền Trân như thế nào, nhưng một số rất đông thi sĩ Việt đã không tiếc lời châm biếm cuộc hôn nhân dị chủng vì đổi chác chính trị :

"Tiếc thay cây quế Châu Thường  
Để cho người Mọi người Mường nó leo..."  
"Con vua lấy thẳng bán than  
Nó đưa lên ngàn cũng phải đi theo..."

hay :  
"Đổi chác khôn ngoan khéo nực cười  
Vốn dĩ không mất lại thêm lời  
Hai châu Ô, Lý vuông nghìn dặm  
Một gái Huyền Trân của mấy mươi  
Lòng đỗ khen ai lo việc nước  
Môi son phải giống mãi trên đời  
Châu đi rồi lại châu về đó  
Ngơ ngẩn trông nhau mấy chú Hời".  
(Thái Xuyên, Vịnh Huyền Trân công chúa)

### Đưa Huyền Trân về lại cố quốc

Năm 1306, một phái đoàn hùng hậu của triều đình Champa ra đón công chúa Huyền Trân về Vijaya (Đồ Bàn, Bình Định), tại đây Huyền Trân được tôn là hoàng hậu Paramesvari, vợ thứ ba của Chế Mân. Nhà Trần tiếp thu lãnh thổ hai châu Ô và Lý và đổi tên thành Thuận Châu và Hóa Châu rồi giao cho Đoàn Nhữ Hài cai quản.

Đối với người Champa, đây là một cái nhục. Dân chúng Champa tại hai châu Ô và Lý đã nỗi lên chống lại sự có mặt của quân triều đình Đại Việt trên lãnh thổ của họ.

Tình hình tại kinh đô Vijaya cũng không khá gì hơn, các quần thần cực lực phản đối sự hiện diện của một công chúa Việt trong cung đình. Sự phản đối của họ không mang tính kỳ thị chủng tộc mà là chính trị : vương quốc Champa đã bị Đại Việt chiếm quá nhiều đất (năm 1069, Đại Việt đã chiếm ba châu địa đầu phía Bắc là Dia Lý, Ma Linh và Bố Chính), nay lại mất thêm đất nữa. Từ đó quan hệ giữa hai nước trở nên gay go, nếu không muốn nói là thù địch.

Đối với vua Trần Anh Tôn, việc gả em gái của mình là Huyền Trân cho Chế Mân là chuyện bất đắc dĩ, vì muốn giữ lời hứa của Thượng Hoàng mà thôi. Chính vì thế cuộc thương lượng về thủ tục cưới gả đã kéo dài suốt 5 năm mới thành (từ 1302 đến 1306). Đoàn Nhữ Hài là một trong những sứ giả đã có thái độ bất kính đối với Chế Mân, khi trình quốc thư ông đã đặt nó trước mặt vua Champa để lạy, ý nói rằng ông lạy vua Đại Việt chứ không phải vua Champa.

Sau khi Chế Mân chết, "vua Trần Anh Tôn sợ Huyền Trân sẽ hỏa táng theo chồng. Nhà vua bèn sai Trần Khắc Chung và Đặng Văn sang Chiêm Thành để bày mưu cứu công chúa về. Khi thuyền công chúa ra đến giữa bể, Trần Khắc Chung đem một chiếc thuyền nhẹ cướp công chúa về, rồi cùng công chúa tư thông, quanh quất trên bể, đi hơn một năm mới về kinh sư" (Thái Văn Kiểm, *Đất Việt Trời Nam*).

Trong khi đó sử liệu Champa lại ghi rằng : "Từ khi có sự hiện diện của Huyền Trân trong cung thành, vấn đề nội bộ Champa càng đi sâu vào khủng hoảng, để rồi người ta cho biết Chế Mân từ trần vào năm 1307. Cái chết này xảy ra trong một hoàn cảnh khá đặc biệt, người ta không biết nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của Chế Mân".

Theo tin từ triều đình Đại Việt, Chế Mân chết vì tuổi già. Lập luận này có đúng hay không ? Dư luận Champa đã rất xôn xao : nếu không phải chết vì tuổi già, thì cái chết của nhà vua có liên hệ gì với cô công chúa Việt trong cung đình thời đó ? Có nên đặt ra nghi vấn là Huyền Trân có dính dáng đến cái chết của nhà vua hay không hay bà có nhận công tác nào không từ Thăng Long ?

Biết rằng không có gì rõ rệt cho lắm để kết luận về biến cố này. Tuy nhiên, nếu Huyền Trân không dính dáng gì đến cái chết của Chế Mân, tại sao triều đình Việt Nam phải ra lệnh cho Trần Khắc Chung đến Champa tìm cách đưa bà chạy trốn ? Tài liệu phía Việt Nam lập luận rằng, vì sợ Huyền Trân bị bắt đưa lên dàn hỏa thiêu để cùng hỏa táng với Chế Mân.

Đây đúng là một chuyện khôi hài, bất chấp phong tục tập quán của người Champa thời đó. Theo truyền thống của hoàng gia Champa, chỉ có người vợ Cả mới có quyền lên dàn hỏa thiêu này. Lúc đó là hoàng hậu Tapasi gốc Java. Chết theo chồng là một vinh dự lớn lao dành cho hoàng hậu Champa, những người vợ sau không có vinh dự này. Hơn nữa, theo phong tục của người Champa thời đó, xác người quá cố phải đưa lên dàn hỏa táng tối đa là 7 ngày sau khi chết, vì không có điều kiện bảo quản xác người quá cố trong một xứ nhiệt đới.

Thêm vào đó việc thông tin từ Vijaya đến Thăng Long nhanh nhất là ba ngày và thêm ba ngày từ Thăng Long đến Vijaya, đó là chưa kể những ngày chuẩn bị. Nếu đúng theo phong tục của người Champa thì hoàng hậu Paramesvari đã bị thiêu trước khi phái đoàn từ Đại Việt đến tiếp cứu.

Thật ra trong vụ này triều đình Chiêm Thành đã quyết định trả Huyền Trân về lại cho nhà Trần để đòi lại hai châu Ô và Rí, nên đã tiếp đón phái đoàn Trần Khắc Chung một cách ân cần và còn cấp hơn 300 thủy binh hộ tống về nước. Sự từ khước kết nghĩa sui gia này có một ý nghĩa đặc biệt, nó thể hiện sự từ chối hợp tác giữa hai nền văn minh và văn hóa khác nhau, một bên là văn minh văn hóa Khổng Mạnh và một bên là văn minh văn hóa Ấn Độ. Cả hai vương triều gần như chấp nhận sự khác biệt đó và không muốn có một sự hòa hợp nào.

Còn chuyện hỏa thiêu có lẽ đã do Trần Khắc Chung thuê dệt ra để được Trần Anh Tôn cử sang Chiêm Thành đón Huyền Trân về nước. Sau khi gặp lại người yêu, thay vì cảng buồm về Bắc ông đã dẫn Huyền Trân ra một hoang đảo tư thông với nhau trong suốt một năm liền, đến mùa thu năm 1308 mới lên thuyền về lại Thăng Long. Đoàn thủy binh Champa lúc đó mới được giao trả cho Chiêm Thành để báo cáo sự việc.

Trở lại vấn đề dâng dất. Đây không phải là lần đầu tiên trong lịch sử nước Việt triều đình kết nghĩa sui gia để nối rộng lãnh thổ. Trong thế kỷ thứ 17, vua Lê Thần Tôn cũng gả một công chúa cho vua Lào là Suliya Vongsa, cũng như Chúa Sài đã gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II và công chúa Ngọc Hoa cho vua Champa là Po Rome. Xét cho cùng, việc gả các công chúa Việt cho vua chúa các nước lân bang có lẽ nằm trong chính sách mở mang bờ cõi của các triều đình Việt.

Cái chết của Chế Mân năm 1307 để lại một bầu trời huyền bí. Mất hai châu Ô và Lý là một biến cố đớn đau cho toàn dân Champa. Quần thần Champa trách vua Chế Mân đã vì sắc đẹp mà dâng đất hai châu Ô và Lý cho người Việt. Đây là vùng đất chiến lược quan trọng để bảo vệ lãnh thổ trung tâm là Vijaya, vì từ sau ngày đó sự hiện diện của người Việt trên hai lãnh thổ này đe dọa trực tiếp sự sống còn của vương quốc Champa. Năm 1471 quân Đại Việt tiến chiếm Vijaya (Bình Định), rồi thôn tín luôn toàn bộ lãnh thổ Champa : 1611 chiếm Phú Yên, 1653 chiếm Nha Trang, 1832 chiếm Phan Rang và Phan Rí.

700 năm đã trôi qua, cuộc tình Chế Mân và Huyền Trân công chúa vẫn để lại nhiều câu hỏi lớn. Chế Mân đã vì tình mà quên quyền lợi đất nước ? Huyền Trân có thực sự yêu thương Chế Mân hay chỉ vì quyền lợi nhà Trần mà hy sinh mối tình của mình với Trần Khắc Chung ?

Nhắc đến cuộc tình này không phải để lên án Chế Mân đã lập gia đình với người Việt hay nhà Trần đã lợi dụng công chúa Huyền Trân cho những ý đồ bành trướng. Đối với những người còn quan tâm đến đất nước, sự kiện này cho thấy tổ tiên của người Việt và người Champa đều quan tâm đến lãnh thổ và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ lãnh thổ. Điều này không có ở Đảng Cộng Sản Việt Nam.

**Dominique Nguyễn** (Paris)

# 1. Thời đại Hùng - Thục - Trưng

của

Văn hóa Đông Sơn, văn minh sông Hồng

Lê Văn Hảo

Chúng ta đã vượt không gian đi từ Lũng Cú tới Cà Mau, từ Trường Sơn tới Biển Đông để thăm thú hơn mươi đại vùng và vùng văn hóa của dân tộc (xem Thông Luận từ số 188/2005 tới số 200/2006).

Bây giờ hãy vượt thời gian đi từ thuở các vua Hùng, vua Thục, vua Trưng tới ngày nay để :

## Thứ điểm lại các thời đại và thời kỳ của lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam.

Sau đây là một giả thuyết làm việc để tiếp tục tìm hiểu các vấn đề phân vùng, phân kỳ và định danh (đặt tên) trong nghiên cứu văn hóa văn minh.

Lịch sử nền văn hóa văn minh Việt Nam trải qua bốn thời đại lớn, dài ngắn khác nhau.

### 1. Thời cổ đại gồm :

- Thời đại Hùng-Thục-Trưng, hay thời đại văn hóa Đông Sơn, văn minh sông Hồng, văn minh Việt cổ (khoảng từ thế kỷ 7 trước CN tới thế kỷ 1 sau CN),
- và thời kỳ giao lưu tiếp biến văn hóa Việt-Án, Việt-Hoa (từ sau Hai Bà Trưng tới trước Ngô Quyền : 43-938).

### 2. Thời trung-cận đại hay thời đại Đại Cồ Việt - Đại Việt - Việt Nam - Đại Nam (938-1885) gồm :

- Thời Ngô-Đinh-tiền Lê là thời kỳ văn hóa Hoa Lư (từ Ngô Quyền đến hết nhà Đinh) ;
- Thời Lý-Trần-Lê sơ là thời kỳ phục hưng văn hóa dân tộc đầu tiên, thời kỳ bắt đầu hưng khởi của văn hóa Thăng Long (thế kỷ 10-thế kỷ 15) ;
- Thời Mạc-Trịnh- là thời kỳ phục hưng văn hóa dân gian và cũng là thời kỳ thịnh đạt của văn hóa Thăng Long ở Đàng Ngoài (đầu thế kỷ 16-cuối thế kỷ 18) ;
- Thời các chúa Nguyễn là thời kỳ bắt đầu hưng khởi của văn hóa Phú Xuân ở Đàng Trong (1558-1788) ;
- Thời Tây Sơn-Nguyễn là thời kỳ thịnh đạt của văn hóa Phú Xuân trên toàn lãnh thổ đất nước (1789-1885).

### 3. Thời cận-hiện đại là thời kỳ giao lưu tiếp biến mạnh mẽ văn hóa Việt Nam-văn



Tượng người Việt cổ  
quì dâng đèn

hóa phương Tây (1885-1975)

**4. Thời hiện đại - hiện kim** là thời kỳ thống nhất lại đất nước, hiện đại hóa văn hóa dân tộc, giao lưu tiếp biến văn hóa thế giới, kèm theo cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ cho tự do dân chủ (từ 1976 tới nay)

\*\*\*

### I. Thời đại Hùng-Thục-Trưng hay thời đại văn hóa Đông Sơn, văn minh Việt cổ

Thời đại đầu tiên này của lịch sử văn hóa văn minh dân tộc còn để lại nhiều vết tích, di tích trên nửa phía Bắc đất nước ta, từ biên giới Việt-Trung tới xứ Nghệ. Đó là những đền Hùng, đền Gióng, đền Cổ Loa, đền Cuông, đền Hai Bà Trưng : ở các nơi này nhiều lễ hội lớn đã và đang được tổ chức vào mùa Xuân để chào mừng các anh hùng dựng nước và giữ nước thời Văn Lang-Âu Lạc.

Theo truyền thuyết, 18 vua Hùng là con cháu của vua Rồng xứ Lạc và nàng Tiên xứ Âu. Tiên và Rồng kết hôn với nhau, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm con trai, tổ tiên xa xôi của người Việt : từ đó người Việt thân ái gọi nhau là đồng bào (cùng một bọc).

Về sau, mẹ Âu chia tay cha Rồng, 50 người con theo mẹ lên vùng núi và trung du ; 50 người con theo cha xuống đồng bằng và vùng biển. Người con cả được tôn làm vua Hùng, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ) truyền ngôi được 18 đời đều gọi là Hùng Vương. Về sau, các nhà sử, nhà văn (trong *Đại Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái...*) sẽ đưa các vua Hùng của thời huyền thoại này vào chính sử.

Vua Thục tên Phán, hiệu An Dương Vương, ở vùng núi phía Bắc nước Văn Lang, từng xung đột với vua Hùng, cũng từng thắng quân Tần xâm lược, đã lên nối ngôi Hùng Vương và hợp nhất xứ Tây Âu với xứ Lạc Việt thành nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa. Được Rùa thần cho móng làm lẫy nỏ, bắn trăm phát trăm trúng, vua nhiều lần đánh bại Triệu Đà nhưng vua Triệu đã dùng mưu kế cho con là Trọng



Tượng hai người Việt  
cổ công nhau

Thủy cầu hôn với công chúa My Châu để ăn cắp nỏ thần, rồi tráo trở đem quân qua đánh sụp gia (179 trước Công Nguyên). Vua Thục thua chạy tới vùng Cuông (Nghệ An, nơi có nhiều chim công, thổ ngữ xứ Nghệ gọi là cuông), rồi được Rùa Vàng rước xuống Biển Đông.

Còn Trưng Trắc là một thủ lãnh dòng Lạc tướng, cùng em là Trưng Nhị, đứng lên xưng vương khởi nghĩa chống ách thống trị của quân Đông Hán, cả hai nữ anh hùng đều hy sinh trên sông Hát (năm 43), chấm dứt thời đại độc lập tự do của tổ quốc Văn Lang-Âu Lạc.

### Sự hình thành và hưng khởi của văn hóa Đông Sơn

Các vua Hùng-Thục-Trưng (thế kỷ 7 trước CN - thế kỷ 1 sau CN) đã chứng kiến sự hình thành và hưng khởi của văn hóa Đông Sơn (tên do người châu Âu đặt theo tên di tích Đông Sơn bên bờ sông Mã, Thanh Hóa), còn ta thì gọi là nền văn hóa Văn Lang-Âu Lạc, hay văn minh sông Hồng, văn minh Việt cổ.

- Cùng thời với văn hóa văn minh Hy Lạp cổ đại, văn hóa Đông Sơn là một nền văn minh xán lạn, đó là điều cần khẳng định và chứng minh.

- Nó có địa bàn rộng lớn trên phần đất phía Bắc của tổ quốc, từ biên giới Việt-Trung tới sông Gianh ;

- Các địa điểm của nó bao gồm những làng xóm (tên cổ là chạ, là kề), có ruộng vườn để trồng lúa nước và nhiều loại rau quả, có cả khu mộ địa (mộ huyệt đất, mộ vò, mộ thuyền làm bằng quan tài thân cây khoét rỗng) ;

Chủ nhân của nó có cuộc sống vật chất và tinh thần ở trình độ cao, thể hiện ở bộ đồ dùng, đồ nghề, đồ trang sức, nhạc khí, vũ khí : nào là thố, bình, thạp..., nào là dáo, dao găm (đẹp nhất là loại có cán hình người, hình động vật...), nỏ và mũi tên (trong lòng đất thành Cổ Loa đã tìm thấy hơn 10.000 mũi tên đồng), nào là cồng chiêng, chuông nhạc, lục lạc, mõ, sênh phách, khèn, trống da, trống đồng, v.v.

Đặc biệt người Việt cổ đã có những khái niệm về số học và hình học, về đối xứng (đối xứng gương, đối xứng trực, đối xứng tịnh tiến), đã biết sử dụng một loại compa và đã nắm vững nhiều nghề thủ công từ đơn giản tới phức tạp : gốm, mộc, sơn, luyện kim, chế tác kim loại. Họ đã đúc trống đồng, thạp đồng Đông Sơn nổi tiếng : các trống Ngọc Lũ, thạp Đào Thịnh... là những kiệt tác về kỹ thuật và mỹ thuật mà những kỹ sư đúc đồng lành nghề người Việt, người Nhật... ngày nay chưa tìm ra được bí quyết chế tạo. Cho nên đúc lại trống đồng Đông Sơn cũng chỉ thành công



Tượng chiến sĩ Việt cổ

khoảng 75-80% mà thôi. Điều thú vị là hiện nay một trống đồng Đông Sơn là chiếc trống Ngọc Lũ được các cụ nghệ nhân đúc đồng chế tác lại, đang được trưng bày tại tiền sảnh đường của Liên Hiệp Quốc ở New York để đại diện cho văn hóa văn minh Việt Nam.

Người Việt cổ còn văn minh ở chỗ họ đã để lại cho đời sau những hình ảnh tốt đẹp của mình qua các pho tượng, các hình chạm khắc trên trống đồng, thạp đồng... Qua những hiện vật quý hiếm ấy, tổ tiên Việt cổ mách bảo cho ta biết : họ ở nhà sàn, dựng nhà kho, làm thuyền lớn để đi trên sông biển, thích tổ chức hội mùa để vui chơi múa hát, có khi cầm theo cả vũ khí để phòng trường lực lượng. Họ chăn nuôi nhiều gia súc : gà, heo, chó, voi... Họ sống hòa thuận với chim trời, thú rừng. Họ đã có những tín ngưỡng, tôn giáo như biết chôn cất người chết, có lẽ biết thờ vật tổ, họ tổ chức bơi chải cầu mưa, cho

gái trai tự do thương yêu để tác động đến cây, mèo màng, thời tiết theo tín ngưỡng phồn thực thấy ở nhiều dân tộc khác.

### Từ bốn hội nghị khoa học về Hùng Vương tới "Hành trình về thời đại Hùng Vương"

Trong thập niên 1970 của thế kỷ trước, khói lửa của cuộc nội chiến quốc-cộng tương tàn nỗi da xáo thịt đã ngập tràn. Người Việt ta ở hai miền Nam Bắc, con cháu các vua Hùng, vua Thục, vua Trưng, vua Triệu, vì những lý do ý thức hệ đã say sưa bắn giết nhau bằng vũ khí hiện đại do nước ngoài cung cấp, thật rất đau lòng. Nhưng vào lúc ấy, tôi lại có may mắn được dự liên tiếp bốn hội nghị khoa học về thời đại Hùng Vương, được tổ chức ngay trên mảnh đất trung du, gần đền và mộ vua Hùng. Tôi cũng đã được đến thăm các di chỉ khảo cổ học nổi tiếng : Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn, Việt Khê...

Sau đó được sự khuyến khích, giúp đỡ quý báu của một số đồng nghiệp và bạn bè, những Cao Huy Đỉnh, Trần Quốc Vượng, Lê Văn Lan, Đặng Văn Lung, Nguyễn Hữu Thu... người còn健在, cũng như của các anh chị ở Sở Văn Hóa Vĩnh Phú và Viện Bảo Tàng Hùng Vương, tôi đã mạnh dạn soạn tập sách *Hành trình về thời đại Hùng Vương dựng nước* cho giới thanh niên, sinh viên, được nhà xuất bản Thanh Niên công bố (1982), rồi tái bản (2000), và mới đây lại được bạn Lại Như Bằng đưa lên website của tạp chí điện tử *Chim Việt Cảnh Nam* (<http://www.chimviet.free.fr>).

Nhờ đó tôi đã có dịp trình bày với đồng đảo bạn đọc trong và ngoài nước gần 20 đề tài tôi



Tượng phụ nữ Việt cổ (cán dao găm)

quan tâm tìm hiểu :

- Hùng Vương, từ trong mây mù huyền thoại tới hiện thực lịch sử,

- Hành hương về đất tổ trung du : đền Hùng và hội đền Hùng,

- Hùng vương đã khơi nguồn truyền thống thống nhất và văn minh cho dân tộc,

- Đi tìm dấu vết một thời đại trên những di tích khảo cổ,

- Bên bờ sông Hồng, sông Mã, chứng tích của nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ,

- Ngắm nghĩa và suy nghĩ về văn vật kỳ diệu nhất của thời đại dựng nước : trống đồng Đông Sơn,

- Thiên nhiên thời Hùng Vương,

- Thăm lại làng xưa chạ cổ cách nay mấy ngàn năm

- Cuộc sống đầm ấm của gia đình Việt cổ

- Nếp phong tục thuần phác cổ xưa,

- Hội làng, hội mùa thời Hùng Vương,

- Những nghệ sĩ tạo hình Việt cổ tài hoa,

- Thần thoại và truyền thuyết anh hùng Việt cổ,

- Tín ngưỡng và tư duy người xưa,

- Thời đại Hùng Vương đã khơi nguồn truyền thống thượng võ của dân tộc,

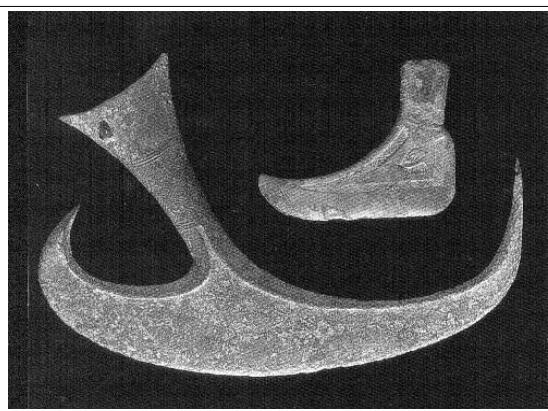
- Bản anh hùng ca dựng nước, xây thành, chống Tần, chống Triệu của vua Thục

- Hai chị em bà Trưng khởi nghĩa chống Hán, lập chiến công oanh liệt ngàn thu.

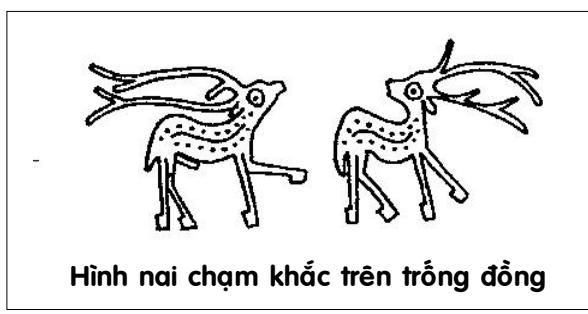
### Ngắm nghĩ về thời đại Hùng-Thục-Trưng và tinh hoa văn minh Việt cổ

Hôm nay, đối với những đồng bào và bồ bạn chưa nắm vững lịch sử văn hóa văn minh của cha ông, khởi đầu từ thời đại Hùng-Thục-Trưng mà lại hờ hững coi thường, hay đánh giá không thỏa đáng, tôi muốn đưa ra vài ngắm nghĩ:

Trong bản trưởng ca dựng nước, giữ nước, sáng tạo văn hóa văn minh của dân tộc ta, có một thời đại Văn Lang-Âu lạc lâu đời và tốt đẹp. Tinh thần mở núi phá đá, làm chủ thiên nhiên, dựng nên ruộng vườn, sáng tạo văn hóa, quyết thắng thù trong giặc ngoài của mẹ Âu và cha Rồng, của ông Gióng, ông Tản, của vua Hùng, vua Thục, vua Trưng, vua Triệu, vua Đen... vẫn luôn ngồi sáng trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước, yêu nước thương dân của người Việt Nam trước đây, hôm nay



Rìu đồng Đông Sơn



Hình nai chạm khắc trên trống đồng



Mõi đồng Đông Sơn

và mai sau.

Vì muốn trả ơn dân đền nợ nước nên người Việt luôn có ý chí giành độc lập cho nước, tự do và hạnh phúc cho dân, với mối tình gắn bó nước với nhà, làng với nước, đồng bào với nhau, cộng với đức tính cần cù, ham học, thông minh, sáng tạo, mềm mỏng nhẫn nại mà không khuất phục trước bất cứ nghịch cảnh nào : tất cả những nét đặc sắc đó của tính cách dân tộc đã xuất hiện nơi con người Việt cổ, những người làm

ruộng nước, đúc trống chống giặc

Phải nhấn mạnh rằng, trên dải đất mà ngày nay hơn 80 triệu đồng bào chúng ta đang lao động vất vả và không

ngừng đấu tranh cho dân chủ tự do để đắp xây hạnh phúc cho chính mình và cho muôn đời con cháu, đã xuất hiện trước đây nhiều ngàn năm một nền văn minh Việt cổ, còn gọi là văn minh sông Hồng ở trình độ cao, là một đóng góp đáng kể vào lịch sử văn minh nhân loại, và là niềm tự hào chính đáng của

một dân tộc văn hiến lâu đời.

Tìm hiểu sâu sắc thời đại Hùng-Thục-Trưng, các bạn sẽ thấy con người Việt cổ hăng say trong lao động sản xuất và phát huy nghị lực để chế ngự thiên nhiên, chiến thắng giặc giã, cũng là con người nhởn nhơ vui chơi múa hát trong ngày hội mùa, ưng dung thư thái thổi kèn, giã trống, giã cối, đánh cồng chiêng, hay nhiệt tình tham gia các cuộc đua thuyền rộn rịp trên sông nước.

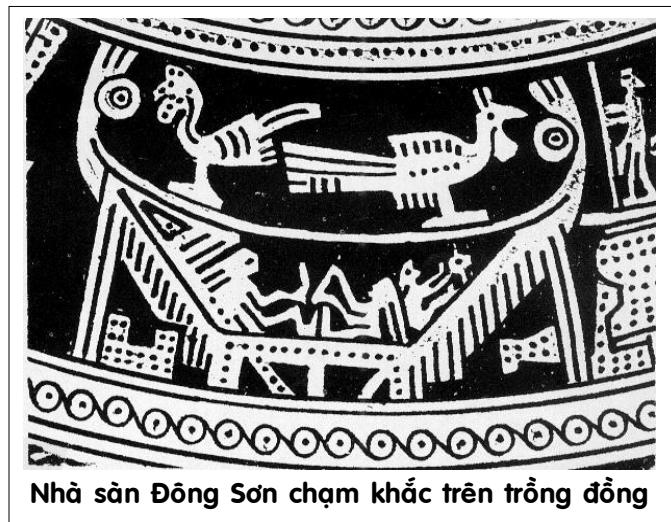
Sau những tháng ngày vất vả làm ăn, khổn trương đánh giặc, người Việt cổ tự ru mình trong giấc mơ thanh bình, trong ước vọng mưa hòa gió thuận, mùa màng bội thu, con đần cháu đống và cả trong niềm khát khao cái đẹp. Người Việt cổ yêu cái đẹp, cần cái đẹp trong sinh hoạt nghệ thuật cũng như trong cuộc sống hàng ngày như một nhu cầu về sự tế nhị hài hòa, tròn trịa, vuông vức, đối xứng, cân phân, gọn mắt, vừa tay, vừa tầm con người.

Từ chiếc thuyền độc mộc thon thả, ngôi nhà sàn mái cong cong đến hình dáng khỏe mà thanh của ngọn giáo, cán dao găm, dáng hình hài hòa cân đối của cổ trống, chiếc thạp... sắc thái dân tộc tỏa ra tươi mát, vừa mềm mại uyển chuyển vừa rắn rỏi vững vàng như muốn

phản ánh tâm hồn Việt cổ tao nhã mà hăng say, thành khẩn mà vẫn dung dị.

Mặc dù trình độ trí tuệ đã khá cao, thể hiện qua các khái niệm về hình học, số học, về đối xứng, cân phân, qua những sáng tạo nghệ thuật đáng kể như các pho tượng, các trống, tháp, văn minh Việt cổ đã không sản sinh những nhà hiền triết, nhà bác học, những áng văn lớn như ở Ai Cập, Hy Lạp, Trung Quốc, Ấn Độ cùng thời, không để lại những công trình kiến trúc kỳ vĩ như tháp chữ Kim, khu đền Parthénon, Trường Thành Vạn Lý... Nên văn minh được tượng trưng bằng trống đồng Đông Sơn quả thật khiêm tốn quá, thiếu hẳn cái lộng lẫy, đồ sộ, nguy nga thấy ở các thành tựu khác của một số nền văn minh cổ đại.

Thật ra tiêu chuẩn chân chính của một nền văn minh không phải ở kích thước to lớn, số lượng phong phú. Một nền văn minh thực sự lớn là ở những giá trị tinh thần, những bài học về phẩm chất con người, về chủ nghĩa nhân văn truyền lại cho đời sau. Người Việt cổ thực sự văn minh vì tuy có chú trọng tới vật chất, sản xuất, văn nghệ như làm ruộng nước, tạc tượng, đúc trống, mở hội... nhưng chủ yếu

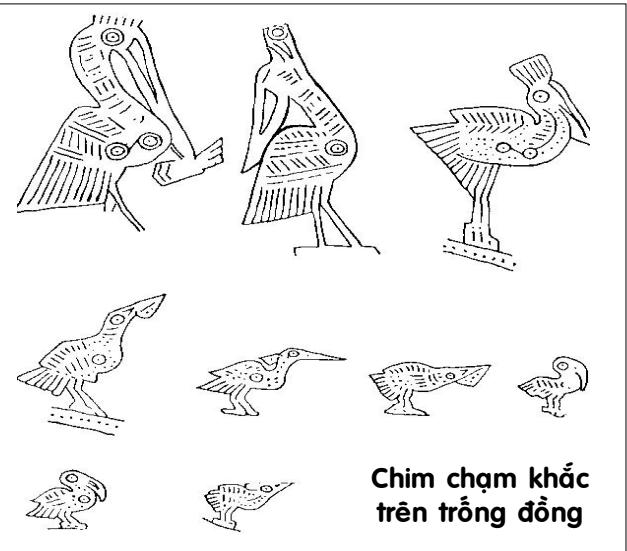


Nhà săn Đông Sơn chạm khắc trên trống đồng

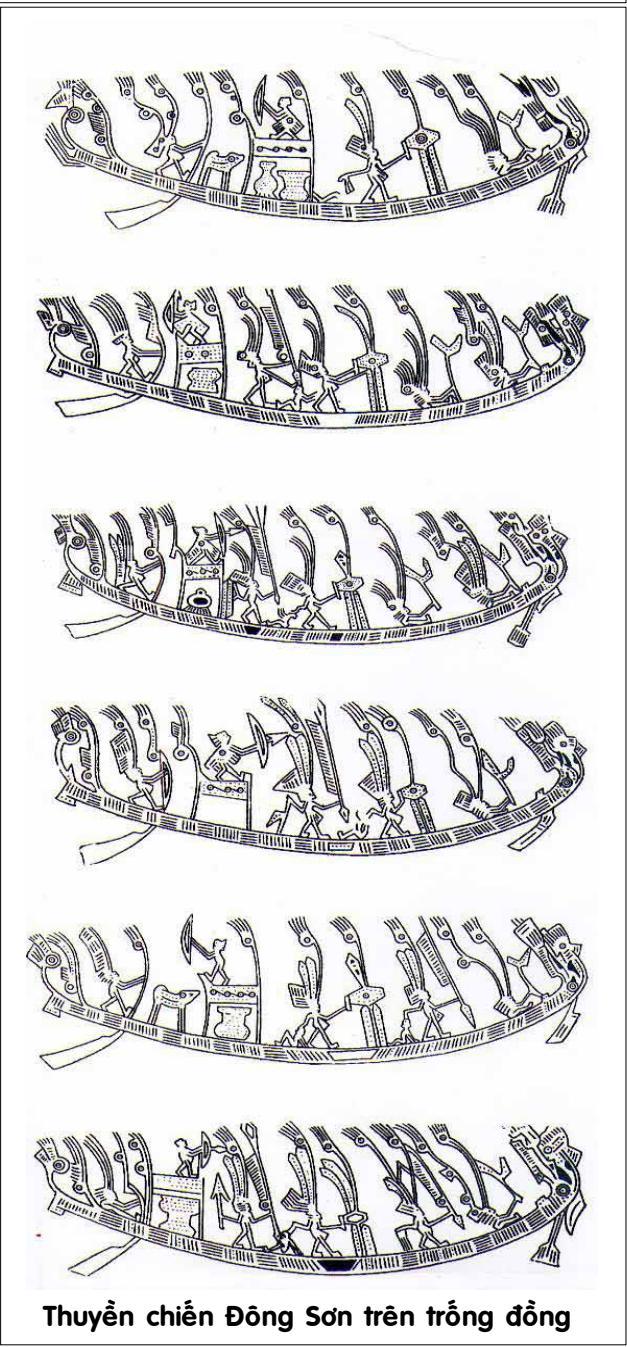
họ hướng vào chiều sâu của tâm hồn, tình cảm, ý chí, và phẩm chất con người. Người Việt cổ không vì hư danh, vì hưởng thụ mà xây dựng những công trình to lớn, hao công tốn của, phải hy sinh nhiều mạng người để chiêu theo ước vọng ngông cuồng của bọn bạo chúa. Tổ tiên Việt cổ của chúng ta chỉ muốn phát huy cái thông minh sáng tạo, cái khéo léo tài hoa để phục vụ cuộc sống, phục vụ cộng đồng, phục vụ dân lành mà thôi.

Tinh hoa của nền văn minh Việt cổ, theo tôi nghĩ, chính là tấm lòng yêu nước, mến dân, thương người, vì hạnh phúc của đồng bào và người thân mà lao động hăng say, chiến đấu gan dạ, ước mơ hòa hợp, khao khát thanh bình. Tinh hoa Việt cổ là ở cái tinh vi, tế nhị, hài hòa, tao nhã, tô điểm cho cuộc sống hàng ngày (trống đồng, tháp đồng đã nói lên được điều đó). Tinh hoa Việt cổ bao gồm những giá trị nhân văn thiết thực, gần gũi với con người chứ không phải ở những kỳ tích, những tư tưởng cao xa diệu vợi đối với con người.

Lê Văn Hảo (Paris)



Chim chạm khắc trên trống đồng



Thuyền chiến Đông Sơn trên trống đồng

# Hoa cánh phù dung

Đỗ Xuân Minh



Trong vườn hắn có một cây hoa dâm bụt. Vì hoa đẹp và vì trước đây nhà hắn, ở Việt Nam, có cả một dây làm hàng rào, nên hắn mua về trồng. Ban đầu hắn có chú ý đến nhưng rồi với ngày tháng qua, tất cả đều trở nên bình thường, hắn không còn để ý đến nữa. Khi bạn bè cho biết hoa phù dung là một loại dâm bụt, giống như cây hoa của hắn, hắn thấy cây hoa đó đẹp hẳn lên. Hắn không ngờ đời hắn may mắn như vậy. Hoa phù dung, một loài hoa được nhắc nhở rất nhiều trong thi ca mà hắn đã từng mơ ước được nhìn ngắm một lần, dù chỉ qua hình ảnh, bây giờ lại có trong vườn mình thì hắn không mừng sao được. Ngoài vẻ đẹp, nhiều người đã đưa hoa phù dung vào thi ca là vì kiếp hoa "sớm nở tối tàn". Hắn yêu hoa phù dung cũng vì lẽ đó. Đó là hình ảnh của cuộc đời mà hắn đã thu nhận vào lứa tuổi thơ mong nhất.

Hắn sinh ra và lớn lên tại đồng quê, trong thời chiến. Ở đó có những buổi bình minh tươi sáng với cả một khung trời mênh mông và có những buổi chiều tối tăm trong căn hầm trú ẩn nhỏ bé. Ở đó có tiếng chim hót và có tiếng súng nổ, có nụ cười và nước mắt, có tin tưởng và lo âu, có yêu thương và thù hận. Ở đó, đời sống tinh túng ngày: một buổi sáng thức dậy, biết mình còn sống và có thể biết một số người thân quen không còn nữa.

Nhận thức đầu tiên của hắn là đời người rất mong manh và có một cái gì không bình thường trong cuộc sống. Hắn sinh ra và lớn lên vào lúc gia đình rất nghèo. Căn nhà của mẹ hắn là một cái chòi: mái tranh và vách là những tấm ván mỏng chen lấn với những tấm các tông, không đủ để che mưa gió. Một cơn bão nhẹ cũng có thể cuốn đi. Hắn cũng đã trải qua nhiều ngày tháng ăn cháo thay cơm hay cơm độn bo bo. Cơm độn ngọt khoai nhiều lúc đối với gia đình hắn cũng là một xa xỉ phẩm. Nhưng hắn thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn đáng yêu. Những ánh mắt và nụ cười, những ánh nắng và tiếng chim, những cánh đồng và hoa dại là cả một thiên đường của hắn. Cuộc sống của hắn êm đềm và hạnh phúc cho đến khi chiến tranh tới.

Tại sao lại có chiến tranh trong khi nếu được bình yên thì ai cũng có thể sống sung sướng, vì chính hắn đã trải qua những ngày tháng sung sướng. Cảm thấy có một cái gì không bình thường trong cuộc sống, hắn muốn tìm hiểu nguyên nhân và muốn làm sao để cho cuộc sống được bình thường. Tuổi trẻ vẫn nhiều mộng mơ và không thực tế. Nhưng thế nào là thực tế? Thực tế là chấp nhận một cuộc sống không bình thường này và cũng sống một cách không bình thường hay là tìm cách để cuộc sống trở nên bình thường. Một cuộc sống bình thường, theo hắn, là một cuộc sống hạnh phúc, thật sự hạnh phúc, mà không cần phải gây khổ đau cho người khác. Hắn quyết định phải sống một cách bình thường.

Điều quan trọng, hắn nghĩ, là phải tìm hiểu về cuộc đời và phải biết thế nào là hạnh phúc. Rất có thể những thảm cảnh trong đời là do con người không có một khái niệm

đúng về hạnh phúc. Hắn tìm kiếm một số bạn bè giúp hắn ý thức về điểm này. Những người bạn thân đầu tiên là Hermann Hesse, André Maurois, Lâm Ngữ Đường và Laura Archera Huxley.

Hắn đồng ý với Hesse là không thể nhận thức một cách chính xác về ý nghĩa cuộc đời, thường được gọi là chân lý, chỉ bằng những suy tư trong rừng vắng. Chắc chắn là cần suy tư nhưng cũng rất cần hội nhập vào cuộc sống. Rồi hắn đồng ý với Maurois và Hesse về tầm quan trọng của tình yêu. Như Siddhartha của Hesse, hắn vào đời bằng ngưỡng cửa tình yêu. Nhưng khác với Siddhartha, hắn dành quyền chọn lựa. Hắn gõ cửa tình yêu, lang thang qua những cuộc tình và ngừng lại ở khu vườn thơ mộng nhất. Ở đó có hoa lá và nắng mai, có tiếng chim và sóng biển, có bầu trời xanh mênh mông, có đêm trong với ngàn sao lấp lánh. Ở đó, hắn trải những suy tư về cuộc đời, những viễn ảnh tương lai và cả những buồn phiền lo lắng. Nàng là biển và hắn là một chiếc thuyền đang tìm hướng. Nàng là dòng sông và hắn là Siddhartha, tìm đến để chiêm nghiệm về cuộc đời. Trong hình ảnh mù mờ của tương lai hắn đã nhìn thấy hắn, một bóng dáng xa lạ, khác với những gì hắn mơ ước về mình. Một nỗi buồn sâu đậm xâm chiếm hắn và hắn từ giã dòng sông, từ giã cuộc tình. Một cuộc tình không một vòng tay, một nụ hôn, nhẹ như mây trời và bao la như biển cả.

Hắn trở lại với cuộc sống - một cuộc sống mà hắn cho là không bình thường - với những chen chúc, ôn ào và trống rỗng. Rồi những biến cố dồn dập như những làn sóng dữ cuốn hắn đi. Hắn vùng vẫy ngoi lên rồi lại lang thang qua những cuộc tình, nhưng lần này, với những đam mê thả lỏng. Có một vài lúc hắn không còn muốn biết mình là ai và muốn gì ở cuộc đời này. Hắn như một vật thể đang rã và chìm dần dưới làn sóng thì tình yêu lại đến. Một người con gái đến với hắn, đến một cách tình cờ hay là vì đã gặp nhau ở một điểm nào đó. Hắn vươn dần lên khỏi mặt nước rồi cùng nàng bước vào thế giới thần tiên. Ở đó có làn môi xinh mới nở chờ đợi, có vòng tay mềm rụt rè tìm kiếm, có ngất ngây, rung động và có cả thương yêu, tin tưởng. Nàng cho hắn biết hạnh phúc trần gian của ái tình như là một thiên đường của những kẻ yêu nhau. Ở đó, hắn lại gặp lại hắn, một hình ảnh không rõ lầm nhưng cũng đủ cho hắn nhận ra không phải là mẫu người mà hắn muốn. Một lần nữa hắn buôn phiền từ giã cuộc tình và trở lại với thế giới của ham muốn và chán chường, của nồng nàn và giả tạo. Hắn lại như một vật thể rã rời để cho dòng nước cuốn đi cho đến lúc gặp vợ hắn.

Một buổi sáng trên đường từ Jacksonville đến Orlando, xe chạy chậm vì mưa nhiều. Ở vùng này, vào đầu tháng mười trời hay mưa, và hắn rất thích những cơn mưa ẩm nóng này, nhưng chưa bao giờ hắn được hưởng những giây phút êm đềm như buổi sáng đó. Ở băng sau, hai vợ chồng kể cho nhau nghe chuyện xưa, hồi chưa quen nhau, rồi đến hồi quen nhau và lấy nhau. Trong hơn hai mươi năm sống chung với nhau, đây là lần đầu tiên hắn hiểu rõ về vợ mình, về tình yêu vợ chồng và hiểu thêm về chính hắn. Tình yêu của hắn đối với nàng tăng dần theo câu chuyện và được thể hiện qua những cử chỉ yêu thương. Nàng ngồi dựa vào lòng

hắn, hai tay ôm nhẹ cánh tay hắn choàng qua trước người, lúng chừng giữa hạnh phúc và nuối tiếc : Trước đây anh không yêu em". Hắn siết nhẹ nàng vào lòng, yên lặng. Trước đây là những năm tháng bắt đầu từ khi lấy nàng, và trong khoảng thời gian dài đó hắn đã không đối xử với nàng như một người chồng yêu vợ, hay như trước khi lấy nàng. Hắn nhớ lại hình ảnh lúc đầu gặp nàng, như nhìn lại một tấm hình cũ mà hắn đã bỏ quên đâu đó trong hơn hai mươi năm nay.

Một buổi sáng tại nhà người quen, hắn gặp nàng ở trong căn bếp, đang pha cà phê. Hắn rung động như gặp một mẫu người mà hắn đã mơ tưởng. Hình như trong lòng của mỗi người đã có sẵn một mẫu người tình, người vợ hay chồng lý tưởng của mình. Nàng đẹp và dễ thương lạ lùng. Từ thân hình, mái tóc, khuôn mặt, làn môi, ánh mắt đến đôi cánh tay thon tròn đều biểu lộ những nét đẹp đều đặn, cân đối, đoan trang, thông minh và thùy mị. Nàng có nét đẹp của một tiểu thư nhưng đã sống trong một thời kỳ túng thiếu, có nét đẹp của một hoa khôi nhưng ngoan hiền chăm học, có nét đẹp của một người yêu muôn được cưng chiều nhưng biết hy sinh, chịu đựng và bao dung. Hắn chưa bao giờ gặp được một người con gái hội đủ tất cả những nét đẹp đó và hắn nghĩ ngoài nàng hắn cũng sẽ chẳng bao giờ gặp được ai khác. Hắn làm quen, rồi những hẹn hò, chờ đợi, giận dỗi và yêu thương. Nàng lấy hắn.

Mỗi lần nghĩ đến, hắn biết là hắn rất may mắn mới có một người vợ như nàng. Nhưng tình yêu ? Nếu nàng không lấy hắn thì chắc chắn đây là một cuộc tình đẹp nhất của hắn và cũng có thể hắn cho rằng đây là một cuộc tình đẹp nhất trân gian. Nhưng một khi đã là vợ chồng...

Hắn cảm thấy lạ lùng về cách ứng xử của mình, và cũng có thể của nhiều người. Hình như người ta chỉ yêu quý những gì mình không có, chưa có hay đã mất. Nhân loại đã dùng biết bao thì giờ và tâm huyết để ca tụng tình yêu, nhưng hầu hết là những mối tình tuyệt vọng, những mối tình dang dở hay tan vỡ. Tình yêu, có thể là rất đẹp, trở nên bình thường khi hai người chung sống với nhau và cũng có thể trở nên đẹp lại khi hai người phải xa nhau vì một hoàn cảnh nào đó. Hắn không hiểu vì sao lại như vậy. Có thể là vì khi gần nhau người ta thấy rõ bản chất của nhau và có thể bị thất vọng vì không đúng với hình ảnh ban đầu. Có thể, nhưng không hẳn là như vậy. Ít ra là trong trường hợp của hắn. Trong những ngày tháng sống chung hắn thấy nàng có những đức tính mà hắn không ngờ tới. Có thể là vì những bận rộn và lo âu. Nhưng trước khi lấy nàng hắn cũng gặp những vấn đề đó. Hắn mơ hồ thấy rằng khi hai người gần nhau thì nàng là tấm gương để hắn nhìn thấy hắn và hắn không bằng lòng về chính mình. Có thể đây là một trong những lý do đã tạo nên những lúng túng cứng trong gia đình và làm mờ tình yêu của hắn đối với nàng. Tình yêu có lẽ chỉ trọn vẹn khi vừa hiểu người mình yêu và vừa hiểu mình, vừa yêu người mình yêu và vừa yêu mình, hay ít ra phải chấp nhận mình dù không bằng lòng lắm về chính mình.

Hắn cúi đầu hôn nhẹ tóc vợ như một lời xin lỗi. Khi nhìn lại, hắn thấy cuộc đời dành cho hắn quá nhiều may mắn. Hắn muốn tìm hiểu cuộc đời thì hắn được lẩn lóc trong cuộc sống. Hắn muốn tìm hiểu tình yêu thì hắn đã được trải qua

những cuộc tình mà hắn mong muốn. Hắn muốn có một người vợ như nàng thì hắn được nàng dành cho hắn một tình yêu trọn vẹn với nhiều bao dung và chịu đựng. Hắn đã có đủ tất cả những gì cần thiết để xây dựng một thiên đường ở trân gian này, ngoại trừ hắn. Hắn chưa bao giờ bằng lòng về mình cả, và không có một thiên đường nào chấp nhận một người không bằng lòng về chính mình. Hắn muốn biết thế nào là hạnh phúc thì hắn đã biết, kể cả cách để đạt được. Hình như cuộc đời, dù với nhiều biến cố khắt khe, luôn dành cho mỗi người một dịp may nào đó để thực hiện ước mơ của mình, miễn là thiết tha với ước mơ đó. Có lẽ vì vậy mà Kipling đã cho rằng : "Trên con đường lớn của số phận, người ta chỉ gặp chính mình".

Lần này hắn lại nhìn thấy hắn, cũng là một hình ảnh không đúng với mẫu người mà hắn muốn cho mình, nhưng khác với những lần trước, hắn không còn buồn phiền nữa. Tình yêu của nàng dành cho hắn đã giúp hắn chấp nhận mình. Một bình an nhẹ nhàng đến với hắn. Hắn đưa tay vuốt tóc nàng rồi xoa nhẹ trên má và làn môi. Thời gian đã để lại một vài dấu vết, như cánh phù dung đã đổi màu, nhưng những êm ái của người nàng chuyền qua hắn những cảm xúc rất dịu dàng. Hình như thời gian ảnh hưởng rất ít đến tâm hồn và cảm xúc. Hắn cúi xuống hôn vợ để cảm ơn. Có lẽ đây là lần đầu hắn yêu nàng với một tình yêu chân thật nhất. Hạnh phúc đến với hắn trong buổi sáng đó kéo dài như cả một thế kỷ.

Hôm nay là ngày lễ tình yêu và hắn cho rằng đây là ngày lễ quan trọng nhất trong năm. Trong đời có gì quý hơn tình yêu. Thế giới này sẽ ra sao nếu không có tình yêu. Có phải là nhờ tình yêu mà nhân loại vẫn còn tồn tại và cuộc đời vẫn đẹp dù luôn có những thảm cảnh tàn khốc do tham vọng của con người tạo nên. Hàng ngàn năm nhân loại ca tụng tình yêu nhưng hầu như người đời vẫn chưa dành cho nó một chỗ đứng xứng đáng trong đời sống của mình. Có khi còn cho là tầm thường không đáng để ý đến.

Thế giới đã có những tiến bộ ngoạn mục nhưng một số khái niệm hình như vẫn còn ở vị trí ban đầu như tình yêu, hạnh phúc và thời gian, và đó là những khái niệm liên quan mật thiết nhất và cũng là quan trọng nhất của đời sống. Cuộc đời còn gì nếu không có tình yêu, hạnh phúc và thời gian. Có phải là thời gian, hạnh phúc và tình yêu là những gì quý nhất của đời người, và cũng là những gì mà người đời thường phung phí nhất.

Hôm nay hắn và vợ may mắn được nghỉ việc. Hai vợ chồng dậy trễ, ăn sáng xong hắn ra vườn để chăm sóc cho cây hoa phù dung. Cây hoa này sẽ nhắc nhớ hắn cuộc đời cũng chong qua như cánh phù dung, sớm nở tối tàn, và do đó đừng phí thời gian, hạnh phúc và tình yêu. Hắn nghĩ nếu mỗi nhà có một cây hoa này thì cuộc đời sẽ đẹp hơn. Và thế giới cũng được bình yên hơn. Biết đâu nhờ yêu hoa phù dung mà ý thức được rằng cuộc đời này vừa đẹp nhưng cũng vừa ngắn ngủi nên phải trân quý nó, phải dùng khoảng thời gian giới hạn của đời người để xây dựng hạnh phúc cho mình, cho người thay vì để thỏa mãn những tham vọng bạo tàn gây khổ đau cho người và cho cả chính mình.

**Võ Xuân Minh**  
(Valentin 2006)

## **ẤN ĐỘ : một đồng minh quân sự đa phuơng**

Từ sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1989, những đồng minh cũ của Nga tại Đông Âu đã lần lượt thiêu rụi về khối NATO. Tại Nam Á chỉ một đồng minh duy nhất vẫn tiếp tục duy trì quan hệ thân hữu với Nga là Ấn Độ.

Cho đến đầu thế kỷ 21 này, đối thủ công khai của Ấn Độ là Pakistan và đối thủ ngầm vẫn là Trung Quốc. Cả hai quốc gia đối thủ này đều đồng dân như Ấn Độ nhưng lại có vũ khí nguyên tử và trong quá khứ đã xảy ra nhiều tranh chấp với Ấn Độ dọc vùng biên giới, hiện nay vẫn còn tiếp diễn trong khu vực Kashmir với Pakistan.

Tiếp tục duy trì quan hệ tốt với Nga, New Dehli muốn được Nga ưu tiên cung cấp vũ khí với những điều kiện dễ dãi hơn các quốc gia Âu Mỹ. Ngoài những chuyển nhượng về kỹ thuật sản xuất các loại vũ khí cơ bản như xe tăng, xe bọc thép, đại pháo và súng đạn, Ấn Độ muốn được Nga cung cấp những loại phi cơ chiến đấu và tàu chiến hiện đại nhất để cân bằng sức mạnh quân sự với Trung Quốc và Pakistan trên đất liền và trên biển. Ngày 16-11-2005, Nga đã thỏa thuận nhượng cho Ấn Độ kỹ thuật sản xuất loại máy bay vận tải đa dụng cỡ trung.

Trong những năm đầu của thế kỷ 21 này, trước sự tái phối trí lại quan hệ chiến lược và sự vươn lên của Trung Quốc và Ấn Độ, Nga trở thành đối tác chiến lược quan trọng, nếu không muốn nói là chủ đạo, với Trung Quốc, Pakistan và Ấn Độ, và trong thời gian tới với cả Iran tại Nam Á. Để chuẩn bị cho sự tái phối trí chiến lược mới này, cả Ấn Độ, Pakistan và Iran đều được mời làm quan sát viên trong Cơ quan Hợp tác Thượng Hải, do Trung Quốc, Nga và 4 nước Trung Á thành lập.

Tuy nhiên tiến trình này đã không diễn ra suôn sẻ như mong muốn. Lý do là từ cuối 2001, Mỹ tiến hành chiến tranh chống khủng bố tại Afghanistan, sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ trong vùng Nam Trung Á đã làm khựng lại tiến trình đó. Một số cộng hòa Hồi giáo, cựu đồng minh với Liên Xô ở Nam Trung Á, đã tích cực hợp tác với Hoa Kỳ để chống khủng bố tại Afghanistan, đồng thời cũng để cải thiện quan hệ ngoại giao và thương mại với hy vọng được giúp đỡ để phát triển kinh tế.

Thật ra Hoa Kỳ không muốn thấy liên minh mới này được hình thành, vì dầu hỏa vẫn còn là một nguồn năng lượng chiến lược mà Hoa Kỳ chưa thoát khỏi sự lệ thuộc. Chính vì thế từ năm 2000 cho tới nay, Hoa Kỳ đã bằng mọi cách cải thiện quan hệ với Ấn Độ. Gần đây Mỹ đã đề nghị giúp Ấn Độ xây dựng các lò phản ứng nguyên tử và hợp tác sản xuất vũ khí, vì lượng vũ khí mua từ Nga thường hay trực trặc về kỹ thuật. Chuyến viếng thăm Ấn Độ của tổng thống G. Bush vào đầu tháng 3-2006 này là để cụ thể hóa những đề nghị đó.

Sự sáp lại gần này của Hoa Kỳ đã làm Nga lo ngại, từ trước đến nay Ấn Độ vẫn là một khách hàng lớn và là một

đồng minh chiến lược quan trọng của Nga tại Nam Á. Trong thời gian sắp tới Nga sẽ bán lại cho Ấn Độ các hàng không mẫu hạm cũ với giá rẻ và cho phép quân đội Ấn Độ mặt tại căn cứ quân sự của Nga ở Tajikistan.

Chủ đích của Nga là lôi kéo Ấn Độ vào Trung Á, trong khi Hoa Kỳ và Nhật muốn kéo Ấn vào Đông Nam Á, sau vụ cứu trợ nạn nhân sóng thần cuối năm 2004. Trong năm 2006, Nhật sẽ tăng thêm viện trợ ODA cho Ấn Độ và hỗ trợ tài chính để mua 100 máy bay vận tải cỡ trung YS-33.



## **TRUNG QUỐC : hệ thống tiền ngầm chiếm 28% lượng tiền lưu hành**

Ngày 4-1-2006, hãng thông tấn Tân Hoa Xã cho biết, lượng tiền ngầm (tức cho vay mượn không cần giấy phép) tại Trung Quốc vào cuối năm 2005 được ước lượng từ 740,5 tỷ nguyên (92 tỷ USD) đến 816,4 tỷ nguyên (101,3 tỷ USD), tương đương với 28% lượng tiền đang lưu hành trong các cơ quan tiền tệ chính quy (ngân hàng và cơ sở tín dụng) trên toàn quốc.

Cuộc điều tra này đã do trường Đại học tài chính trung ương ở Bắc Kinh thực hiện. Qua đó người ta mới biết là các công ty quốc doanh hoạt động trong các ngành mỏ than, dầu hỏa, sắt thép, xi măng... đều thổi phồng các khoản đầu tư cơ bản để được nhà nước bơm tiền vào, số tiền thặng dư đã được lãnh đạo các công ty đó cho vay lại để thu lợi riêng. Khi hay biết sự việc này, chính quyền trung ương đã ngưng lại tất cả những khoản đầu tư dư thừa (không có thật) này khiến hệ thống tiền ngầm hụt hẫng, do đó lãi suất cho vay trong hệ thống tiền ngầm này leo thang mạnh. Nhiều người đã lấy ngoại tệ của cơ quan và xí nghiệp ra đổi thành tiền nội địa (nguyên) để bơm vào hệ thống ngầm này kiếm lời.Thêm vào đó Bắc Kinh chấp thuận cho một số xí nghiệp xuất khẩu chi trả bằng ngoại tệ, trong khi chờ đợi chi trả các cấp lãnh đạo đã đổi số ngoại tệ này thành tiền nội địa để đưa vào thị trường tiền ngầm này kiếm lời.

Sở dĩ hệ thống tiền ngầm này phát triển mạnh là vì các ngân hàng chính quy của nhà nước đã bày ra những thủ tục rườm rà khi cho các trung tiểu xí nghiệp, các nhà kinh doanh nông nghiệp vay. Do đó, khoảng 1/3 các trung tiểu xí nghiệp và 55% nông dân đã phải vay mượn từ hệ thống tiền tệ ngầm này để có vốn kinh doanh. Đây là một thiệt hại lớn cho quốc gia vì số tiền lời do cho vay mang lại đã lọt vào túi riêng của các chủ nợ thay vì ngân sách quốc gia. Hệ thống tiền ngầm này còn là một đe dọa cho sự ổn vững của sinh hoạt chung, vì chỉ cần một mắc xích của hệ thống này bị gãy sẽ kéo theo sự suy sụp của cả một ngành kinh tế. Chẳng hạn như khi xí nghiệp sản xuất thép lấy tiền của xí nghiệp ra cho vay, khi không thu được nợ thì vốn của xí nghiệp này bị suy giảm hoặc mất theo, giảm vốn dẫn đến giảm sản xuất, không có sản phẩm thì không có thu nhập, xí nghiệp có thể bị khánh tận.

## **INDONESIA : ngăn ngừa nạn khủng bố Hồi giáo**

Ngày 31-12-2005, quân khủng bố Hồi giáo đã đặt bom trên đảo Sulawesi (Indonesia) làm 7 người thiệt mạng. Lần này quân khủng bố Hồi giáo nhắm vào cộng đồng người Thiên Chúa giáo địa phương đang sinh sống trên đảo. Đây không phải là lần đầu quân khủng bố Hồi giáo tấn công cộng đồng người Thiên Chúa giáo. Sau ngày 11-9-2001, lực lượng Hồi giáo quá khích đã chọn Indonesia làm địa bàn hoạt động chính tại Đông Nam Á. Nhóm Hồi giáo quá khích Jemah Islamia đã tổ chức nhiều cuộc đánh bom, chống người phương Tây và Thiên Chúa giáo, gây tiếng vang lớn trong vùng Đông Nam Á nơi có người Hồi giáo cư ngụ. Từ hơn 4 năm qua, thế giới phương Tây hợp tác chặt chẽ chống khủng bố, những nhóm Hồi giáo quá khích đã dần dần bị cô lập và suy yếu với thời gian, trong đó có nhóm Jemah Islamia.

Tháng 11-2005, Asuhari (48 tuổi), người chủ mưu vụ đặt bom gây thiệt hại lớn trên đảo Bali tháng 10-2004, đã chết khi giao chiến với cảnh sát Indonesia. Nhưng cánh tay mặt của Asuhari là Nuldine cùng với tàn dư vẫn tiếp tục đánh phá các nhà thờ của người Thiên Chúa giáo trên đảo Sulawesi. Vì không đủ lực lượng để đối đầu với cảnh sát và quân đội Indonesia, Nuldine và đồng bọn sử dụng chiến thuật "nổ mìn tự sát". Người cảm tử gài mìn trong người rồi khoác áo ngoài che lại, sau đó đến địa điểm đã được chỉ định để bấm nút cho mìn nổ và chết tan xác theo.

Loại mìn dùng chất nổ TAPT, do nhóm Asuhari và Nuldine sáng chế, có sức công phá tuy không mạnh nhưng rất dễ chế biến và nguyên vật liệu cũng dễ tìm. Những cảm tử quân Hồi giáo tại Trung Đông thường dùng loại mìn này để tấn công tự sát vào các cơ sở chính quyền hay dân chúng tại Do Thái và Iraq.

Lo ngại sự phá hoại của những nhóm Hồi giáo quá khích này lan rộng, chính phủ Indonesia đang ráo riết cô lập và loại trừ quân khủng bố trên khắp lãnh thổ. Indonesia là quốc gia Hồi giáo có đông tín đồ nhất trên thế giới và cũng là quốc gia Hồi giáo hiền hòa nhất, nếu để dân chúng bị các nhóm Hồi giáo quá khích khuynh loát, hậu quả sẽ rất khó lường. Cái khó của Indonesia là quân nhân và cảnh sát đều là những tín đồ Hồi giáo.

## **Chuẩn bị thành lập CỘNG ĐỒNG ĐÔNG Á**

Từ thập niên 1990, Diễn Đàn Khu Vực ASEAN (ARF-Asean Region Forum) sinh hoạt trên bốn mục tiêu chung, đó là : duy trì sự tin tưởng lẫn nhau, gìn giữ hòa bình chung trong vùng, bảo đảm an toàn trên biển và hợp tác để ngăn ngừa tội phạm xuyên biên giới. Từ đó ASEAN đã lập ra Hội đồng hợp tác an ninh Châu Á Thái Bình Dương (CSCAP-Council for Security Cooperation in the Asia-Pacific) để nghiên cứu việc thực hiện 4 mục tiêu trên. Cho đến nay hội đồng này đã có những liên hệ chặt chẽ với các

cơ quan tư vấn của Úc, Canada, Nhật, Trung Quốc, Nam Hàn, New Zealand và Mỹ. Gần đây Mạng lưới tư vấn Đông Á (NEAT-Network of East Asian Thinktank) mở rộng thêm tầm hoạt động để hoàn tất các mục tiêu này.

Tuy nhiên một sự kiện bất thường về ngoại giao kiểu "con Ếch muốn chinh phục con bò" đang diễn ra. Mười quốc gia ASEAN muốn làm đầu tàu cho toàn vùng Đông Á và Đông Nam Á. Ngày 6-12-2005, 10 quốc gia ASEAN đã tổ chức hội nghị thượng đỉnh các quốc gia trong Diễn Đàn Đông Á lần thứ 2, nghĩa là mời thêm 6 cường quốc khu vực là Nhật Bản, Trung Quốc, Đại Hàn, Ấn Độ, Úc và Tân Tây Lan tham dự, để thành lập Cộng đồng Đông Á dựa trên 7 mục tiêu : mở hội nghị thượng đỉnh Đông Á, soạn thảo Hiến chương chung cho Đông Á, thành lập Khu mậu dịch tự do Đông Á, thỏa thuận Hợp tác tiền tệ Đông Á, thành lập Vùng hợp tác hữu nghị Đông Á, xây dựng Mạng lưới giao thông và thông tin Đông Á, soạn thảo Tuyên ngôn liên quan đến nhân quyền và nghĩa vụ của vùng Đông Á.

Để thực hiện được 7 mục tiêu trên mà không bị các cường quốc Đông Á khác điều khiển theo ý mình, các quốc gia ASEAN đã định ra ba tiêu chuẩn để kết nạp các quốc gia thành viên trong tương lai vào Cộng đồng Đông Á :

- phải từ bỏ vũ lực như phương tiện chính để giải quyết tranh chấp giữa các nước bằng cách tham gia Hiệp ước hữu nghị Đông Nam Á (TAC) ;

- đã có sẵn những quan hệ cụ thể hay muốn quan hệ cụ thể với các quốc gia Đông Á ;

- chấp nhận nguyên tắc đồng thuận khi quyết định chung giữa các quốc gia hội viên.

Ba nước Ấn Độ, Úc và Tân Tây Lan được 13 nước hội viên (10 nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Đại Hàn) đồng ý mời tham dự Hội nghị thượng đỉnh Đông Á lần thứ nhất. Sở dĩ phải mời Ấn Độ, một quốc gia ở vùng Nam Á vào, là để làm đối trọng với Trung Quốc, vì hai quốc gia này có trọng lượng ngang nhau cả về dân số lẫn kinh tế. Riêng Nga mặc dù đã sẵn sàng ký vào TAC và được Mã Lai tích cực ủng hộ vẫn chưa đáp ứng được tiêu chuẩn có quan hệ thực chất và bị Singapore phản đối nên phải chờ đến hội nghị sau tổ chức tại Philippines quyết định.

Tham vọng của Cộng Đồng Châu Á là muốn trở thành một khối chính trị, kinh tế có trọng lượng ngang hoặc hơn Liên Hiệp Châu Âu và Mỹ, trong đó ASEAN sẽ là trung tâm điểm về địa lý cũng như về chính trị. Theo thống kê của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) năm 2003, trao đổi thương mại giữa các quốc gia Đông Á với nhau đạt hơn 54%, cao hơn NAFTA (46%) và gần kề EU (64%), tỷ lệ này chỉ có thể tăng lên trong những năm sắp tới.

Nhưng nhiều trở ngại quan trọng đang được đặt ra là : có quá nhiều khác biệt về trọng lượng dân số cũng về kinh tế giữa các quốc gia hội viên và sự di dân ồ ạt từ những quốc gia nghèo sang những quốc gia giàu. Dân số của Trung Quốc và Ấn Độ chiếm hơn 2/3 dân số trong khu vực, trọng lượng kinh tế của Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Úc và Đại Hàn lấn át các quốc gia hội viên khác, và hố cách

biệt giàu nghèo quá sâu rộng giữa từng quốc gia không có thể san bằng được trong vài thập niên, nếu không muốn nói là không thể san bằng. Lợi tức bình quân đầu người tại Nhật Bản và Việt Nam cách biệt nhau khoảng 100 lần. Nhật Bản, Đại Hàn và Úc lo ngại sự di dân ô ạt của người Trung Quốc vào quốc gia họ như đã từng xảy ra tại Đông Nam Á trong thế kỷ trước. Thêm vào đó, với những quốc gia chưa quen với những luật lệ quốc tế, người ta lo sợ Trung Quốc và một vài quốc gia ASEAN, sau khi được giao gia công sản xuất hàng hóa, sẽ cạnh tranh bất chánh như xuất khẩu cùng loại hàng hóa đó dưới những tên khác sang các quốc gia khách hàng của những công ty nước ngoài có vốn đầu tư trực tiếp (FDI).

## **GARY GLITTER lành 3 năm tù về tội dâm ô trẻ em**

Ngày 3-3-2006, tòa án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết án cựu ca sĩ nhạc rock người Anh, Gary Glitter, tên thật là Paul Francis Gadd (62 tuổi), 3 năm tù giam về tội dâm ô với trẻ em và bị trục xuất khỏi Việt Nam ngay khi mãn án. Tòa cũng buộc Gary Glitter bồi thường cho hai nạn nhân (Trần Thị D., sinh năm 1994, và Trần Thị Thảo N., sinh năm 1993), mỗi người 5 triệu VND (315 USD).

Đây là vụ án xét xử người nước ngoài ồn ào nhất về tội dâm ô với trẻ vị thanh niên tại Việt Nam. Đã có gần 20 phóng viên của 4 hãng thông tấn nước ngoài (Reuters, AFP, DPA, AD) và 30 phóng viên của 14 đoàn báo chí quốc tế và hơn 50 phóng viên Việt Nam làm phóng sự trực tiếp vụ án này. Bị cáo Gary Glitter có một luật sư biện hộ, còn hai nạn nhân không có luật sư nào.

Bản án 3 năm dành cho Gary Glitter là rất nhẹ so với tội trang, chiếu theo khoản 2, điều 116 của bộ luật hình sự về tội dâm ô với trẻ em (án tù từ 3 đến 7 năm). Nếu bị xử trước tòa án Anh Quốc, Gary Glitter có lẽ sẽ lãnh một án phạt nặng nề hơn, về số năm tù cao như tiền bồi thường nạn nhân. Trước tòa án Việt Nam, Gary Glitter đã phủ nhận có quan hệ tình dục với hai em bé này, trong khi em N. khai là đã có quan hệ tình dục với Gary Glitter hai lần, mỗi lần được trả 300.000 VND, và em D. khai là đã có hành vi dâm dục với Glitter nhiều lần nhưng chỉ nhận 900.000 VND thay 5 triệu, vì bị người cô làm trung gian lấy hết.

Cũng nên biết năm 1999, Gary Glitter bị cảnh sát Anh bắt giam hai tháng về tội lưu trữ hình ảnh dâm ô trẻ em trong máy vi tính. Trước đó, đầu năm 2005, Gary Glitter bị cảnh sát Campuchia trục xuất ra khỏi nước về tội mua dâm với trẻ vị thành niên. Tại Việt Nam, Gary Glitter bị bắt tại phi trường Tân Sơn Nhứt ngày 25-11-2005 và bị giam tại nhà giam Phước Cơ (Vũng Tàu). Từ đầu năm 2005, trong một nhà thuê ở Vũng Tàu, Glitter đã có quan hệ tình dục với rất nhiều thiếu nữ Việt Nam, tuổi từ 17 đến 24 ; một trong những phụ nữ này đã dẫn hai bé gái D. và N. đến giới thiệu cho Glitter để kiếm hoa hồng. Khi bị truy tố, Gary Glitter đã thương lượng bồi thường cho gia đình hai bé gái này mỗi người 2.000 USD nên được làm đơn bãi nại, nhờ đó bản án dành cho Glitter đã nhẹ đi rất nhiều.

Gary Glitter không phải là người nước ngoài đầu tiên có hành vi dâm dục với trẻ vị thanh niên Việt Nam. Nhiều vụ lạm dụng tình dục trẻ em đã bị báo chí trong nước phanh phui nhưng sau đó đã được êm nhẹm, vì người vi phạm là những đàn ông gốc châu Á (Trung Quốc, Đài Loan và Đại Hàn) nhờ biết đút lót với các quan chức địa phương nên đã về nước an toàn. Những đàn ông gốc châu Á này còn gớm ghiếc hơn Gary Glitter nhiều lần vì chỉ tìm những bé gái còn trinh để thỏa mãn thú tính. Tại sao người Việt chỉ lên án người phương Tây mà không dám kết tội người phương Đông về cùng một tội ?

Đối với người phương Tây, lạm dụng tình dục trẻ em là một tội rất nặng, ngang hàng với tội giết người. Chính vì thế cảnh sát Đức vừa thông báo cho Interpol Việt Nam danh sách 21 người Đức tình nghi lạm dụng trẻ em (với đầy đủ tên tuổi, địa chỉ, số hộ chiếu) sẽ nhập cảnh vào Việt Nam.

## **"Ngu si hưởng thái bình"**

Đại hội 10 Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ họp vào tháng 6-2006 sắp tới với khoảng 1.100 đại biểu. Cho tới nay đã có ít nhất ba hội nghị trung ương để chuẩn bị cho đại hội này, lần chót là hội nghị trung ương 13 hồi đầu năm nay. Sẽ còn ít nhất một hội nghị trung ương 14, có lẽ vào tháng 4 sắp tới, để chuẩn bị nhân sự lãnh đạo cho đại hội 10.

Theo nội qui của Đảng Cộng Sản Việt Nam thì đại hội là cơ quan quyền lực cao nhất. Trên thực tế, đại hội chỉ có một công tác duy nhất là giơ tay biểu quyết những chọn lựa đã được "chuẩn bị" từ trước, đặc biệt là về thành phần nhân sự lãnh đạo (những người được vào ban chấp hành trung ương, bộ chính trị, ban bí thư...).

Như thường lệ, trước mỗi đại hội, ban lãnh đạo yêu cầu đảng viên và nhân dân đóng góp. Điều mới trong một tháng qua là những đóng góp đã thảng thắn phê phán tổng bí thư Nông Đức Mạnh, một người cho tới nay không được ai đánh giá cao về tài năng cũng như không bị ai đả kích. Ông được bầu vào chức vụ tổng bí thư vì không là một đe dọa cho ai.

Xuất thân là một cán sự lâm nghiệp, ông Mạnh, tuy không có bất cứ một thành tích nào, đã được cất nhắc lên rất nhanh chỉ vì không bị tai tiếng là tham nhũng và cũng không làm phiền lòng ai. Những người phê phán ông Mạnh cũng chỉ phê phán ông là bất tài và nhu nhược.

Một nhân vật khác cũng vô tích sự và nhu nhược không kém, nhưng được tiếng là hiền lành là thủ tướng Phan Văn Khải, cũng được yêu cầu về hưu. Cũng tương tự, ông Trần Đức Lương, chủ tịch nước, được yêu cầu từ chức và về hưu.

Cho tới nay, "ngu si hưởng thái bình" vẫn là bí quyết thăng tiến trong đảng cộng sản. Công thức đó đã đưa những người như ông Mạnh, ông Lương, ông Khải lên tột đỉnh quyền lực. Nhưng hiện nay tình trạng này không còn hiệu nghiệm nữa, ngu si không còn được hưởng thái bình vì tình hình đã quá nghiêm trọng đòi hỏi những người dám và biết lấy quyết định. Vẫn đề là đảng cộng sản không còn những khuôn mặt nào sáng giá hơn ba nhân vật này.

## Thằng cầm hình

Hắn gọi điện thoại cho tôi liên tiếp mấy lần mời vợ chồng tôi đi ăn cơm. Hắn nói có chuyện quan trọng lắm.

Chúng tôi là bạn thân ở trung học, rồi chia tay nhau sau tú tài. Năm 1974 tôi gặp lại hắn trong lần về phép tại Sài Gòn. Hắn vừa đậu xong cử nhân Anh Văn và đang là chủ một công ty nhỏ nhưng rất phát đạt. Hắn nói "ăn ít nhưng ăn chắc". Hắn khoe : "Tao có thằng cầm hình rồi". Thấy tôi không hiểu, hắn giải thích là mới có đứa con trai đầu lòng được hơn một tuổi, nghĩa là khi hắn chết có trưởng nam cầm chân dung hắn đi trước quan tài.

Sau ngày 30-4-1975, chúng tôi chạy tứ tung, rồi lại gặp nhau tại nước ngoài và ở cách nhau không xa. Hắn vẫn thành công như thường lệ. Tuy vậy hình như dịch vụ cầm hình ngày càng lên giá nên hắn than tốn tiền cho con cái quá, nhất là về sau cả hai đứa con hắn đều học những trường đại học tư rất danh tiếng nhưng cũng rất đắt tiền. Tôi ít gặp hắn trong những năm gần đây. Hắn ít mời khách về nhà vì sợ con cái bị phân tâm. Hắn muốn các con hội nhập hoàn toàn vào xã hội Mỹ và thành công thật rực rỡ.

Có một cái gì đó rất ân cần và thành thực trong cách hắn tiếp đón chúng tôi. Tóc hắn đã bạc. Hắn chững chạc và an nhiên, dù không hoạt bát và vui nhộn hơn trước. Bữa cơm đã chuẩn bị tươm tất. Chỉ có vợ chồng hắn và vợ chồng tôi. Hắn nói : "Gần sáu mươi rồi còn gì".

Tôi hỏi hắn về các con.

- Thằng John (đứa con đầu lòng của hắn ở Việt Nam tên là Giang, sang Mỹ đổi thành John) tốt nghiệp Harvard Business School đã mươi năm nay, bây giờ làm senior manager cho City Bank, lấy vợ Mỹ, được một con gái hai tuổi. Thằng Chris tốt nghiệp Wharton, đang làm assistant CFO cho Chase ở New York, mới lấy vợ Mỹ và sắp có con trai. Từ gần hai năm nay tao không gặp chúng nó. Hai đứa đều rất bận rộn nên chỉ một hai tuần mới gọi điện thoại thăm tao một lần. Có khi con đâu gọi lại gặp bà xã tao không nói thạo tiếng Mỹ, thế là huề.

- Mày nói là có chuyện quan trọng muốn nói với tao?

- Đúng thế, vợ chồng tao dự định về Việt Nam nghỉ hưu non. Bây giờ tụi tao cũng chẳng cần làm việc nữa, con cái thành đạt rồi, tiền nong cũng không thiếu, mấy cái nhà cho thuê cũng được chục ngàn đô mỗi tháng. Hai vợ chồng già nhìn nhau cả ngày cũng buồn. Con cái thì ở xa và bận rộn. Cả năm chưa gặp chúng nó một lần, mà gặp cũng không vui. Chúng nó thành Mỹ mẹ nó rồi. Vợ chồng chúng nó đều là thứ Mỹ quí tộc cả, mình quê mùa quá, không hợp. Tụi tao còn mấy đứa cháu con ông anh ở Sài Gòn, tao định về ở gần chúng nó cho vui. Ở Việt Nam bây giờ mươi ngàn đô một tháng không phải là vua mà là thượng đế. Tụi tao đã xây xong một căn nhà ở Thủ Đức.

## MỤC LỤC

01. Châu Âu lên án chủ nghĩa và các chế độ cộng sản  
*Thống Luận*  
*Nguyễn Minh*
02. Khả năng phòng vệ của Đài Loan  
*Nguyễn Gia Kiểng*
04. Đảng cộng sản không thể đổi mới  
*Bùi Tin*
06. Hoàn thiện hay vẫn chứng nào tật ấy?  
*Nguyễn Văn Huy*
09. Ai còn quan tâm đến số phận của những phụ nữ này?  
*Nguyễn Văn Huy*
10. Một tấm lòng với Nguyễn Vũ Bình và Phạm Hồng Sơn  
*Nguyễn Văn Hiệp*
11. Ba trường hợp điển hình  
*Tôn Thất Thiện*
13. Ai điên, ai cuồng tín?  
*Hồ Chí Minh*
14. Yêu dân chủ là yêu nước  
*Bùi Đình Sênh*
16. Bàn về cuộc khủng hoảng của phong trào dân chủ...  
*Nguyễn Văn Thể*
18. Thái giám Trịnh Hòa, lá bùa hộ thân của Bắc Kinh?  
*Nguyễn Huy Đức*
20. Một tiếng nói uy tín về ông Hồ Chí Minh  
*Lê Văn Lan*
21. 1306-2006, 700 năm cuộc tình Chế Mân và...  
*Nguyễn Dominique*
23. Thời đại Hùng - Thực - Trung  
*Lê Văn Hảo*
27. Như cánh phù dung  
*Võ Xuân Minh*
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Thằng cầm hình  
*Đây*

- Như vậy là mày thành công về mọi mặt.

Hắn trầm ngâm :

- Thành công cái deo gì. Con tao thành Mỹ 100% rồi. Ham cho con thành công quá cuối cùng mất mẹ nó con. Bây giờ tụi tao trở về Sài Gòn cũng như ba mươi năm trước, chỉ khác là không còn con. Lúc tao chết cũng chưa chắc chúng nó có mặt ở đó để cầm hình. Mà thực ra chúng nó cũng chẳng thành công gì. Lương cao đấy nhưng cũng chỉ làm công cho chủ Mỹ, chẳng có lý tưởng cao siêu nào cả. Vợ chồng mày vậy mà còn hơn tụi tao. Ít ra chúng mày còn giữ được con.

Chúng tôi im lặng. Hắn hỏi tôi :

- Con cái mày ra sao ?

- Chúng nó vẫn ở đây. Hai đứa lớn đã đi làm, ở ngay sát tụi tao. Chúng nó cũng có tham gia một tổ chức đấu tranh dân chủ hóa Việt Nam. Con bé út năm nay sắp vào đại học. Nó học khá lắm nhưng tụi tao không có phương tiện nên cho nó học State.

Hắn giãy nẩy lên :

- Không được. Nó học giỏi thì giá chót cũng phải cho vào Stanford. Tụi mày nên cố gắng. Tao có thể giúp tụi mày. Tụi tao còn dư một số tiền chẳng biết làm gì. Tao có thể cho mày mượn 100.000 đô. Chừng nào nó ra trường trả tao cũng được. Mày trả tiền lời 6 chấm thôi.

**Đây**